

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 210 – Chúa nhật 24.11.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Phải Đề Cao Phẩm Giá Của Hôn Nhân Và Gia Đình	Vatican 2
CHÚA LÀ VUA – VUA NHƯ THẾ NÀO?	Lm. JB. Vũ Xuân Hạnh
LỜI CẢM TẠ của Lm. Luca Phạm Quốc Sử - Chủ Nhiệm Đặc San GSVN và Tang quyền Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh (tiếp theo) Lm. Nguyễn Công Đoàn, SJ.	
CHIẾC ÁO BÀ BA	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
Ý niệm « sống lại » trong Thánh-Kinh Cựu Ước và trong tư tưởng Do-thái vào thời đầu Tây lịch kỷ nguyên.(tiếp theo)	Gs. Trần Văn Toàn
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ ĐỨC TIN - VẤN ĐỀ 16 –	Lm. Đan Vinh
TRUYỀN GIÁO NGÀY NAY: LÀM SAO TIN CHÚA MÀ VẪN KHÔNG MẤT LÒNG MẾN ĐỨC PHẬT?	Nguyễn Ngọc Phú Đa
Năm mươi năm mươi	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC – Bước Một – Tinh Tâm Đại Chung Viện Huế 28/10/213	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
MẬT ONG	Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 12 đến 16	Lm. Võ Tá Khánh

Phải Đề Cao Phẩm Giá Của Hôn Nhân Và Gia Đình

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

46. Lời mở đầu. Sau khi trình bày về phẩm giá nhân vị cũng như về một số bổn phận cá nhân hay xã hội mà con người được gọi để chu toàn trong vũ trụ, nay Công Đồng, với ánh sáng Phúc Âm và kinh nghiệm nhân loại, lưu ý mọi người về một số nhu cầu khẩn thiết của thời đại này, và là những nhu cầu đang ảnh hưởng rất nhiều đến nhân loại.

Giữa nhiều vấn đề làm cho mọi người ngày nay quan tâm, nên ghi nhận trước hết những điểm sau đây: hôn nhân và gia đình, văn hóa nhân loại, đời sống kinh tế xã hội và chính trị, hòa bình và sự liên đới gia đình các dân tộc. Cần phải dùng những nguyên tắc và ánh sáng bắt nguồn từ Chúa Kitô chiếu giải từng vấn đề này, để những nguyên tắc và ánh sáng đó hướng dẫn các Kitô hữu và soi sáng mọi người trong công cuộc kiếm tìm giải pháp cho biết bao vấn đề phức tạp nêu trên.

Chương I

Phải Đề Cao Phẩm Giá Của Hôn Nhân Và Gia Đình [51*](#)

47. Hôn nhân và gia đình trong thế giới ngày nay. Sự lành mạnh của con người cũng như xã hội nhân loại và Kitô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đoàn hôn nhân và gia đình. Do đó, cùng với tất cả những ai tán dương các cộng đoàn hôn nhân và gia đình, người Kitô hữu thành thực vui mừng trước những trợ lực khác nhau giúp con người ngày nay tiến tới trong việc cố võ cộng đoàn yêu thương ấy cũng như trong sự tôn trọng đời sống; những trợ lực ấy còn giúp đỡ các đôi vợ chồng và các bậc làm cha mẹ trong sứ mệnh cao cả của họ. Người Kitô hữu còn mong đợi và nỗ lực thực hiện những thành quả tốt đẹp hơn.

Nhưng phẩm giá của định chế ấy không phải ở đâu cũng sáng tỏ như nhau, vì đã bị lu mờ bởi chế độ đa thê, nạn ly dị, bởi cái mà người ta gọi là tự do luyến ái, cùng những hình thức lệch lạc khác. Hơn nữa, tình yêu hôn nhân rất thường bị hoen ố vì lòng ích kỷ, khoái lạc chủ nghĩa và những lạm dụng bất hợp pháp cản trở sự sinh sản. Ngoài ra, các hoàn cảnh hiện tại về kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị đang gây cho gia đình những xáo trộn trầm trọng. Sau hết, tại một vài nơi trên thế giới, người ta không khỏi lo lắng nhận thấy những vấn đề được phát hiện do sự gia tăng dân số. Tất cả những điều ấy đang làm khắc khoải lương tâm con người [52*](#). Tuy nhiên, có một điều chứng tỏ sức mạnh và sự bền vững của định chế hôn nhân và gia đình, đó là các biến đổi sâu xa của xã hội hiện tại, mặc dù gây ra nhiều khó khăn, nhưng vẫn rất thường bộc lộ bản chất đích thực của định chế trên bằng nhiều cách.

Bởi vậy, bằng cách làm sáng tỏ hơn một vài chủ điểm trong giáo lý của Giáo Hội, Công Đồng muốn soi sáng và khích lệ người Kitô hữu cũng như mọi người đang cố gắng bảo toàn và cố võ phẩm giá tự nhiên cũng như giá trị thiêng liêng cao cả của đời sống hôn nhân.

48. Sự thánh thiện của hôn nhân và gia đình. Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng. Đời sống chung này được gây dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại [53*](#). Như thế, bởi một hành vi nhân linh, trong đó, hai vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, phát sinh một định chế vững chắc có giá trị trước mặt xã hội nữa. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau [1](#); những điều ấy hết sức quan trọng đối với sự tiếp nối nhân loại, sự phát triển cá nhân và phần rỗi đời đời của mỗi thành phần trong gia đình, quan trọng đối với phẩm giá, sự vững chãi, an bình và thịnh vượng của chính gia đình và của toàn thể xã hội loài người. Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu lứa đôi qui hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái như chóp đỉnh điểm phức của hôn nhân. Như thế, bởi giao ước hôn nhân, người nam và người nữ "không còn là hai, nhưng là một xương thịt" (Mt 19,6), phục vụ và giúp đỡ lẫn nhau bằng sự kết hợp mật

thiết trong con người và hành động của họ, cảm nghiệm và hiểu được sự hiệp nhất với nhau mỗi ngày mỗi đầy đủ hơn. Sự liên kết mật thiết vẫn là sự tự hiến của hai người cho nhau cũng như lợi ích của con cái buộc hai vợ chồng phải hoàn toàn trung tín và đòi hỏi kết hợp với nhau bất khả phân ly ².

Chúa Kitô ban dồi dào ơn phúc cho tình yêu muôn hình ấy, một tình yêu phát xuất từ nguồn mạch tình yêu Thiên Chúa và được tác thành theo gương kết hiệp của Chúa Kitô và Giáo Hội. Thực vậy, như xưa kia Thiên Chúa đến gặp gỡ dân Ngài bằng một giao ước yêu thương và trung thành ³, ngày nay Đấng Cứu Thế, Bạ Trăm Năm của Giáo Hội ⁴, cũng đến với đôi vợ chồng qua Bí Tích Hôn Phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng cũng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau như Người đã yêu thương Giáo Hội và đã nộp mình vì Giáo Hội ⁵. Tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa, được hướng dẫn và thêm phong phú nhờ quyền năng cứu chuộc của Chúa Kitô và hoạt động cứu rỗi của Giáo Hội, để hai vợ chồng được dẫn dắt cách hữu hiệu đến cùng Thiên Chúa, cũng như được nâng đỡ và kiện cường trong nhiệm vụ cao cả làm cha mẹ ⁶. Bởi đó, vợ chồng Kitô hữu được củng cố và như được thánh hiến ⁷ bằng một bí tích riêng để được lãnh nhận các bổn phận và phẩm giá của bậc sống họ; nhờ sức mạnh của bí tích này, họ được thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô mà chu toàn bổn phận hôn nhân và gia đình của họ, nhờ đó tất cả đời sống của họ được thấm nhuần đức tin, cậy, mến, và càng ngày họ càng tiến gần hơn tới sự trọn lành riêng biệt của họ và sự thánh hóa lẫn nhau; và bởi đây, cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa ^{54*}.

Do đó, được cha mẹ hướng dẫn bằng gương sáng và kinh nguyện gia đình, con cái và tất cả những ai sống trong khuôn khổ gia đình sẽ gặp được con đường nhân ái, cứu độ và thánh thiện dễ dàng hơn. Còn vợ chồng đã lãnh nhận phẩm giá và chức vụ làm cha mẹ sẽ chăm lo chu toàn bổn phận giáo dục, nhất là về phương diện tôn giáo vì bổn phận này liên hệ đến họ trước hết.

Con cái là những phần tử sống động trong gia đình nên cũng góp phần riêng vào việc thánh hóa cha mẹ. Thực vậy, con cái sẽ đáp lại công ơn cha mẹ với lòng biết ơn, tâm tình hiếu thảo và tin cậy, và sẽ theo đạo làm con mà phụng dưỡng cha mẹ trong nghịch cảnh cũng như trong tuổi già cô quạnh. Mọi người hãy tôn trọng đời sống góa bụa được can đảm tiếp nhận như một tiếp nối ơn gọi hôn nhân ⁸. Các gia đình hãy quảng đại san sẻ cho nhau những của cải thiêng liêng. Như thế, mỗi gia đình Kitô hữu xuất phát từ hôn nhân, một hôn nhân như là hình ảnh và nói lên sự tham dự giao ước yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội ⁹, nên sẽ biểu hiện trước mặt mọi người sự hiện diện sống động của Đấng Cứu Thế trong thế giới và bản chất đích thực của Giáo Hội qua tình yêu, qua niềm quảng đại chấp nhận sinh sản con cái, qua sự hiệp nhất và trung tín của hai vợ chồng cũng như qua sự hợp tác thân ái của mọi thành phần trong gia đình.

49. Tình yêu vợ chồng. Lời Chúa đã nhiều lần mời gọi những người sắp kết hôn hãy nuôi dưỡng thời kỳ đính hôn bằng một tình yêu trong sạch và những người đã thành vợ chồng hãy nâng đỡ cuộc sống lứa đôi bằng một tình yêu không chia xẻ ¹⁰. ^{55*} Nhiều người hiện thời vốn coi trọng tình yêu đích thực giữa vợ chồng, biểu hiện bằng nhiều cách theo những tập tục lành mạnh của mỗi thời đại, mỗi dân tộc. Tình yêu ấy có đặc tính nhân linh cao cả vì từ một nhân vị hướng đến một nhân vị khác bằng một tình cảm tự ý, do đó bao gồm hạnh phúc toàn diện của con người. Nên tình vợ chồng có thể lờn vào những biểu lộ của thể xác và tâm hồn một phẩm giá đặc biệt, và khiến chúng trở nên cao quý như những yếu tố và dấu hiệu đặc thù của tình yêu đôi bạn. Bởi một ơn huệ đặc biệt của ơn sủng và của tình thương, Chúa đã đoái thương chữa trị, cải thiện và nâng cao tình yêu ấy. Một tình yêu kết hợp yếu tố nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thấm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ triu mến ¹¹. Hơn nữa, chính nhờ những hành vi quảng đại của mình mà tình yêu giữa hai người được trọn vẹn và lớn thêm. Tình yêu vợ chồng, do đó vượt xa xu hướng nhục dục thuần túy, và xu hướng này, nếu được tôn thờ một cách ích kỷ, sẽ mau chóng tan biến và kéo theo những hậu quả thảm hại ^{56*}.

Sự âu yếm trên được biểu lộ và hoàn hảo cách đặc biệt qua những động tác riêng của hôn nhân. Bởi vậy, những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự trao hiến hổ tương, nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn ^{57*}. Được bảo đảm vì tín cẩn nhau và nhất là được chuẩn y bởi bí tích của Chúa Kitô, tình yêu ấy trung thành bất khả phân ly giữa cảnh đời thăng trầm, và do đó loại hẳn mọi hình thức ngoại tình và ly dị. Phải nhìn nhận phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa vợ chồng trong tình tương ái trọn vẹn để nhờ đó, biểu hiện rõ ràng tính cách duy nhất của hôn nhân đã được Chúa xác nhận. Để kiên trì gánh vác những bổn phận của ơn gọi Kitô giáo này, cần phải có một nhân đức phi thường: vì thế, vợ chồng đã được ơn sung củng cố để sống thánh thiện sẽ ân cần nuôi dưỡng và cầu xin cho được một tình yêu vững bền, một tâm hồn đại lượng và một tinh thần hy sinh.

Tình yêu vợ chồng chân chính sẽ được quý trọng hơn và người ta sẽ nghĩ tưởng về hôn nhân cách lành mạnh hơn, nếu các vợ chồng Kitô hữu làm chứng rõ ràng về sự trung thành và hòa hợp trong tình yêu cũng như trong niềm âu lo giáo dục con cái, nếu họ góp công hoạt động trong việc chấn hưng văn hóa, tâm lý và xã hội, một sự chấn hưng cần thiết để đề cao hôn nhân và gia đình. Phải biết hợp thời và hợp cách giáo dục thanh thiếu niên về phẩm giá, phận sự và hành vi thể hiện tình vợ chồng, tốt nhất là trong chính khung cảnh gia đình. Nhờ vậy, một khi đã được rèn luyện để giữ đức khiết tịnh, đến tuổi thích hợp, chúng có thể từ thời đính hôn đứng đắn tiến tới hôn nhân.

50. Sự sinh sản trong hôn nhân. Hôn nhân và tình yêu vợ chồng, tự bản tính qui hướng về sự sinh sản và giáo dục con cái ^{58*}. Con cái là ơn huệ cao quý nhất của hôn nhân và là sự đóng góp lớn lao kiến tạo hạnh phúc của cha mẹ. Thiên Chúa đã phán: "Đàn ông ở một mình không tốt" (Stk 2,18). Ngài là Đấng "...từ buổi đầu, đã dựng nên một người nam và một người nữ" (Mt 19,4); chính Ngài muốn thông ban cho con người cộng tác một phần đặc biệt vào công việc tạo dựng của Ngài, Ngài đã chúc lành cho người nam và người nữ rồi nói: "Các ngươi hãy tăng gia, sinh sản" (Stk 1,28). Do đó, việc thể hiện đích thực tình yêu vợ chồng cũng như toàn thể tổ chức đời sống gia đình phát sinh từ việc thể hiện ấy, đều nhằm giúp đôi vợ chồng can đảm sẵn sàng cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hóa và Cứu Thế, mặc dù không loại bỏ các mục đích khác của hôn nhân. Nhờ đời sống lứa đôi, Ngài làm cho gia đình Ngài ngày càng bành trướng và phong phú hơn ^{59*}.

Bổn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng. Trong khi thi hành bổn phận ấy, họ biết rằng mình cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Tạo Hóa và như trở thành những kẻ diễn đạt tình yêu của Ngài. Bởi vậy, họ sẽ chu toàn bổn phận mình với trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu ^{60*}. Tôn trọng, tuân phục Thiên Chúa, đồng tâm hiệp lực với nhau, họ sẽ tạo được cho mình một phán đoán ngay thẳng: biết xét đến lợi ích riêng của họ cũng như của con cái đã sinh hay tiên liệu sẽ có, nhận định về các hoàn cảnh vật chất hay tinh thần của thời đại và bậc sống, sau hết biết nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa. Trong cách thể hành động, vợ chồng Kitô hữu hãy ý thức là mình không thể làm theo sở thích, nhưng phải luôn luôn tuân theo tiếng nói của một lương tâm phải được khuôn đúc theo luật Chúa, hãy vâng phục Giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội có thẩm quyền giải thích luật Chúa dưới ánh sáng Phúc Âm.

Luật Chúa tỏ rõ ý nghĩa đầy đủ của tình vợ chồng, bảo vệ và khích lệ mối tình ấy đến mức hoàn thiện trên bình diện đích thực nhân loại. Bởi thế mà các vợ chồng Kitô hữu tôn vinh Đấng Tạo Hóa và tiến tới sự hoàn thiện trong Chúa Kitô, trong khi tin tưởng vào Chúa Quan Phòng và trau dồi tinh thần hy sinh ¹², để chu toàn bổn phận sinh sản cách quảng đại trong tinh thần trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu. Trong số những đôi vợ chồng theo phương thức ấy để chu toàn bổn phận Thiên Chúa trao phó, phải đặc biệt kể đến những người, sau khi suy xét khôn ngoan và đồng chấp thuận, đã can đảm nhận lãnh trách nhiệm dưỡng dục con cái cách xứng đáng, dẫu số con cái ấy khá đông ¹³.

Tuy nhiên, hôn nhân không phải chỉ được thiết lập để mưu sự truyền sinh mà thôi, nhưng chính đặc tính giao ước bất khả phân ly giữa hai người và lợi ích con cái đòi hỏi tình yêu hỗ tương của hai vợ chồng phải được phát biểu, thăng tiến và nảy nở cách chính đáng. Cho nên, ngay trong trường hợp không có con như hằng tha thiết mong mỏi, hôn nhân vẫn tồn tại như một cuộc sống chung và vẫn giữ được giá trị cùng đặc tính bất khả phân ly của mình.

51. Hòa hợp tình yêu vợ chồng với việc tôn trọng sự sống con người. Công Đồng biết rằng: muốn tổ chức đời sống vợ chồng cho thuận hòa, đôi bạn thường vấp phải một số tình trạng sinh sống khó khăn hiện đại và có thể lâm vào những hoàn cảnh khiến họ không thể gia tăng số con cái, ít là trong một thời gian; đó là lúc phải khó khăn lắm mới duy trì được tình yêu trung thành và sự chung sống trọn vẹn. Một khi đời sống thân mật vợ chồng bị gián đoạn, sự chung thủy thường bị đe dọa và lợi ích con cái có thể bị sút giảm; vì trong trường hợp này, việc giáo dục cũng như lòng can đảm sinh thêm con cái đều bị thương tổn [61*](#).

Có những người dám đưa ra những giải pháp bất lương để giải quyết vấn đề trên đây, họ không ngần ngại xử dụng cả những hành động sát nhân. Nhưng Giáo Hội nhắc lại rằng không thể có mâu thuẫn thực sự giữa những lề luật của Thiên Chúa liên quan đến việc truyền sinh và những luật liên quan đến việc phát triển tình yêu vợ chồng đích thực.

Thực vậy, Thiên Chúa là Chúa sự sống, đã trao cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống, và họ phải chu toàn bổn phận ấy cách xứng hợp với con người. Do đó, sự sống ngay từ lúc thụ thai phải được giữ gìn hết sức cẩn thận; phá thai và sát nhi là những tội ác ghê tởm. Dục tính cũng như khả năng sinh sản của con người trở vượt một cách kỳ diệu hơn những gì thấy được ở những cấp sinh vật thấp hơn. Bởi vậy, chính những hành vi đặc thù của đời sống vợ chồng, được thực hiện đúng theo phẩm giá đích thực của con người, đều phải được kính cẩn tôn trọng. Vì thế, khi cần hòa hợp tình vợ chồng với việc truyền sinh trong một tinh thần trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị; những tiêu chuẩn ấy sẽ tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh tình yêu đích thực. Đó là điều không thể thực hiện được nếu không thực tâm vun trồng đức khiết tịnh trong bậc vợ chồng. Trong việc điều hòa sinh sản, con cái của Giáo Hội trung thành với những nguyên tắc vừa viện dẫn, không được dùng những phương pháp mà Giáo Huấn đã bác bỏ khi giải thích luật Thiên Chúa [14](#). [62*](#)

Ngoài ra, mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bổn phận lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người.

52. Bổn phận của mọi người trong việc thăng tiến hôn nhân và gia đình. Gia đình là một trường học phát triển nhân tính. Nhưng để gia đình có thể sống trọn vẹn và chu toàn sứ mệnh mình, cần phải biết hòa hợp tâm hồn: vợ chồng phải cùng nhau bàn định cũng như cha mẹ phải ân cần cộng tác trong việc giáo dục con cái. Sự hiện diện tích cực của người cha giúp ích rất nhiều cho việc đào tạo con cái, nhưng cũng phải làm sao giữ được cho người mẹ vai trò chăm sóc gia đình, vì con cái, nhất là khi thơ bé, rất cần đến sự chăm sóc ấy; tuy nhiên, vẫn không được coi thường sự thăng tiến hợp lý của người phụ nữ trên bình diện xã hội. Phải giáo dục con cái thế nào để khi đến tuổi trưởng thành chúng có thể chọn bậc sống và theo ơn gọi, ngay cả ơn gọi tu trì, với ý thức trách nhiệm đầy đủ; và nếu kết hôn, chúng có thể lập gia đình riêng trong những điều kiện luân lý, xã hội và kinh tế thuận lợi. Bổn phận của cha mẹ hay người giám hộ là hướng dẫn những người trẻ khi lập gia đình, dùng lời khuyên nhủ khôn ngoan sao cho họ sẵn sàng nghe theo; tuy nhiên, phải cẩn thận, không dùng áp lực trực tiếp hay gián tiếp ép buộc họ kết hôn hay chọn bạn đường [63*](#).

Như thế, gia đình trở thành nền tảng của xã hội vì là nơi mà nhiều thế hệ gặp gỡ và giúp nhau nên khôn ngoan đầy đủ hơn cũng như giúp nhau hòa hợp những quyền lợi cá nhân với những đòi hỏi khác của cuộc sống xã hội. Bởi đó, tất cả những ai có ảnh hưởng trên các cộng đoàn và tập thể xã hội phải góp công hữu hiệu thăng tiến hôn nhân và gia đình. Chính

quyền phải nhìn nhận, bênh vực và phát huy tính chất đích thực của hôn nhân và gia đình, phải bảo vệ nền luân lý chung và giúp cho gia đình được sung túc, vì đó là những bổn phận mà chính quyền phải coi như một sứ mệnh thiêng liêng phải chu toàn. Lại phải bảo đảm cho cha mẹ quyền sinh sản và giáo dục con cái trong khung cảnh gia đình. Phải soạn thảo được những bộ luật biết tiên liệu và đề ra được nhiều sáng kiến để bảo vệ và nâng đỡ cả những người vì rủi ro mà không có gia đình.

Người Kitô hữu biết lợi dụng thời đại ¹⁵ và phân biệt những gì trường tồn với những hình thức hay thay đổi, phải nhiệt thành đề cao những giá trị hôn nhân và gia đình bằng chứng tá của chính đời sống mình cũng như bằng hành động hợp tác với những người thiện chí. Như vậy, sau khi vượt qua các trở ngại, họ sẽ thỏa mãn được những nhu cầu của gia đình và cung cấp cho gia đình những tiện nghi hợp với thời đại mới. Muốn đạt được mục đích ấy, rất cần đến ý thức Kitô giáo của các tín hữu, lương tâm luân lý ngay thẳng của mọi người cũng như sự khôn ngoan và khả năng chuyên môn của những ai am tường các môn học đạo.

Các vị thông thạo khoa học, nhất là các khoa sinh vật học, y học, xã hội và tâm lý học, có thể giúp ích rất nhiều cho hôn nhân, gia đình cũng như sự an bình lương tâm, nếu họ hiệp lực nghiên cứu và cố gắng làm sáng tỏ hơn nữa về những điều kiện khác nhau giúp con người điều hòa sinh sản cách lương thiên.

Sau khi được học hỏi đầy đủ về các vấn đề thuộc phạm vi gia đình, các linh mục có bổn phận nâng đỡ ơn gọi của vợ chồng trong đời sống hôn nhân và gia đình bằng những phương tiện mục vụ khác nhau, như rao giảng lời Chúa, lễ nghi phụng vụ hay những trợ lực thiêng liêng khác. Các ngài cũng phải nhân hậu và nhẫn nại nâng đỡ họ trong lúc gặp khó khăn, và khích lệ họ trong tình bác ái để họ tạo nên những gia đình thực gương mẫu rạng ngời ^{64*}.

Các tổ chức hoạt động tông đồ, nhất là những hiệp hội gia đình, phải cố gắng bằng lý thuyết và hành động nâng đỡ các thanh thiếu niên và chính các đôi vợ chồng, nhất là những đôi mới kết hôn, đồng thời huấn luyện cho họ về đời sống gia đình, xã hội và việc tông đồ.

Sau hết chính các đôi vợ chồng, được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa và được an định trong cấp bậc của các nhân vị, hãy kết hợp trong tình tương thân tương ái, đồng tâm hiệp ý và thánh hóa lẫn nhau ¹⁶, để trong khi theo Chúa Kitô là nguyên lý sự sống ¹⁷, giữa những nỗi vui mừng và hy sinh của ơn gọi và qua tình yêu chung thủy, họ trở nên chứng nhân của màu nhiệm tình thương mà Chúa đã tỏ ra cho thế giới qua sự chết và sự sống lại của Người ¹⁸.

Chú Thích:

51* 1) Giới thiệu: Gia đình là nền tảng của xã hội (số 47a), nhưng hiện nay bị nhiều vết nheo (b), nên Công Đồng muốn góp phần giáo lý để nâng cao gia đình và hôn nhân (c).

2) Diễn tả gia đình cách đại cương: Bản tính, khởi sự, giá trị và chiều hướng của hôn nhân (số 48a). Tính cách cao siêu của tình yêu hôn nhân (b). Đời sống gia đình hướng về Chúa (c). Vai trò của mỗi người trong gia đình và việc tông đồ của họ (d).

3) Tình yêu hôn nhân: tính cách (số 49a), phương cách biểu lộ nó (b), phải phổ biến quan niệm đích thực về nó (c).

4) Con cái: Hôn nhân hướng về việc sinh sản con cái (số 50a). Kẻ làm cha mẹ phải có trách nhiệm (b). Sinh sản con cái không phải là mục đích duy nhất (c).

5) Những khó khăn: gặp phải khi duy trì tình yêu đồng thời phải tôn trọng sự sống (số 51a). Những giải pháp không được áp dụng (b). Những tiêu chuẩn để chọn giải pháp (c,d).

6) Mục vụ gia đình: Ở trong gia đình (số 52a), trong đại gia đình và xã hội (b). Việc tông đồ của gia đình (c). Phần đóng góp của khoa học gia chuyên môn (d), của Linh Mục (e), của đôi hôn nhân (f).

52* Hôn nhân và gia đình là tế bào đầu tiên đồng thời là nền tảng của xã hội cũng như của Giáo Hội. Công Đồng muốn góp phần để bảo vệ hôn nhân vì ở nhiều nơi hôn nhân bị tội lỗi làm hoen ố. Công Đồng nhắc đến chế độ đa thê, ngược lại với tính cách hợp nhất của hôn nhân (số 48a phần cuối và 49b); ly dị, trái ngược với tính bất khả phân ly; tự do luyến ái tức sống chung mà không chấp nhận liên hệ hôn nhân. Công Đồng còn nói chung về những hình thức "lệch lạc khác": chẳng hạn hôn nhân thí nghiệm, nghĩa là khi chưa có con thì chưa thành bất khả phân ly; hôn nhân ép buộc của thanh niên thiếu nữ không ưa nhau, v.v... Hôn nhân hợp nhất và duy nhất còn có thể mất ý nghĩa cao đẹp do lòng ích kỷ của đôi bên, do khoái lạc chủ nghĩa, do những tội lỗi liên quan tới việc sinh sản.

Nhưng còn có nhiều hoàn cảnh khác cũng có thể gây nên những khó khăn và dịp tội cho hôn nhân. Công Đồng nhắc đến hoàn cảnh kinh tế: chẳng hạn tiền lương không đủ để nuôi dưỡng và giáo dục con cái; hoàn cảnh tâm lý và xã hội: như quan niệm mới về địa vị người phụ nữ, hay là môi trường sinh sống quá chú ý đến tình dục; hoàn cảnh dân sự: như lề luật trái ngược nguyên tắc luân lý, ví dụ việc phá thai, giải phẫu để ngăn cản khả năng sinh sản, v.v...; hoàn cảnh nhân khẩu gia tăng tại nhiều nơi cũng có thể đe dọa nền kinh tế của các quốc gia đang mở mang.

Trong thông điệp *Humanae Vitae*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công nhận đó là những lý do đã khiến Giáo Hội xét lại lập trường (số 2-5).

53* Đây là một định nghĩa của hôn nhân đáng cho ta lưu ý tới: a) cốt yếu là cùng một đời sống và cùng một tình yêu đặc biệt, b) tùy theo luật Chúa là Đấng đã sáng tạo hôn nhân, c) bắt đầu do sự ưng thuận nhau của hai người nam và nữ. Đối tượng của sự ưng thuận ấy là chính con người, hai con người tự hiến cho nhau và đón nhận nhau. Hai người: chứ không phải chỉ quyền lợi trên thân xác của mình mà thôi (như, theo Giáo Luật khoản 1081 đoạn 2, Thông điệp *Casti Connubii* của Đức Piô XI đã xác nhận: x. AAS 22 (1930), 541; Dz 3701/2225). Hai bên sẽ nên một về mọi phương diện: sinh lý, tâm lý, xã hội và đạo đức. Kết quả là một tổ chức vững chắc không phải tự ý riêng của đôi bên, nhưng theo ý định của Thiên Chúa. Tổ chức này có nhiều mục đích (số 50b) và mưu ích không những cho đôi bên mà còn cho gia đình và xã hội nữa.

1 Xem T. Augustinô, *De bono conjugali*: PL 40, 375-376 và 394. - T. Tôma, *Summa Theol.*, Suppl. Quaest. 49, art. 3 ad 1. - *Decretum pro Armenis*: Dz 702 (1327). - Piô XI, Tđ. *Casti connubii*: AAS 22 (1933), trg 543-555; Dz 2227-2238 (3703-3714).

2 Xem Piô XI, Tđ. *Casti Connubii*: AAS 22 (1930), trg 546-547; Dz 2231 (3706).

3 Xem Os 2; Gier 3,6-13; Ez 16 và 23; Is 54. (

4 Xem Mt 9,15; Mc 2, 19-20; Lc 5,34-35; Gio 3,29; 2Cor 11,2; Eph 5,27; Kh 19,7-8; 21,2 và 9.

5 Xem Eph 5,25.

6 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*: AAS 57 (1965), trg 15-16; 40-41; 47.

7 Xem Piô XI, Tđ. *Casti Connubii* :AAS 22 (1930), trg 583.

54* Hai đoạn 48ab nhấn mạnh rằng hôn nhân là một trong những ơn kêu gọi của Chúa để con người thánh hóa bản thân. Thiên Chúa đã sáng lập hôn nhân và quyết định bản tính của nó, mục đích, tính cách chính yếu cũng như đã thánh hóa nó và nâng cao nó làm thành một bí tích giúp đôi bên làm tròn nghĩa vụ và sống đức ái (x. Hiến chế tín lý về Giáo Hội 35c; 41e; và sau này: số 52g).

Hai vợ chồng được mời gọi để thánh hóa bản thân :1) bằng cách sống tình yêu riêng biệt (số 49-50a), 2) cũng như nhờ phận vụ làm cha làm mẹ (số 50).

8 Xem 1Tm 5,3.

9 Xem Eph 5,32.

10 Xem Stk 2, 22-24; Cn 5,18-20; 31,10-31; Tob 8,4-8; Dtc 1,1-3; 2,16; 4,16-5,1; 7,8-11; 1Cor 7,3-6; Eph 5,25-33.

55* Sách Sáng Thế Ký thuật lại hai câu chuyện khác nhau về Chúa dựng nên loài người. Từ 1,1 đến 2,4 nhấn mạnh sự khác nhau của hai giống nam và nữ, cốt để hai bên phối hợp và sinh con. Từ 2,5 đến 2,25 Thánh Kinh nói rằng người nữ được dựng nên sau và bởi người nam, giống như người nam, để nhấn mạnh người nam và nữ là để bổ túc cho nhau nhờ sự phối hợp nên "một thân thể" (trong Thánh Kinh danh từ này không chỉ nói về thân xác, nhưng ám chỉ tới toàn thể con người). Nên việc hai giống hướng về nhau, cũng như tình yêu giữa người nam và người nữ và cả tính dục nữa đều do Thiên Chúa dựng nên và là tốt đẹp. Tính dục không phải là kết quả của tội tổ tông. Tội ấy chỉ gây nên sự rối loạn của một thứ tính dục không còn từng phục lý trí (Stk 3,7-16).

Qua các chuyện về tổ phụ, Thánh Kinh nhấn mạnh phương diện sinh sản: các ngài đã chấp nhận chế độ đa thê (v.d. Stk 16,1; 29,15-30) và việc lấy vợ lẽ (30,3-12). Không sinh đẻ được, là vì Chúa phạt (15,3).

Các sách Khôn Ngoan (đặc biệt là Diễm Tình Ca) ca tụng tình yêu vợ chồng, mà không đề cập đến việc sinh sản một cách rõ ràng. Tình yêu ấy là tình yêu xác thịt (xem vd. Cn 5,15-20).

Phần các tiên tri khi các ngài so sánh giao ước giữa Thiên Chúa và dân Israel với tình yêu vợ chồng, các ngài đã mặc nhiên nêu ra lý tưởng tình yêu đối với hôn nhân.

11 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii : AAS 22 (1930), trg 547-548; Dz 2232 (3707).

56* Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 8-9) diễn tả tình yêu vợ chồng như sau: 1) nguồn gốc của nó là Thiên Chúa, 2) nó tốt đẹp vì trong đó hai người tự hiến cho nhau để trở nên một và trau dồi cho nhau, 3) nó tượng trưng sự phối hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, 4) nó là tình yêu nhân bản: vừa cảm giác vừa thiêng liêng, phát sinh từ ý chí tự do, chứ không chỉ do tình cảm và bản năng mà thôi, 5) nó trọn vẹn, nghĩa là khiến hai bên chia sẻ mọi sự và tìm mưu ích cho bạn hơn là cho mình, 6) nó chung thủy và duy nhất đến giờ chết, 7) và đưa tới kết quả ngoài ích lợi cho đôi bên, nghĩa là nó hướng về việc sinh sản con cái.

57* Tất cả những cử chỉ âu yếm thân xác, đến chính việc phối hợp mật thiết, đều là phương pháp riêng biệt để biểu lộ, thể hiện và cổ võ tình yêu hôn nhân. Là những hành động của con người, của con Thiên Chúa, để sống ơn gọi của mình, hành động đó không có gì là bất xứng. Không phải hôn nhân cho phép để thực hành những điều đê tiện. Hôn nhân thường thường đòi hỏi những hành động ấy, cốt như phương pháp để thể hiện ơn gọi của Chúa. Việc thú vật cũng có những tác động tương tự bên ngoài, không nên gây ra sự ngỡ ngàng. Dĩ nhiên đôi vợ chồng phải thực hiện những hành động đó một cách xứng hợp với con người, nghĩa là một cách hợp lý và hợp đức tin, chứ không phải chỉ vì bản năng tính dục, vì ích kỷ và bất chấp hoàn cảnh của bạn mình, của con cái, của gia đình và của xã hội.

58* Hôn nhân là để hai vợ chồng yêu nhau, hiệp nhất với nhau, bổ túc cho nhau, hay là để sinh sản con cái? Trước khi có Công Đồng, giáo lý công giáo trả lời: mục đích thứ nhất là để sinh sản con cái. Còn việc vợ chồng giúp đỡ nhau và việc kết hiệp tính dục với nhau là mục đích thứ nhì và phụ thuộc. Trong ghi chú 1 (số 48a) Công Đồng nhắc lại vài tài liệu phân biệt các mục đích như thế. Dĩ nhiên giáo lý đã không coi thường tình yêu vợ chồng, bởi vì ba mục đích ấy đều phải được thực hành trong bầu không khí yêu nhau. Nhưng Công Đồng đã nhấn mạnh đến tình yêu trong khi không chỉ lưu ý đến khía cạnh pháp lý của hôn nhân, nhưng đã đề cao phương diện nhân vị. Nên, bây giờ ta phải nói rằng hôn nhân là để hai bên yêu nhau và tự hiến cho nhau, nhờ đó mà sinh sản con cái, vì chính tình yêu vợ chồng cũng như hôn nhân đều hướng về việc sinh sản. Giữa tình yêu vợ chồng và việc sinh sản con cái không có sự mâu thuẫn gì cả, trái lại nếu bỏ một trong hai, thì sẽ không thể hiểu điều kia được. Yêu nhau với tình yêu này (hôn nhân) mà lại cố gắng ngăn cản việc sinh sản con cái đây là điều mâu thuẫn. Trái lại, muốn có con mà không chịu yêu nhau thì không xứng hợp với phẩm giá con người. Tự hiến cho nhau, nhưng cùng một lúc cố ý loại trừ khả năng cao quý nhất của mình là khả năng làm cha làm mẹ, có phải tự hiến mình trọn vẹn không? có phải yêu thật không?

59* Công Đồng không bằng lòng phân biệt các mục đích như cũ. Chỉ nhắc lại hai mục đích quan trọng nhất là tự hiến cho nhau và sinh sản con cái. Thực ra, hai mục đích này (và nhiều mục đích khác để phát triển nhân phẩm về mọi phương diện...) đều là chính yếu, nghĩa là hôn nhân đòi hỏi quyền lợi để hai bên có thể nhờ nhau mà đạt tới những mục đích ấy. Lập kế ước hôn nhân, nhưng loại trừ quyền lợi để sinh sản con cái thật là vô lý và kế ước không thành. Vậy thì, cố ý loại trừ quyền lợi để yêu nhau và để tự hiến cho nhau, cũng là vô lý, vì kế ước này cốt để trao đổi cho nhau.

60* Ở đây Công Đồng dạy một giáo lý mới mẻ: lập gia đình để (nhờ tình yêu nhau) làm cha và làm mẹ; nói như thế thì chưa đủ. Phải nói thêm: để làm bậc cha mẹ có trách nhiệm! Như thế có nghĩ a gì? Công Đồng dạy: 1) sinh sản con cái là sứ mệnh của vợ chồng, 2) phải thực hành như là cộng tác viên của Chúa và là "thông ngôn viên" cho tình yêu của Chúa (nghĩa là: tình yêu Chúa luôn luôn muốn dựng nên con người mới, nhưng hai vợ chồng phải tìm hiểu ý Chúa trong hoàn cảnh thực tế của họ), 3) thực hành với lòng kính trọng Thiên Chúa, 4) và tin cậy Ngài, 5) cũng như với tinh thần hy sinh, 6) để vinh danh Chúa, 7) và thánh hóa bản thân.

Theo các nguyên tắc ấy, vợ chồng nên sinh hạ bao nhiêu con cái? Trước đây những tín hữu đạo đức có lẽ đã trả lời: "Chúa muốn bao nhiêu thì chúng con sẽ sinh ra bấy nhiêu". Nhưng câu đó không hợp với giáo lý như Công Đồng dạy. Không khác gì với lập trường của người chỉ ham mê khoái lạc và do đó sẽ áp dụng các phương pháp để ngăn cản sự sinh sản, câu ấy có thể tỏ ra ý muốn đề cao nguyên tắc "phải thỏa mãn tính dục" trước đã! Như vậy chưa phải là có trách nhiệm. Bởi đó Công Đồng ngợi khen những vợ chồng sẵn sàng có đồng con, nhưng rồi dạy rằng họ phải quyết định số con cái có thể có theo những nguyên tắc sau đây: 1) ích lợi về mọi phương diện của hai vợ chồng (ví dụ: người mẹ có đủ sức không?) 2) ích lợi của con cái (ví dụ gia đình có đủ phương tiện để giáo dục chúng nó không?) 3) tùy theo thời gian, hoàn cảnh vật chất và tinh thần, 4) tùy theo ích lợi của đại gia đình, của xã hội và của Giáo Hội.

Chính vợ chồng phải quyết định số con, chứ không phải chỉ người chồng hay ông bà. Họ sẽ quyết định theo lương tâm của họ: một lương tâm cố gắng hiểu biết luật Chúa như Giáo Hội trình bày.

Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 10) nhấn mạnh rằng chính tình yêu hôn nhân đòi hỏi trách nhiệm này. Ngài cũng cắt nghĩa trách nhiệm: 1) theo phương diện sinh lý là tôn trọng lẽ luật của các tiến triển sinh lý (nó cũng thuộc về nhân vị), 2) theo phương pháp chế ngự các xu hướng bản năng và dục vọng, đó là biết tự chủ theo lý trí, 3) theo phương diện hoàn cảnh vật lý, kinh tế, tâm lý, xã hội, đó là quyết định tùy theo hoàn cảnh cho phép thêm con, hay không, 4) theo phương diện luân lý, có trách nhiệm là quyết định và thực hiện quyết định đó một cách thích hợp với nhiệm vụ đối với Chúa, đối với chính mình, đối với gia đình và xã hội. Lương tâm của hai vợ chồng không tự ý tạo ra con đường tốt đẹp cho mình, nhưng nó phải khám phá ra con đường ấy nơi bản tính hôn nhân và nơi bản tính các hoạt động hôn nhân, theo như Giáo Hội cắt nghĩa.

Về phương pháp cụ thể khi vợ chồng cần hạn chế sinh sản, xin coi số 51.

12 Xem 1Cor 7,5.

13 Xem Piô XII, Huấn từ Tra le Visite, 20-1-1958: AAS 50 (1958), trg 91.

61* Vấn đề hạn chế sinh sản là vấn đề về các phương pháp. Vợ chồng muốn sống hợp với lý tưởng hôn nhân đã được trình bày ở trên, lắm lúc sẽ phải hạn chế số con. Nhưng không gằn gủi nhau, hay chỉ theo chu kỳ của người vợ, có thể làm hại cho tình yêu nhau, do đó cũng làm hại cho đời sống hôn nhân và cho con cái nữa. Công Đồng không giấu kín sự kiện này. Vậy khi cần hạn chế số con, có thể áp dụng phương pháp nào? Công Đồng chỉ trả lời một cách đại cương mà thôi: phải loại trừ phương pháp xấu xa, như giết người (số 51b), phá thai và giết trẻ em (số 51c). Rồi Công Đồng dạy nguyên tắc phải áp dụng trong việc chọn lựa phương pháp. Phương pháp bao giờ cũng phải 1) tôn trọng giá trị của sứ mệnh lưu truyền sự sống và tôn trọng phẩm giá con người, 2) nó không thể trái ngược lẽ luật của Chúa về việc lưu truyền mạng sống, 3) vợ chồng phải có ý ngay lành, nhưng chưa đủ, 4)

chính phương pháp phải xứng hợp với các qui tắc khách quan về luân lý, 5) đó là những qui tắc dựa trên bản tính con người và tác động của con người, 6) nên phương pháp phải không được xâm phạm ý nghĩa tình yêu hôn nhân là tự hiến cho nhau, và tính cách nhân bản của việc sinh sản con cái, 7) bởi đó, đức trinh khiết hôn nhân là cần thiết, 8) cũng như lòng trung thành với Giáo Huấn của Giáo Hội.

14 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii: AAS 22 (1930), trg 559-561 : Dz 2239-2241 (3716-3718). - Piô XII, Huấn từ cho Đại hội Hiệp hội các Nữ Hộ Sinh Ý, 29-10-1951: AAS 43 (1951), trg 835-854. - Phaolô VI, Huấn từ cho các Nghị Phụ Hồng Y, 23-6-1964: AAS 56 (1964), trg 581-589. Theo lệnh của ĐGH, một số vấn đề cần tìm hiểu sâu xa hơn đã được trao cho một ủy ban đặc trách nghiên cứu về dân số, gia đình, tỉ số sinh sản, để sau khi cộng tác hoàn thành, ĐGH có thể thẩm định. Và với giáo huấn hiện thời của Giáo Hội, Thánh Công Đồng không có ý cấp thời đề ra những giải pháp cụ thể.

62* Ghi chú 14 trình bày lý do tại sao Công Đồng không phát biểu ý kiến về phương pháp cụ thể do khoa học đã khám phá ra, như thuốc viên, vòng xoắn, v.v... Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhờ ủy ban do Đức Gioan XXIII thiết lập nhằm học hỏi về các vấn đề gia đình, để nghiên cứu vấn đề hạn chế sinh sản. Ủy ban gồm có các nhà thần học, xã hội học, bác sĩ, các đôi vợ chồng (trên 70 hội viên) đã làm việc từ năm 1963 đến cuối năm 1967. Theo như chính Đức Giáo Hoàng xác nhận (Humanae Vitae số 6) đa số các hội viên bình vực lập trường chấp nhận bất cứ phương pháp nào để hạn chế sinh sản. Không nhắc đến lòng ích kỷ, ham khoái lạc, sợ trách nhiệm nặng nề trong việc sinh sản và giáo dục con cái, kể cả lập trường chống đối Giáo Hội cũng như lập trường kinh tế và chính trị của một số quốc gia, Ấn Độ chẳng hạn..., chính Đức Giáo Hoàng đã chỉ nhắc lại lý do của đa số trong ủy ban: 1) Có lý do ngoại tại, nghĩa là những lý do không trực tiếp quan hệ tới vấn đề, như việc dân số gia tăng quá mau; những hoàn cảnh làm việc, nhà ở, kinh tế; quan niệm mới mẻ về nhân phẩm phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong xã hội; việc sinh sản con cái đòi hỏi hy sinh đôi khi tới mức độ anh hùng (Humanae Vitae số 2-3). 2) Cũng có lý do nội tại như quan niệm về giá trị tình yêu hôn nhân và cử chỉ xác thịt; quyền năng của con người trên thiên nhiên và bản thân; nguyên tắc toàn diện, nghĩa là hôn nhân hướng về con cái nhưng không phải từng hoạt động vợ chồng phải trực tiếp hướng về nó; nguyên tắc phải chọn sự xấu nhẹ hơn, nghĩa là thà áp dụng phương pháp nhân tạo để hạn chế sinh sản còn hơn là mất tình yêu vợ chồng và hạnh phúc gia đình (Humanae Vitae số 2-3; 14, 16-17).

Ngày 25-7-1968 Đức Phaolô VI "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" (Humanae Vitae số 6) công bố câu trả lời về vấn đề các phương pháp cụ thể: "Cấm bất cứ hành động nào nhằm ngăn chặn sự sinh sản, dù như một mục đích hay chỉ như phương tiện, dù có hành động như vậy trước việc vợ chồng, hay là khi việc vợ chồng đang tiến tới hậu quả tự nhiên của nó" (Humanae Vitae số 14). Nghĩa là không được phép dùng thuốc viên ngăn cản thụ thai (nó có thể giết tinh trùng, giết trứng, ngăn cản trứng chín rụng, ngăn cản tinh trùng vào trong trứng), cấm dùng thuốc viên phá thai, đặt vòng xoắn vào tử cung, dùng bao cao su của đàn ông hay đồ giữ bộ phận của đàn bà, giải phẫu để cắt hay buộc các ống dẫn tinh dịch hay trứng, hoạt động như Onan (Stk 38,9: cố ý xuất tinh ở ngoài), cấm phá thai... Vì mỗi khi vợ chồng giao hợp với nhau, việc hôn nhân phải được mở ngõ để "có thể lưu truyền mạng sống" (Humanae Vitae số 11).

Đức Giáo Hoàng "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" mà dạy con cái Giáo Hội phải bỏ ý kiến riêng (Humanae Vitae số 28) và hơn nữa phải vâng lời mặc dù có thể là rất khó (Humanae Vitae số 19-20) bởi vì phải vâng theo luật của Giáo Hội và luật của Chúa (Humanae Vitae số 18).

Đức Giáo Hoàng đã áp dụng nguyên tắc Công Đồng Vaticanô II lập ra và đã công nhận rằng nếu cố ý ngăn cản việc thụ thai khi vợ chồng ăn ở với nhau, hành động đó không còn giữ ý nghĩa sâu xa của tình yêu và của hôn nhân, cũng như của tác động hôn nhân như Thiên Chúa đã muốn (Humanae Vitae số 9-13).

63* Các gia đình và đại gia đình (kể cả các linh mục lo cho đôi tân hôn) nên lưu ý tới câu này của Công Đồng. Vì ép duyên không những là tội bất công đối với thanh niên thiếu nữ có

quyền lợi bất khả xâm phạm để lập gia đình và chọn người bạn, mà còn gây nên nhiều khó khăn và nhiều dịp tội lỗi, không kể trường hợp hôn nhân bất thành vì mặc dầu hai bên đã ưng thuận, nhưng chỉ vì sợ hãi quá đáng (Giáo luật, khoản 1087). Lạm dụng lòng hiếu thảo của con mình để ép duyên là điều không thích hợp với giáo lý công giáo.

15 Xem Eph 5,16; Col 4,5.

64* Công Đồng lập lại hai nhiệm vụ chính của các linh mục lo cho đôi tân hôn là: 1) giáo dục đôi bên về ơn kêu gọi, về lý tưởng, về đời sống gia đình, về những khó khăn, v.v..., 2) nâng đỡ các cặp vợ chồng gặp khó khăn với lòng nhân từ và kiên nhẫn. Do đó việc khảo kinh hai bên sắp lập gia đình và sau đó chỉ lo việc rửa tội cho con cái và dạy giáo lý, ban bí tích cho kẻ liệt... thì chưa đủ.

Các ngài nên đặc biệt lưu ý tới tinh thần mới trong việc mục vụ (khi ngồi tòa chẳng hạn). "Trong việc này (tức việc dạy toàn bộ giáo lý, bắt chắp những khó khăn sẽ gặp phải như khi đề cập tới vấn đề nghiêm cấm sự áp dụng các phương pháp hạn chế sinh sản chẳng hạn), cần phải giữ đức nhẫn nại và nhân từ như chính Chúa đã làm gương trong cách đối xử với mọi người. Chúa... đã giữ thái độ quyết liệt đối với tội lỗi, nhưng đồng thời đã tỏ lòng thương xót đối với con người. Khi gặp khó khăn, chớ gì các đôi vợ chồng luôn luôn tìm thấy nơi lời nói và nơi tâm hồn của các linh mục, tiếng vang lời nói và tình yêu của Chúa Cứu Thế" (Humanae Vitae số 29). Chúa không đuổi kẻ sa ngã vì yếu đuối...

16 Xem Sacramentarium Gregorianum : PL 78, 262.

17 Xem Rm 5,15 và 18; 6, 5-11; Gal 2,20.

18 Xem Eph 5,25-27.

[VỀ MỤC LỤC](#)

CHÚA LÀ VUA – VUA NHƯ THẾ NÀO?

CHÚA NHẬT 34 THƯỜNG NIÊN – CHÚA KITÔ VUA VŨ TRỤ

Trong gần nửa thế kỷ, từ năm 1870-1914, Hội Thánh của Chúa Kitô liên tục đối diện với nhiều khó khăn. Trong những khó khăn ấy, rất nhiều đe dọa có thể gây nguy hiểm cho Hội Thánh về mặt đức tin cũng như về ngoại giao, kinh tế và nền hòa bình.

Bằng chứng là vào năm 1870, nước Tòa Thánh đã bị giải thể. Đó là ngày 22.9.1870, khi người Ý tiến vào Rôma và chiếm đóng Rôma.

Chưa đầy nửa tháng sau, ngày 2.10, Tòa Thánh và chính quyền Rôma tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý. Người ta đi đến nhất trí nước Tòa Thánh phải thuộc về đất Ý. Ngay sau đó ba tuần, chính quyền Ý tuyên bố Rôma trở thành thủ đô của nước Ý.

Tuy lãnh thổ bị mất, nhưng sứ mạng của Hội Thánh không mất. Cùng với cuộc phát kiến đất mới khắp nơi, lịch sử của Hội Thánh cũng từ đó mở sang trang mới: Hội Thánh bung ra toàn thế giới. Đúng là việc Chúa làm, Người đã sử dụng những khó khăn để tạo ra những thuận lợi lớn lao: phong trào truyền bá Phúc Âm lan nhanh. Công tác truyền giáo gặt hái nhiều thành công.

Tuy nhiên, thuận lợi trong việc mở mang đức tin, chỉ là thuận lợi riêng cho giới Công giáo về mặt tinh thần. Thực tế, Tòa Thánh đã bị giải thể. Nhưng đó chỉ là một sự kiện nằm trong toàn bộ những đe dọa và bất ổn chung cho cả nhân loại.

Đọc lại lịch sử thế giới, chúng ta thấy, từ cuối thế kỷ XIX, do các đế quốc đi tìm thuộc địa, tranh giành thuộc địa và nhiều lý do khác, đã có những mâu thuẫn ngấm ngấm hay trở thành những cuộc chiến lớn nhỏ. Chúng ta ghi nhận bốn cuộc chiến lớn như:

- Chiến tranh Mỹ – Tây Ban Nha (1898) dẫn đến việc Mỹ chiếm Cuba và Phi Luật Tân.

- Chiến tranh Anh – Buren (1899-1902): Anh chiếm hai quốc gia của người Buren, sáp nhập họ vào Nam Phi.

- Liên quân tám đế quốc can thiệp vũ trang vào Trung Quốc (1900) đàn áp phong trào Nghĩa Hòa Đoàn.

- Và từ 1904-1905, Nga – Nhật tuyên chiến.

Sự đe dọa và bất ổn ấy cứ âm ỷ trong đời sống và lịch sử nhân loại. Vì thế, phải đến một ngày, tất cả những âm ỷ ấy vỡ ra, vỡ mạnh, bùng nổ trên khắp thế giới.

Năm 1914, một trong hai cuộc chiến tranh tàn khốc nhất thế giới, có chiều rộng kinh khủng: bao trùm cả thế giới, đã làm cho cả nhân loại phải sống trong bầu khí của hận thù, giết hại, máu đổ khắp nơi. Đó chính là cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Lý do chủ yếu của cuộc chiến là bởi các đế quốc tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lợi trên các thuộc địa. Từ đó, thế giới hình thành hai phe kinh địch nhau: Khối Liên Minh gồm các nước Đức, Áo Hung và Ý – và Khối Hiệp Ước gồm Anh, Pháp, Nga, đã liên tiếp gây nên không biết bao nhiêu xáo trộn và giết chóc kinh hoàng.

Gánh chịu mất mát, đau đớn hàng đầu trong các cuộc chiến giành giật quyền lợi của đế quốc vẫn là dân thuộc địa và các nước nghèo. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất này đưa tới một kết quả thảm khốc: tám triệu người chết; 20 triệu người bị thương; nền kinh tế thế giới kiệt quệ; bản đồ thế giới được sắp xếp lại.

Nhưng giữa những cảnh thương tâm cho cả thế giới như thế, người Công giáo lại đón nhận một tin mừng vô cùng trọng đại, đó là một niềm hạnh phúc vĩ đại: Năm 1917, liên tiếp sáu tháng từ tháng Năm đến tháng Mười, tại làng Fatima ở Bồ Đào Nha, Mẹ Thiên Chúa đã nhiều lần viếng thăm thế giới. Qua ba trẻ chăn súc vật ngoài đồng là Phanxicô, Giacinta, Lucia, Đức Maria, Đấng được tuyên xưng là Nữ Vương Hòa Bình, đã an ủi thế giới nói chung và con cái mình là Giáo Hội nói riêng.

Tại Fatima, ngoài những mệnh lệnh Đức Mẹ đòi người tín hữu phải thực hiện, đó là: ăn năn đền tội, siêng năng lần chuỗi và tôn sùng Trái tim Đức Mẹ, Đức Mẹ còn tiên báo: chiến tranh thế giới sắp kết thúc.

Đúng như lời Đức Mẹ, cuối năm sau, tức năm 1918, cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất kết thúc. Chiến tranh tự nó đã là một điều khủng khiếp. Giờ đây, chiến tranh đi qua, nhưng hậu quả của chiến tranh còn khủng khiếp hơn: hàng chục vạn người nghèo đói khắp nơi. Nó còn để lại cho nhân loại vô vàn sự đổ nát, tan vỡ và thiếu thốn trầm trọng. Bây giờ thế giới phải bắt tay xây dựng lại.

1. Tuyên xưng Chúa Kitô Vua Bình an và Hiến dâng thế giới cho Người.

Sau những năm tương tàn, giết hại nhau quá sức đau lòng như thế, năm 1925, Đức Thánh Cha Piô XI thiết lập lễ Chúa Kitô Vua Vũ Trụ. Đức Giáo hoàng lập lễ này với một lý do quan trọng: Hiến dâng thế giới và nền hòa bình của nhân loại cho Chúa Kitô.

Thiết lập và tiếp theo là mừng lễ Chúa Kitô Vua Vũ Trụ hàng năm, Hội Thánh xin Chúa Kitô, vì tình thương của Người, hãy làm cho thế giới được bình an. Xin Chúa Kitô giải phóng con người khỏi nỗi sợ hãi của chiến tranh bạo tàn.

Nhất là trong thời buổi chúng ta đang sống đây, hầu như không ngày nào thế giới được bình yên. Hầu như ngày nào thế giới cũng có cảnh chém giết lẫn nhau. Hiếm có ngày nào nhân loại hưởng hạnh phúc trọn vẹn.

Bởi đó, ta cầu xin Cha Kitô, Vua Tình Yêu ban cho thế giới ơn bình an và xin cho lòng ta cũng được bình an, đừng hận thù, đừng nuôi lòng oán ghét anh em mình. Xin Chúa thương giải thoát thế giới khỏi chiến tranh, tai ương và giết chóc kinh hoàng.

Nhưng lễ Chúa Kitô Vua Vũ Trụ được thiết lập, không chỉ có một lý do duy nhất này mà thôi. Lễ này còn có hai ý nghĩa khác:

2. Tuyên xưng Vương quyền vĩnh cửu và không giới hạn của Chúa Kitô.

Chúa Kitô làm Vua không phải trong một thời đại nào, nhưng làm Vua đời đời. Vương quyền của Chúa không bao giờ mất đi, không bao giờ lung lay hay bất cứ ai có thể lấy được.

Chúa là Vua tối cao: Vua trên các vua, Vua của các vua; Chúa trên các chúa, Chúa của các chúa. Các vua cha trần gian phải thờ lạy một mình Vua Kitô.

Chúa Kitô làm vua, nhưng Vương quyền của Người không phải là một quốc gia, một dân tộc, cũng không bị giới hạn bởi bất cứ một ranh giới nào. Nhưng **Vương quyền của Chúa thể hiện trên toàn cõi vũ trụ**. Cả vũ trụ này là của Chúa Kitô. Người nắm tất cả trong tay của Người. Vận mạng của vũ trụ thuộc về Vua Kitô.

Nhưng vẫn còn một điều hơn cả vũ trụ bao la ấy: **Chúa Kitô làm vua trong lòng người ta.**

Nếu các vị vua chúa hoặc bất cứ nhà lãnh đạo nào, nếu cai trị, thì cùng lắm cai trị những gì là vật chất, và gìn giữ nề nếp, kỷ cương trong một khuôn phép. Nếu có cai trị thần dân của mình, chỉ là một hình thức cai trị, nắm lấy cái bên ngoài, nắm lấy những biểu hiện bên ngoài mà mọi người có thể dễ lộ ra đúng hoặc sai. Cùng lắm chỉ nắm được thể xác của người khác, để trong một hoàn cảnh nào đó bắt họ phải chết, cho họ sống, hay giam cầm họ.

Chỉ một mình Chúa Kitô làm Vua và chiếm trọn tâm lòng con người.

Làm vua ở bề nổi, làm vua về mặt vật chất, hay tỏ uy quyền của mình nơi thân xác con người không khó.

Làm vua lòng người, làm vua trong tâm hồn con người, làm vua nơi nội tâm của từng người, trong cả nhân loại, đó là điều không dễ thực hiện chút nào. Chỉ một mình Vua Kitô chiếm trọn vẹn nơi mỗi một người vừa tinh thần, vừa vật chất như thế.

Nói một cách chính xác hơn, trong cuộc trần này, chẳng ai có thể làm vua. **Chỉ Vương quyền của Chúa Kitô mới là Vương quyền đúng nghĩa, tuyệt đối.** Vì thế, ta tuyên xưng Vương quyền của Chúa Kitô là Vương quyền vĩnh cửu, không giới hạn.

3. Tuyên xưng Chúa Kitô là Vua Tình Yêu.

Chỉ duy nhất một mình Chúa Kitô nắm quyền. Mọi quyền hành nằm trong tay Người. Người là Vua vĩnh cửu và tuyệt đối.

Nhưng dù Vương quyền của Người là Vương quyền không giới hạn, chỉ có một không hai trong cõi loài người, Chúa Kitô không bao giờ cai trị bằng quyền lực của mình. Ngược lại, **Người cai trị bằng tình yêu.**

Đúng hơn, nếu hiểu theo nghĩa của loài người, cai trị là thị uy, là bắt mọi người lụy phục mình, là “ăn trên ngồi trước”, thì nơi Chúa Kitô chẳng phải là cai trị. Nhưng **Người là Nguồn yêu thương rót đầy nơi chúng ta và nơi cả thế giới này lòng yêu thương ấy.**

Tình yêu thương ấy chảy tràn trề, chảy lai láng, bất cứ ai chân thành tìm gặp đều có thể bắt gặp và nương nhờ, để được triều mến và được ấp ủ.

Vương quyền dẫu lớn lao, tuyệt đối là thế, nhưng Chúa Kitô, trước sau vẫn chỉ có một đường lối duy nhất là yêu thương, săn sóc và cứu chữa mà thôi.

Chính vì tình yêu vời vợi như thế, **Chúa Kitô đã chấp nhận chết cho thân dân của mình.** Người hiến thân hy sinh cho cả Hội Thánh.

Như vậy, qua cuộc hiến tế của Chúa, chúng ta nhận ra, Vua Kitô không chỉ là Vua hiền lành, nhân từ, **Người còn là vị Vua hạ mình đến tận cùng.** Đến nỗi khi nhìn ngắm sự hạ mình của Người trong cuộc hiến tế thương đau, ta chỉ còn biết lặng người đi, chìm đắm, thờ lạy, cảm tạ, chúc tụng, nguyện một lòng mang ơn Người và trung thành theo Người đến trọn cuộc đời.

Bởi chỉ có thể là một vị Vua yêu thương tận cùng nên mới hạ mình đến tận cùng như thế.

Cũng bởi Chúa yêu thương như thế, **hiều anh chị em Kitô hữu nhiệt thành đã để Người chiếm trọn bản thân mình, và lấy làm hạnh phúc vì được sống trong chiếc nôi tình yêu của Vua Giêsu.**

Cũng giống một người mẹ yêu thương con mình, hình ảnh của người mẹ ấy lấp đầy trong tâm hồn đứa con. Bằng lòng yêu thương không gì bằng, người mẹ đã chiếm trọn đứa con của mình. Tình yêu giữa Chúa Kitô và những ai khám phá ra tình yêu của Người, cũng sẽ được Người chiếm trọn vẹn như thế.

Vì thế, đối với tôi, tuyên xưng Chúa Kitô là Vua Tình yêu vẫn chưa có thể nói hết được nội dung của lòng yêu thương mà Chúa trao ban.

Chỉ có ai sống bằng một đời sống cầu nguyện thâm sâu và cảm nghiệm bằng tất cả nội tâm và lòng yêu mến của mình, mới hiểu được tròn đầy ba tiếng VUA TÌNH YÊU.

Bạn thân mến, bằng một vài suy niệm như thế trong lễ Chúa Kitô Vua Vũ Trụ, chúng ta chân thành nhận ra rằng: trên thế giới hiện nay có khoảng năm trăm ngàn linh mục, khoảng một triệu năm trăm ngàn tu sĩ nam nữ và hơn một tỷ người Công giáo. **Chỉ cần bằng ấy số lượng người biết để Chúa làm Vua lòng mình thực thụ, thế giới đã có một khối lượng men và muối cho cuộc đời lớn không thể tả.**

Nhưng thật nghịch lý và mâu thuẫn làm sao, khi trong chính cộng đoàn ấy, cộng đoàn của những con người nhìn nhận Vương quyền đích thực của Chúa Kitô, lại có bao nhiêu người để cho Chúa làm vua lòng mình hẫng hoi, bao nhiêu người miệng thì tuyên xưng Chúa là Vua Tình Yêu, nhưng lòng lại xua đuổi Chúa?

Chính vì thế, ngay trong cộng đoàn ấy, lẽ ra phải là một cộng đoàn chan chứa yêu thương như chính Vua Kitô yêu thương mình, thì lại cũng có quá nhiều những chia rẽ, mất bình an, mất tình huynh đệ, gây gương mù, thậm chí không thiếu thù hận và nuôi lòng thù hận thay vì tha thứ!

Chúng ta cầu nguyện cho thế giới được bình an, Hội Thánh được bình an, đó là điều hợp lý.

Chúng ta cầu xin cho ngày càng có nhiều người nhìn nhận Vương quyền của Chúa Kitô, đó lại càng là trách nhiệm phải làm.

Nhưng có một điều trước tiên ta phải thực hiện, thì mình lại hay quên, đó là **để cho lòng mình bình an, hòa nhã, yêu thương và chấp nhận anh chị em xung quanh**. Có như thế, ta mới có thể làm chứng tá cho Vương quyền của Chúa Kitô cách hữu hiệu.

Đàng khác, **nếu mỗi cá nhân có bình an, thế giới sẽ bình an. Mỗi Kitô hữu có bình an, Giáo Hội mới bình an. Người với người theo đuổi ơn bình an, người với người thật sự bình an...**

Vậy từ nay, bạn và tôi hãy để Chúa Kitô làm Vua lòng mình, để với Vương quyền của Người, ta sẽ sống cùng anh chị em xung quanh như Người đã sống.

Lạy Chúa Giêsu Vua Vũ Trụ, ước gì mỗi người Công giáo chúng con chịu để Chúa chi phối đời mình, và tha thiết mang Chúa trong tâm hồn mình. Nhờ thế, chúng con sẽ dễ dàng, chứ không để một trở ngại nào cản lối mình, đưa Chúa đến mọi nơi trên thế giới. Nhất là đưa Chúa đến những nơi đầy thác ghềnh, chông chênh, để với tình yêu của Chúa, chúng con đủ sức mang hòa bình biểu tặng thế giới và mỗi anh chị em.

Chỉ có như thế, vũ trụ này mới xứng đáng là vũ trụ của Chúa, chúng con mới xứng là những hoàng tử, công chúa của Vua Kitô!

Lm. VŨ XUÂN HẠNH

[VỀ MỤC LỤC](#)

LỜI CẢM TẠ của Lm. Luca Phạm Quốc Sử và Tang quyền

Toàn thể tang quyền chúng con xin chân thành cảm tạ :

Đức Hồng Y Gioan Baotixita, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Tu sĩ và toàn thể anh chị em giáo dân Tổng Giáo phận Saigon, Cha Hạt trưởng và Quý Cha Giáo hạt Chí Hòa, cách riêng đối với Cha Chánh Xứ, Ban Đại Diện và Toàn thể Anh chị em Giáo dân Giáo Xứ Vinh Sơn, Chí Hòa, Sài Gòn.

Đức Cha Giuse Châu Ngọc Tri, Giám Mục Giáo Phận Đà Nẵng.

Đức Cha Giuse Trần Xuân Tiếu, Giám Mục Giáo Phận Long Xuyên.

Đức Cha Máttêu Nguyễn Văn Khôi, Giám Mục Giáo Phận Qui Nhơn. Và toàn thể Anh em Chủng viện Làng Sông, Qui Nhơn.

Đức Cha Giuse Đinh Đức Đạo, Giám Mục Phụ tá Giáo Phận Xuân Lộc.

Cha Giuse Phạm Bá Lãm và toàn thể Anh em Giáo Hoàng Chủng Viện Piô X , Đà Lạt. Và Giáo phận Gốc Phát Diệm

Các Linh Mục đồng môn và toàn thể Anh em Chủng Viện Piô XII , Sài Gòn.

Các Linh Mục đồng môn và toàn thể Anh em Chủng Viện Tân Phước , Phước Tĩnh.

Các Linh Mục đồng môn Trường Truyền Giáo Rôma, Italy.

Quý Cha Giám Đốc, Quý Cha, Quý Sơ và toàn thể Anh chị em Nhà Hưu dưỡng Linh Mục Chí Hòa, Sài Gòn.

Quý Cha đồng tế , Quý Sơ Dòng Good Shepherd, và Cha Xứ cùng Anh chị em Giáo dân Giáo xứ Đức Mẹ La Vang, Baltimore, Maryland, Hoa Kỳ.

Toàn thể Quý Cha, Quý Sơ và Anh Chị em Giáo dân ở Quốc nội và Hải ngoại.

Cùng Quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần ở Quốc nội và Hải ngoại.



Vì tình thương yêu trong Chúa Kitô và Mẹ Maria, đã đọc Kinh, xin Lễ, và đến hiệp dâng Thánh Lễ Tiễn Biệt cuối cùng Cha cố Augustinô Maria PHẠM MINH TRI, cũng như đã gọi điện thoại, gửi điện thư chia sẻ sự mất mát của gia đình chúng con . Đặc biệt Đức Cha Giuse Châu Ngọc Tri đã gửi một Bức Thư Phân Ưu thật sâu đậm tình nghĩa Anh em trong Chúa Kitô, một gương sáng của Vị Mục Tử, đã đổ tràn Tình Yêu và Bình an của Thiên Chúa xuống cho gia đình chúng con và mọi người có liên hệ.

Xin Thiên Chúa là Cha rất nhân lành trả công bội hậu và ban mọi Ơn Lành Hồn Xác xuống trên Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Sơ và toàn thể Anh chị em giáo dân cùng thân bằng quyến thuộc bạn hữu xa gần khắp nơi, để mỗi người chúng ta được thêm sức mạnh mà tiến bước tới cùng đích là Nước Chúa, Quê Hương thật của Chúng ta.

Tang gia đồng cảm tạ.

Linh Mục Luca Phạm Quốc Sử, Hoa Kỳ.

Linh Mục Vinh Sơn Hoàng Long, OP. Việt Nam.

Linh Mục Phêrô Vũ Gia Long, Hoa Kỳ.

Gia Đình Quả phụ Đôminicô Phạm Quang Trang, Việt Nam.

Gia đình Anna Phạm Thị Quỳ, Hoa Kỳ.

Gia đình Giuse Phạm Hoàng Quỳnh, Hoa Kỳ.

VỀ MỤC LỤC

Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh (tiếp theo kỳ trước)

LTS. "Không phải bất cứ ai thừa vớì Thầy: Lạy Chúa, lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, Đấng ngự trên trời mới được vào mà thôi" (Mt 7,21), điều ấy dường như ai cũng đã biết; nhưng Ý Chúa dành cho mỗi người lại chẳng giống nhau, vì thế việc tìm hiểu Ý Chúa thế nào cho cả đời mình hay từng biến cố lớn nhỏ trong cuộc sống cá nhân cũng như cộng đoàn, sẽ trở thành công việc thật cấp bách và tối quan trọng. Chúa Kitô Giêsu đã từng gọi "thế hệ này là thế hệ gian ác" không phải vì chúng ta phạm những tội hình sự tày đình mà chỉ vì chúng ta đã không làm theo Ý Chúa muốn.

"Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh" là một tài liệu quý giá và công phu với ngôn từ giản dị rất dễ hiểu, được Cha Giuse Nguyễn Công Đoan, SJ soạn thảo cho các hội dòng tại VN, tuy nhiên những điều tác giả trình bày lại rất thực tế đến nỗi có thể áp dụng trong hầu hết mọi hoàn cảnh, kể cả trong các gia đình, những cộng đoàn lớn nhỏ, giáo xứ, giáo phận. Xin đặc biệt ưu ái đến với những giáo dân, tu sĩ, giáo sĩ vùng sâu vùng xa, nơi mà giao thông và mọi phương tiện đều khó khăn, Quý vị có thể tự "Nhận Định Thiêng Liêng" như một cuộc Linh Thao thực sự hữu hiệu - một khí cụ tối ưu của truyền thống Dòng Tên.

BBT chúng con hân hạnh được chia ra làm nhiều phần đăng liên tiếp trên các số báo GSVN. Hoặc quý vị có thể tải về máy trọn bản văn đầy đủ tại địa chỉ:

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=11781>

Hoặc cũng có thể gửi email cho BBT: giasivietnam@gmail.com

hoặc conggiaovietnam@gmail.com để có thể nhận qua email trọn bản văn trên file word.



Chúng con cũng xin chân thành cảm ơn Cha Giuse đã dành cho chúng con món quà giá trị và rất ý nghĩa này, đặc biệt là đúng vào thời điểm khởi đầu Sứ vụ Giáo hoàng của người con ưu tú của Dòng Tên: Đức Thánh Cha Phanxicô. Tài liệu này sẽ giúp hiểu thêm chính cung cách Quản Trị của Ngài.

BBT CGVN.

NB. Linh mục Giuse Nguyễn Công Đoan, Dòng Tên, ngoài các trách nhiệm trong nội bộ Dòng Tên tại Việt Nam, đã góp phần dưới nhiều hình thức trong việc phục vụ các Dòng Tu tại Tổng Giáo Phận Saigon từ năm 1975-2003. Sau đó ngài đã được Cha Bề Trên Tổng Quyền Peter-Hans Kolvenbach bổ nhiệm làm Phụ tá Bề Trên Tổng quyền đặc trách Vùng Đông Á - Úc. Từ năm 2008, ngài là Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh tại Giêrusalem, và phụ trách các tu sĩ Dòng Tên phục vụ tại Thánh Địa.

THỰC HÀNH NHẬN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG

Điều kiện tiên quyết để có thể cân nhắc cũng giống như khi ta muốn sử dụng cái cân, nếu là cân bàn thì phải điều chỉnh cho kim chỉ đúng số không, nếu là cân móc thì phải xê dịch quả cân cho tới khi cán cân thật thăng bằng. Đó là điều thánh I-nhã gọi là sự bình tâm, nghĩa là giữ cho lòng mình không nghiêng về phía nào cả, chỉ sẵn sàng theo đảng nào Chúa muốn thôi. Cũng như sức hút của trái đất giữ cho cán cân thăng bằng và tạo nên sự giao động khi có trọng lượng được đặt lên cân, thì ở đây chính sức hút của Thiên Chúa làm cho tâm hồn “bình tâm”.

Ta hãy đọc lại “lời phi lộ” của thánh I-nhã :

Trong mọi việc lựa chọn tốt, trong mức độ hết sức có thể, con mắt ý hướng chúng ta phải đơn sơ, chỉ nhằm cái (mục đích) vì đó tôi đã được dựng nên, ấy là để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và để cứu rỗi linh hồn tôi; như thế dù tôi lựa chọn cách nào thì việc lựa chọn ấy cũng phải nhằm giúp tôi đạt tới cứu cánh vì đó tôi được tạo dựng, nên không được xếp đặt và khuôn cứu cánh theo phương tiện, nhưng phải xếp đặt và khuôn phương tiện theo cứu cánh.

Làm sao đạt được sự bình tâm? Trong tiến trình cầu nguyện mà thánh I-nhã đã đúc kết để giúp người khác đi vào kinh nghiệm cầu nguyện đã biến đổi cuộc đời ngài, ngài đặt cái tựa đề : “Linh thao để tự thắng mình và sắp xếp cuộc sống cho có trật tự mà không quyết định theo một tình cảm lệch lạc nào”. Làm sao để có thể quyết định mà không dựa theo một tình cảm lệch lạc nào? Điều có thể nói ngay là phải loại trừ mọi tình cảm lệch lạc trước đã. Nhưng lấy gì làm chuẩn để có thể nói một tình cảm nào đó là lệch lạc? Lấy sức ở đâu mà uốn nắn được tình cảm của mình cho đúng chuẩn mực và khỏi lệch lạc?

Tiến trình Linh Thao sẽ giúp người “luyện tập” tìm được sự bình tâm, nhận biết những lệch lạc nơi bản thân và tìm được chuẩn mực cùng sức mạnh để uốn nắn tình cảm của mình.

Để tìm sự bình tâm, phải đặt mình dưới tác động của sức hút duy nhất là Thiên Chúa, cùng đích cuộc sống của con người, điều thánh I-nhã gọi là **nguyên lý và nền tảng** :

Con người được dựng nên để ngợi khen, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa, và nhờ đó cứu rỗi linh hồn mình. Mọi loài khác dưới đất cũng được tạo dựng cho con người, để giúp họ đạt tới cùng đích Đấng Tạo Hóa đặt cho họ. Bởi thế người ta chỉ được sử dụng tạo vật theo mức độ chúng giúp đạt tới cứu cánh và phải gạt bỏ khi chúng làm cản trở. Do đó, cần phải giữ cho mình được bình tâm [1] đối với mọi tạo vật trong tất cả những gì nằm trong sự tự do của ta và không bị cám, đến nỗi chúng ta không ước muốn sức khỏe hơn bệnh tật, giàu sang hơn nghèo khổ, danh vọng hơn nhục nhã, sống lâu hơn chết yếu và tương tự thế đối với mọi sự khác, nhưng chỉ ước muốn và lựa chọn cái gì dẫn đưa chúng ta tới cứu cánh của mình hơn cả.

Suy niệm, nghiền ngẫm chân lý nền tảng này của đức tin, nhận ra những hệ luận cho cuộc sống và mọi tương quan của mình, cầu xin ơn Chúa giúp để có thể đạt tới sự tự do nội tâm khiến mình không còn tìm chi khác ngoài Thiên Chúa là cùng đích đời mình. Đó là chiều kích hiện sinh của lòng tin. Thiên Chúa không chỉ là Đấng ngự trên cao, Ngài đã tự ban mình làm cùng đích cuộc đời tôi. Đón nhận ân huệ cao cả này và chấp nhận mọi hệ quả. Đây chính là quy luật của tình yêu: yêu một người là chấp nhận sự hiện diện của người ấy và mọi hậu quả của sự hiện diện ấy trong cuộc đời mình. Đó là “kính mến Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi sự” như ta vẫn đọc trong kinh “kính mến”.

Khi lời kinh “kính mến” không còn là lời thuộc lòng phát ra trên đầu môi chót lưỡi, nhưng thành thái độ chân thành và sâu xa, thì tâm hồn ta được hoàn toàn tự do. Lúc này ta mới có thể nhìn vào những lệch lạc trong tâm hồn và cuộc sống của mình mà đỉnh cao là tội lỗi. Nhìn dưới ánh sáng của Tình Yêu đầy nhân lành và thương xót của trái tim Thiên Chúa, ta sẽ gớm ghét mọi tội lỗi và lệch lạc để lăn xả vào lòng Cha nhân lành, để cho Ngài yêu ta và để tình yêu của Ngài biến đổi ta.

Gạt bỏ được những lệch lạc rồi, ta đi tìm chuẩn mực để có thể cân nhắc các thần khí bằng cách chiêm ngắm Chúa Giêsu, vì Ngài là Con Đường, là Sự Thật và Sự Sống. Là Kitô hữu, ta chấp nhận bước theo Chúa Giêsu trên con đường Ngài đi. Việc chiêm ngắm Chúa Giêsu giúp ta gắn bó với Ngài đến nỗi chỉ muốn nên giống Ngài trong mọi sự như thánh Phaolô nói: mặc lấy Đức Kitô, nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô (x. Rm 8,29; Gl 3,27). Như vậy ta có một chuẩn mực tuyệt đối là Đức Giêsu Kitô: nghiêng về cái gì Chúa Giêsu đã chọn, chọn cái gì làm cho tôi nên giống Chúa Giêsu hơn cả. Với tiêu chuẩn tuyệt đối này ta có thể bắt đầu nhận định.

Nhận định thiêng liêng

Ta quen dịch từ “spitualis” (spirituel, spiritual) là thiêng liêng. Trong trường hợp nói về nhận định thiêng liêng, ta phải trở lại với gốc của từ này là Spiritus : nhận định trong Thánh Thần và nhờ Thánh Thần để nhận ra sự thôi thúc của Thánh Thần, phát hiện được sự thôi thúc của tà thần, của thể gian và xác thịt. Đây là một tiến trình cầu nguyện.

Trong sách Linh Thao, thánh I-nhã hướng dẫn rất tỉ mỉ phần này. Một đàng là những đề tài cầu nguyện về Ba Mẫu người và Ba bậc khiêm nhường để củng cố sự bình tâm, một đàng là những lời chỉ dẫn về “những điều có thể lựa chọn”, sau đó ngài nói đến ba tình huống có thể xảy ra :

VỀ BA THỜI KỲ MÀ MỖI THỜI KỲ ĐỀU THÍCH HỢP ĐỂ LÀM VIỆC LỰA CHỌN TỐT LÀNH

175. THỜI KỲ THỨ NHẤT: Là khi Thiên Chúa Chúa chúng ta đánh động và lôi kéo ý muốn đến nỗi linh hồn trung tín tuân theo điều đã được chỉ vạch không hề nghi mà cũng không thể hồ nghi; thánh Phaolô và thánh Matthêu đã làm như thế khi các Ngài theo Đức Kitô Chúa chúng ta.

176. THỜI KỲ THỨ HAI: Khi nhận được đủ ánh sáng và sự hiểu biết bởi kinh nghiệm những an ủi và sầu khổ, cũng như bởi kinh nghiệm phân biệt thần tốt và thần xấu.

177. THỜI KỲ THỨ BA: Thời kỳ thứ ba thì trầm lặng; trước hết suy xét con người sinh ra để làm gì, tức là để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và để cứu linh hồn mình. Và với lòng ước ao sự ấy, chọn làm phương thế, một cuộc sống hay một bậc trong phạm vi Giáo Hội chấp nhận, để gặp được ở đó sự giúp đỡ cho việc phụng sự Chúa và cứu rỗi linh hồn mình.

Tôi nói, thời kỳ trầm lặng, nghĩa là khi linh hồn không bị xao động bởi thần tốt hay thần xấu, và sử dụng những khả năng tự nhiên của mình cách tự do và yên tĩnh.

Tình huống thứ nhất thì không có gì để bàn thêm.

Tình huống thứ hai chính là kinh nghiệm bản thân của thánh I-nhã ở Loyola, lúc mới được ơn Chúa. Nó cũng có thể xảy ra cho nhiều người.

Tình huống thứ ba là thông thường trong cuộc sống của mỗi người, mỗi cộng đoàn. Đối với tình huống này Thánh I-nhã đưa ra hai cách để làm một cuộc chọn lựa tốt đẹp.

Nếu cuộc lựa chọn không làm được trong thời kỳ thứ nhất hay thứ hai, thì sau đây là hai cách để lựa chọn theo thời kỳ thứ ba.

CÁCH THỨ NHẤT ĐỂ LÀM VIỆC LỰA CHỌN TỐT LÀNH (gồm sáu điểm):

178. ĐIỂM NHẤT: Là đặt mình trước những điều tôi toan lựa chọn, chẳng hạn một chức vụ hay bổng lộc để nhận hay bỏ, hoặc bất cứ điều gì khác mà sự lựa chọn có thể thay đổi được.

179. ĐIỂM HAI: Tôi phải nhằm đến cứu cánh vì đó tôi đã được dựng nên, là ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn tôi; lại nữa tôi phải giữ bình tâm, không có một quyền luyến lạc nào, đến nỗi không hướng chiều và cũng không tha thiết để nhận điều đã được đề nghị hơn là từ chối hoặc từ chối hơn là nhận; nhưng tôi phải giữ mình ở vị thế cân bằng như cái kim của một bàn cân; chỉ nghiêng theo đàng nào tôi “cảm thấy” hợp hơn cho vinh quang và sự ca ngợi Chúa cùng việc cứu rỗi linh hồn tôi.

180. ĐIỂM BA: Xin Thiên Chúa, Chúa chúng ta đoái thương đánh động ý muốn tôi và đặt vào linh hồn tôi điều tôi phải làm đối với việc đã được đề nghị, để ngợi khen và làm vinh danh Chúa hơn, bằng cách dùng trí khôn suy xét đúng đắn và trung thành, và lựa chọn hợp với ý cực thánh và nhân lành của Người.

181. ĐIỂM BỐN: Suy xét xem việc được chức vụ hay bổng lộc nói đây sẽ sinh thuận tiện và ích lợi cho tôi bao nhiêu, duy để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn tôi; và ngược lại cũng theo cách thức ấy, suy xét những bất tiện và nguy hiểm nếu được điều ấy. Trong phần thứ hai cũng làm như vậy, nghĩa là xét những thuận tiện và ích lợi bởi việc không được điều ấy, và ngược lại cũng xét những bất tiện và nguy hiểm nếu không có điều ấy.

182. ĐIỂM NĂM: Sau khi đã suy nghĩ và cân nhắc vấn đề dưới mọi khía cạnh như thế, coi xem lý trí nghiêng về phía nào, và phải lựa chọn theo sự thúc đẩy mạnh nhất của lý trí chứ không theo sự thúc đẩy nào của tình cảm.

183. ĐIỂM SÁU: Khi đã làm xong việc lựa chọn hay quyết định ấy, người đã lựa chọn phải mau mắn đi cầu nguyện trước mặt Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và dâng cho Ngài cuộc lựa chọn đó, để Chúa Chí Tôn đoái nhận và xác chuẩn cho, nếu điều ấy giúp phụng sự và ngợi khen Ngài hơn.

CÁCH THỨ HAI ĐỂ LÀM VIỆC LỰA CHỌN TỐT LÀNH (gồm bốn quy tắc và một ghi chú.)

184. QUY TẮC I: Lòng yêu mến đánh động và làm tôi lựa chọn điều nào đó, phải từ trên mà xuống, bởi lòng kính mến Thiên Chúa, như thế người lựa chọn trước hết phải cảm thấy trong lòng rằng tình yêu mến nhiều hay ít đối với điều họ chọn, hoàn toàn hướng về Đấng Tạo Hóa và Chúa họ.

185. QUY TẮC II: Tưởng tượng ra một người mà tôi chưa bao giờ gặp và cũng chẳng quen biết, với lòng ước ao cho họ được hoàn thiện trọn vẹn, suy xét điều tôi sẽ khuyên họ làm và lựa chọn để sáng danh Thiên Chúa, Chúa chúng ta hơn cả và làm cho linh hồn họ nên trọn lành hơn; và tôi cũng làm như vậy, tuân theo quy tắc tôi đặt cho người khác.

186. QUY TẮC III: Xét coi, ví như tôi đang ở vào giờ chết, thì thái độ và quy tắc mà lúc ấy tôi muốn mình tuân theo trong công việc lựa chọn hiện bây giờ như thế nào, và rắp tâm quyết định hoàn toàn tuân theo quy tắc đó.

187. QUY TẮC IV: Nhìn ngắm và suy xét tình trạng của tôi trong ngày phán xét. Nghĩ xem lúc ấy tôi muốn mình đã định đoạt về công việc hiện tại như thế nào; quy tắc mà lúc ấy tôi muốn mình đã tuân theo, tôi nhận lấy ngay bây giờ, để lúc ấy tôi được hạnh phúc và mừng vui trọn vẹn.

188. GHI CHÚ: Một khi đã nhận lấy những quy tắc trên đây để được cứu rỗi và an nghỉ đời đời, tôi sẽ làm việc lựa chọn và dâng cho Thiên Chúa, Chúa chúng ta, theo như điểm thứ sáu trong cách lựa chọn thứ nhất.

Phương pháp nhận định và chọn lựa này có thể vận dụng trong đời sống cá nhân khi chọn lựa bậc sống (nhận định ơn gọi) cũng như khi muốn canh tân đời sống, trong đời sống cộng đoàn khi phải đáp ứng những tình huống mới mẻ, khi phải chỉnh đốn nếp sống, khi phải chọn lựa hoạt động tông đồ hay giải quyết những vấn đề khác của cộng đoàn.

Khi áp dụng cho cộng đoàn thì toàn thể cộng đoàn phải cùng nhau đi vào cầu nguyện, mỗi người phải đạt tới sự bình tâm và sẵn sàng đón nhận những gì Chúa sẽ bày tỏ qua cộng đoàn.

NHẬN ĐỊNH CỘNG ĐOÀN

(Phần này lấy lại bài đã soạn cho giới tu sĩ TPHCM)

Tiếp sau đây chúng ta sẽ xem thánh I-Nhã và nhóm bạn đầu tiên của ngài đã ứng dụng những nguyên tắc này vào cuộc nhận định cộng đoàn thế nào. Từ đó học lấy cách ứng dụng vào việc nhận định cộng đoàn của chúng ta hiện nay, trong thời kỳ canh tân thích nghi đời tu, thời kỳ mà các hội dòng chúng ta đang cố gắng biên soạn hoặc áp dụng hiến chương mới, đang cố gắng làm sao cho cuộc sống của cộng đoàn, của từng người trong cộng đoàn đáp ứng sát hơn với ơn gọi của mình cũng như với xã hội hiện thời, với những người mình phục vụ, với những hoàn cảnh cụ thể mà vẫn giữ đúng mục tiêu của mình là sống ơn gọi phụng sự Chúa, phục vụ Hội Thánh, phục vụ anh chị em, phục vụ đồng bào của mình. Sự nhận định và lựa chọn đúng đắn, đó là yếu tố quyết định cho tương lai của mỗi cộng đoàn tu sĩ chúng ta.

Nói về nhận định cộng đoàn, đây không chỉ là danh từ theo mốt, cũng không chỉ là một phương pháp tâm lý, bởi vì kinh nghiệm trong Linh thao cho thấy việc nhận định và chọn lựa không thuần túy là một kiểu chọn lựa theo máy tính, nhưng là sự vận dụng toàn thể con người đặt tất cả con người của mình trước một thực tế, trước một vấn đề mình phải chọn lựa và phải chọn lựa thế nào để thực hiện được đúng mục đích cuối cùng của đời mình, tức là ngợi khen, tôn kính, phụng sự Thiên Chúa và cứu rỗi linh hồn mình. Ở đây chúng ta đặc biệt nói về cộng đoàn tu sĩ là cộng đoàn gồm những người đã chọn một con đường sống theo và trong Thánh Thần. Có những lúc chúng ta cũng cần phải cùng nhau nhận định, cùng nhau đi đến những quyết định cụ thể. Dĩ nhiên có thể có người nói đã có Bề trên, cứ để Bề trên nói gì thì nghe vậy, khỏi phải vất vả. Nói như vậy cũng tốt, nhưng chúng ta thấy rằng nhất là từ sau Công Đồng Vatican II, tinh thần cộng đoàn đó trong Giáo Hội sống lại mãnh liệt hơn.

Trở lại lịch sử Giáo Hội (x. phần đầu), chúng ta thấy ngay từ thời các tông đồ, Công Đồng Giê-ru-sa-lem đã là một cuộc nhận định cộng đoàn đầu tiên, ở đó tất cả các tông đồ, các kỳ mục họp nhau dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần để quyết định về nếp sống phải đặt ra cho những người gốc dân ngoại tin Chúa Ki-tô và xin chịu phép rửa. Họ phải sống như thế nào? Vấn đề là họ có phải trở thành người Do-thái cùng một lúc với việc trở thành Ki-tô hữu hay không? Trong Giáo Hội, Công Đồng chính là hình thức nhận định cộng đoàn của toàn thể Giáo Hội. Vậy trong cộng đoàn tu sĩ chúng ta, nhiều khi cần phải đi đến nhận định cộng đoàn, không phải vì không tin tưởng vào bề trên, cũng không phải vì sự vâng phục không đủ để linh hoạt một cộng đoàn, nhưng đó là đường lối của Thiên Chúa, đường lối nhập thể của Người đối với chúng ta. Đó là một nhu cầu vừa vượt qua được những giới hạn tất hữu của từng cá nhân, đồng thời cả cộng đoàn cùng nhau đặt mình dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Chúa Giê-su hứa: “Khi có hai, ba người tụ họp nhân danh Thầy, thì có Thầy ở giữa họ” (Mt 18:20). Chính sự hiệp thông trong Thánh Thần làm nên sự hiệp nhất trong cộng đoàn, và khi tất cả cùng nhau đặt mình dưới ánh sáng Chúa Thánh Thần thì sẽ tạo được sự đồng tâm nhất trí.

Nói rằng vâng lời mà làm thì cũng được, nhưng khi tất cả cùng nhau đồng tâm nhất trí để mọi người vâng phục một cách trọn vẹn thì những công việc chúng ta làm sẽ đạt kết quả tốt hơn để làm vinh danh Chúa và mưu ích cho các linh hồn. Chính sự cọ sát các ý kiến giúp chúng ta khách quan hơn, biết chết đi với chính mình, bớt quan trọng hóa chính mình, giúp khiêm tốn hơn. Khi đã cùng nhau nhận ra ý Chúa thì việc thi hành cũng sẽ dễ hơn. Bởi vì vấn

đề đặt ra ở đây là những cách tiến hành giúp cho một cộng đoàn có thể đi tới một quyết định theo đúng ý Chúa và giúp cho cả nhóm cũng như từng thành viên dần thân vào một hoạt động phục vụ tốt hơn. Tất nhiên khi đã nói đến nhận định và chọn lựa thì những nguyên tắc thánh I-Nhã đã nêu lên cho từng cá nhân ở trong Linh thao cũng sẽ ứng dụng cho việc nhận định cộng đoàn, nhưng để dễ hiểu và để có một kinh nghiệm làm mẫu thì không gì bằng chúng ta lấy chính kinh nghiệm của thánh I-Nhã và nhóm bạn đầu tiên của ngài.

Kinh nghiệm của Thánh I-Nhã và các bạn

Vào mùa Xuân 1539, lúc đó nhóm gồm có mười người và phải nhận định để đi đến một quyết định quan trọng. Đó là chính việc chọn lựa dẫn tới việc quyết định thành lập Dòng Chúa Giê-su. Để giúp hiểu được vấn đề, trước hết xin giới thiệu một vài nét lịch sử về cuộc thảo luận này, sau đó sẽ đọc biên bản cuộc thảo luận còn lưu lại cho Dòng Tên. Tiếp theo chúng ta sẽ phân tích để rút ra một phương thức áp dụng nguyên tắc nhận định và chọn lựa mà thánh I-Nhã đã đề ra trong Linh thao nhằm áp dụng vào các cộng đoàn chúng ta ngày hôm nay. Một vài phương thức áp dụng cho cộng đoàn không chỉ để nhận định những việc chung của toàn thể Dòng, mà từng cộng đoàn địa phương cũng có thể áp dụng để đi đến sự đồng tâm nhất trí với nhau trong mọi lãnh vực.

Vậy lai lịch việc nhận định đầu tiên của thánh I-Nhã và nhóm bạn vào mùa xuân 1539 như thế nào? Khi học tại Paris, ngài đã đem kinh nghiệm Linh thao ở Manresa giúp cho một số bạn sinh viên tinh tâm và nhận định. Trong số những người theo hướng dẫn làm Linh thao, rất nhiều người đã bỏ con đường danh vọng, dâng mình phụng sự Chúa trong nhiều Dòng khác nhau. Có người vào Dòng Chartreux, có người vào Dòng Phan-xi-cô. Nhưng có sáu người chọn cùng một ý hướng với thánh I-Nhã. Lúc đó ngài còn là một sinh viên thường, lớn tuổi, chưa làm linh mục. Ý hướng là hiến thân phụng sự Hội Thánh chứ cũng chưa đặt vấn đề vào một dòng tu nào.

Ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời năm 1534, nhóm bảy người bạn này, trong đó có thánh I-Nhã, thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê và một linh mục duy nhất trong nhóm lúc đó là Phê-rô Favre (sau này được phong chân phước), đã tới nhà thờ Montmartre ở Paris để tuyên khấn. Nội dung lời khấn của họ là: sống độc thân để phục vụ Hội Thánh, sống khó nghèo và sau khi học xong sẽ đi hành hương tới Giê-ru-sa-lem, ở lại đó để giúp ích cho các linh hồn. Nhưng vì việc đi Giê-ru-sa-lem lúc ấy luôn bất trắc nên họ đã đưa ra một khoản phòng hờ là nếu sau khi học xong và chờ đợi một năm mà không thể đi Giê-ru-sa-lem hoặc đi mà không được phép ở lại, thì họ sẽ quay về Roma, đến trình diện Đức Giáo Hoàng và xin ngài tự do xét dụng, sai họ đi làm việc phục vụ Hội Thánh ở bất cứ nơi nào ngài xét thấy có ích lợi.

Vậy năm 1537, nhóm đã tới Ý, rồi tới Roma, xin phép Đức Giáo Hoàng để đi viếng Thánh địa và ở lại đó phục vụ. Đức Giáo Hoàng không những đã cho phép họ đi mà còn cho cả lộ phí, mặc dù khi đến Roma, họ đi với tinh thần khó nghèo, có nghĩa là vừa đi vừa xin ăn. Đồng thời ngài cũng cho phép những người nào trong nhóm họ chưa làm linh mục thì được chịu chức do bất cứ giám mục nào. Vì lý do họ đã học đủ và đã khấn sống khó nghèo. Họ chờ đợi từ giữa năm 1537 tới giữa năm 1538, không có tàu để đi Giê-ru-sa-lem, vì sự cắt đứt bang giao giữa Cộng hòa Venetia với Thổ-nhĩ-kỳ. Thời ấy một phần Địa-trung-hải từ nước Ý sang Thánh địa do hải quân Thổ-nhĩ-kỳ kiểm soát, nên nếu không có sự giao hảo thì không thể đi được. Kết quả là họ phải thực hiện điều khoản phòng hờ ở Montmartre, nghĩa là họ kéo nhau về Roma để ra mắt Đức Giáo Hoàng và xin ngài tùy ý sử dụng họ để phục vụ Hội Thánh.

Lúc này nhóm đã có thêm bạn mới. Bỗng dưng được một nhóm mười người bạn xuất thân từ Đại học Paris, sống đời linh mục gương mẫu, nhiệt thành giảng dạy, ban các bí tích và sống khó nghèo, Đức Giáo Hoàng rất ưng ý, nên ngài bắt đầu sai họ đi rao giảng trong các nhà thờ ở thành phố Roma. Có người được sai đi giảng dạy tại Đại học Roma. Nhưng chẳng bao lâu, vào đầu năm 1539, Đức Giáo Hoàng muốn sai họ đi xa hơn, nhằm lúc vua Bồ-đào-nha xin

người sang Ấn-độ và chính Đức Giáo Hoàng cũng muốn sai trong nhóm mười người này. Như vậy, đứng trước viễn tượng được sai đi, mỗi người mỗi ngã, nhóm bạn này sẽ tan rã. Lúc đó nhóm chưa phải là một dòng tu, họ chỉ là một nhóm bạn muốn hiến thân phụng sự Hội Thánh, tuy tất cả đã chịu chức linh mục. Trước khi tới Roma, mười người này tạm trú ở phía Bắc nước Ý. Trên đường đi về Roma, họ đã quyết định với nhau, nếu có ai hỏi họ là nhóm nào thì tự xưng là đoàn Giê-su, bởi họ nghĩ rằng chính Chúa Giê-su đã quy tụ họ qua kinh nghiệm gặp gỡ Người trong Linh thao, nên chẳng có tên nào khác đẹp hơn là “đoàn Giê-su”. Bây giờ Đức Giáo Hoàng bắt đầu sai mỗi người mỗi ngã để phục vụ Hội Thánh, họ băn khoăn, đặt vấn đề là như thế nhóm đến đây là tan, hay là sẽ phải tiếp tục giữ một sự hiệp nhất nào đó. Cuộc thảo luận vào mùa xuân năm 1539 đã kéo dài từ tháng 3 đến lễ thánh Gio-an Tẩy Giả năm đó.

Chúng ta đọc lại biên bản cuộc nhận định và phân tích xem thánh I-Nhã cùng các bạn của ngài đã đặt cuộc đời mình trước mặt Chúa trong kinh nghiệm Linh thao thế nào để chọn hướng đi phục sự Chúa và phục vụ Hội Thánh. Nhóm đã áp dụng những nguyên tắc nhận định và chọn lựa để làm một cuộc nhận định cộng đoàn và đi đến một hướng đi chung cho đoàn Giê-su thế nào?

Sau đây là biên bản cuộc thảo luận từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1539 (những chỗ dùng chữ ngã là do tôi đưa vào để giúp người đọc).

1. Trong mùa Chay vừa qua, khi thấy đã đến lúc phải chia tay nhau và phân tán đi, cũng chính là lúc mà chúng tôi vẫn hết lòng mong ước để mau chóng đạt tới cùng đích mà từ lâu lắm rồi chúng tôi đã nhắm tới và đã tự xác định. Vậy chúng tôi quyết định tụ họp nhau trong nhiều ngày trước khi chia tay nhau và cùng nhau thảo luận về ơn gọi của chúng tôi. Chúng tôi đã thảo luận điều này nhiều lần, nhưng nhóm chúng tôi gồm những người Pháp, Tây-ban-nha, Savoie, Bồ-đào-nha... Chúng tôi có những ý kiến khác nhau, liên quan đến cách sống của chúng tôi. Trong khi chúng tôi vẫn có cùng một ý nghĩ và *cùng một ý muốn là tìm kiếm ý Chúa “tốt đẹp và hoàn hảo” theo con đường ơn gọi Người đã ban cho chúng tôi; nhưng về các phương thế thích hợp nhất và hữu hiệu nhất đối với bản thân chúng tôi cũng như đối với người khác thì chúng tôi có nhiều ý kiến khác biệt.* Chẳng ai phải ngạc nhiên về những sự khác biệt quan điểm giữa chúng tôi là những người hèn yếu, bởi lẽ chính các tông đồ là những vị lãnh đạo và cột trụ của Hội Thánh cùng nhiều nhân vật rất thánh thiện khác mà chúng tôi chẳng dám sánh ví một chút nào, cũng đã có những ý kiến khác biệt nhau, thậm chí đôi khi đối ngược nhau. Và các vị ấy đã để lại bút tích về những sự đối ngược ấy của họ.

Chúng tôi cũng đã phán đoán khác nhau vì chúng tôi đều chú tâm và lo lắng làm sao tìm ra một con đường hoàn toàn rõ rệt, dẫn chúng tôi đến việc hiến thân làm của lễ toàn thiêu cho Thiên Chúa, bằng cách đặt tất cả mọi lợi ích của chúng tôi vào việc ngợi khen, tôn kính Người. Cuối cùng chúng tôi nhất trí xác định sẽ cầu nguyện, cử hành Thánh lễ và suy niệm sốt sắng hơn bình thường, và sau khi đã hết sức chăm lo việc ấy, thì phó thác mọi nỗi âu lo của chúng tôi cho Thiên Chúa, với niềm hy vọng rằng Người là Đấng Chí Nhân và quảng đại, không từ chối ban Thần trí tốt lành của Người cho bất cứ ai lấy lòng khiêm nhường đơn sơ mà cầu xin Người, nhưng ban ơn Thần trí của Người một cách quảng đại cho mọi người mà không hối tiếc, thì Người cũng không từ chối chúng tôi mà còn trợ giúp chúng tôi với lòng nhân hậu rộng rãi vượt xa những gì chúng tôi có thể cầu xin hay mong ước.

2. Vậy chúng tôi bắt đầu tung hết nỗ lực từ phía chúng tôi và đặt ra một vài câu hỏi phải xem xét kỹ lưỡng và tìm tòi nghiêm túc. Chúng tôi suy nghĩ đắn đo về những điều ấy suốt ngày; việc cầu nguyện cũng là một phương thế cho chúng tôi tìm kiếm. Đến tối, mỗi người chúng tôi trình bày trước anh em cách giải quyết mà mình cho là tốt hơn và có lợi hơn; chúng tôi muốn nhờ đó để cùng nhau đón nhận ý kiến chính đáng nhất, ý kiến này phải xuất phát từ một cuộc thảo luận *chung và dựa trên những lý do vững chắc nhất.*

3. Trong cuộc họp buổi tối đầu tiên, chúng tôi đưa ra câu hỏi sau đây: Một khi con người và cuộc sống của chúng tôi đã được chính chúng tôi tự dâng hiến cho Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, và Đấng đại diện đích thực và hợp pháp của Người ở dưới đất để ngài sử dụng chúng tôi và sai chúng tôi đi đến nơi nào mà ngài xét thấy việc tông đồ của chúng tôi sẽ được phong phú hơn, hoặc đến nơi người Thổ-nhĩ-kỳ hoặc là đất Ấn-độ, hay đến với những người lạc giáo hoặc giữa bất cứ dân tộc nào khác có đạo hay ngoại đạo, thì nên chọn đảng nào hơn: liên kết với nhau một cách chặt chẽ làm thành một thân thể duy nhất, không một sự ngăn cách bên ngoài nào dù lớn đến đâu có thể khiến chúng tôi lìa nhau, hay là làm ngược lại? Một thí dụ soi sáng vấn đề: Đức Thánh Cha sắp gọi hai người trong chúng tôi đến Sienna; chúng tôi có phải giữ một sự nhất trí với nhau hay là chẳng giữ một sự gắn bó nào với họ hơn là với những người bên ngoài Đoàn?

Chúng tôi kết thúc bằng một quyết định giữ sự gắn bó với nhau. Bởi lẽ chúng tôi nghĩ Chúa đã đoái thương lấy lòng nhân từ và thương xót của Người mà tự họp chúng tôi là những con người hèn yếu nhất, xuất phát từ nhiều xứ khác nhau với những tập tục khác nhau như thế, để liên kết chúng tôi chặt chẽ với nhau, thì chúng tôi không được phá vỡ sự hiệp nhất của Nhóm do Chúa đã tác thành, nhưng phải tiếp tục củng cố và duy trì sự hiệp nhất ấy bằng cách làm nên một thân thể duy nhất. Một sự quan tâm đến nhau và một sự nhất trí hoàn toàn với nhau sẽ đảm bảo đem lại hoa trái dồi dào hơn cho các linh hồn: những sức lực kết hợp lại thì có sức kháng cự và năng lực để thực hiện những công việc lớn lao khó khăn hơn là khi chia rẽ và phân tán nhau. Tuy nhiên, trong tất cả những điều vừa trình bày, xin hiểu cho đúng: Chúng tôi hoàn toàn không đưa ra điều gì do sáng kiến riêng hoặc do ý riêng của chúng tôi, nhưng chỉ đưa ra những gì mà Chúa soi sáng và Tòa Thánh phê chuẩn, dù kết quả ra sao đi nữa.

4. Sau khi giải quyết dứt khoát vấn đề thứ nhất này, chúng tôi đề cập một vấn đề khác khó hơn nhưng cũng không kém phần đòi hỏi phải suy nghĩ và xem xét. Tất cả chúng tôi đã tuyên lời khẩn khiết tịnh trọn đời và lời khẩn khó nghèo trong tay vị Sứ thần Tòa Thánh khi chúng tôi ở Venise. Có cần phải tuyên lời khẩn thứ ba là lời khẩn tuân *phục một người trong chúng tôi không? Điều này cốt để hoàn thành ý Chúa trong mọi sự một cách thuần khiết hơn hầu ngợi khen Chúa hơn và được công phúc hơn, đồng thời thực hiện ý muốn tự do và chỉ thị của Đức Thánh Cha bởi chúng tôi đã hết lòng dâng chính mình chúng tôi, ý muốn, trí hiểu, hành động cho ngài.*

5. Sau khi đã mất nhiều ngày để cầu xin tha thiết và suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề này mà không thấy được điều gì thỏa đáng, chúng tôi đã đặt hết hy vọng vào Chúa và bắt đầu bàn với nhau xem có cách nào giải quyết được thỏa đáng hơn nỗi nghi ngờ của chúng tôi. Trước hết liệu có nên cùng nhau lui vào một nơi tĩnh mịch nào đó và ở đó ba mươi hay bốn mươi ngày mà lo việc suy gẫm ăn chay và hãm *minh để được Thiên Chúa chấp nhận những ước nguyện của chúng tôi và đoái thương đặt chắc chắn vào tâm trí chúng tôi cách giải quyết vấn đề này? Hoặc là ba hay bốn người trong chúng tôi có nên thay mặt cho mọi người đến đó vì cùng một mục đích? Hoặc không ai phải đi đến nơi tĩnh mịch ấy? Chúng tôi có thể cứ ở lại Roma, nhưng dành nửa ngày chỉ để lo việc của chúng tôi mà thôi? Như vậy việc suy gẫm, suy nghĩ và cầu nguyện có thể được thực hiện một cách thuận lợi hơn và lâu giờ hơn, nửa ngày còn lại chúng tôi vẫn sử dụng vào việc tông đồ quen thuộc là giảng dạy và giải tội.*

6. Cuối cùng, sau khi đã bàn cãi và xem xét các điều này, chúng tôi đã quyết định tất cả phải ở lại Roma, nhất là vì hai lý do sau đây:

a) Một là để tránh những lời đàm tiếu và gương xấu trong thành phố và trong dân là những người có thể xét đoán, suy nghĩ. Con người vẫn có khuynh hướng phát biểu một cách nhẹ dạ, cho rằng chúng tôi chạy trốn hoặc âm mưu một cái gì mới, hoặc thiếu cương quyết và bền vững trong công việc ban đầu của chúng tôi.

b) Hai là không để cho sự vắng mặt của chúng tôi gây thiệt hại cho mùa gặt mà chúng tôi thấy thật đáng kể trong việc giải tội, giảng dạy và các việc thiêng liêng khác, đáng kể đến nỗi dù cho chúng tôi có đông gấp bốn lần cũng không thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người, như hiện nay chúng tôi cũng không thỏa mãn nỗi.

Phương thế thứ hai mà chúng tôi bắt đầu thảo luận để tìm ra con đường đi tới giải pháp là đề nghị cho tất cả và từng người thực hiện được trong tâm hồn mình ba thái độ sau đây:

1/ Mỗi người phải chuẩn bị và chăm lo việc cầu nguyện dâng *Thánh lễ và suy gẫm như thế nào để cho mọi nỗ lực của mình hướng tới việc tìm thấy niềm vui và bình an trong Thánh Thần về vấn đề vâng phục bằng cách làm hết sức để nghiêng chiều ý muốn của mình về đàng vâng phục hơn là về đàng được quyền ra lệnh, nếu nhờ đó sẽ phát sinh vinh quang và lời ngợi khen Chúa như nhau.*

2/ Thái độ bề trong thứ hai là không ai nói chuyện với người *khác trong nhóm về vấn đề này, cũng không hỏi người nào về những lý do của người ấy, như vậy sẽ không ai bị ảnh hưởng do ý kiến của người khác mà nghiêng chiều về sự vâng phục hơn là không vâng phục, hoặc ngược lại mỗi người chỉ tìm kiếm điều gì nhờ cầu nguyện và suy gẫm thấy được là có ích hơn.*

3/ Thái độ thứ ba là mỗi người phải tự coi mình như là một kẻ *xa lạ đối với nhóm và như thế không bao giờ sẽ được nhận vào nhóm này. Nhìn vấn đề như thế thì không một tình cảm nào sẽ làm cho họ nghĩ và phán đoán thiên về một bên nào, nhưng có thể nói là với tư cách một người ngoài cuộc, người ấy sẽ tự do bộc lộ ý kiến của mình về kế hoạch vâng phục hay không vâng phục, và cuối cùng lấy sự phán đoán của mình xác nhận và chấp thuận phía nào mình thấy sẽ phục vụ Thiên Chúa hơn và bảo đảm hơn cho sự duy trì Đoàn lâu dài.*

7. Chính trong những thái độ bề trong đã chuẩn bị trước như thế, chúng tôi quyết định gặp nhau ngày hôm sau, khi mọi người đã sẵn sàng, để mỗi người phát biểu những vấn nạn có thể đưa ra chống lại sự vâng phục. Tất cả mọi lý do thấy được và mỗi người đã khám phá ra trong suy nghĩ, suy gẫm và cầu nguyện, đều lần lượt được mỗi người trình bày. Chẳng hạn người thì nói: đối với dân Ki-tô hữu, “danh từ Dòng tu” hay vâng phục không còn cái tiếng tốt lẽ ra phải có là do sự thiếu nhân đức và do tội lỗi của chúng ta. Người khác nói: “Nếu chúng ta muốn sống vâng phục, có lẽ chúng ta sẽ bị Đức Giáo Hoàng bắt phải sống theo một luật Dòng nào đã có sẵn và đã được thiết lập, hậu quả sẽ là chúng ta chẳng còn dịp cũng chẳng còn phương thế để làm việc cho phần rỗi các linh hồn, mà sau phần rỗi của chúng ta thì phần rỗi các linh hồn là mục đích duy nhất chúng ta nhắm tới, như vậy mọi ước vọng của chúng ta sẽ hỏng hết, thế mà chúng ta lại có đủ lý do để tin rằng những ước vọng ấy đã được Thiên Chúa là Chúa chúng ta chấp thuận”. Người khác nữa lại nói: “Trong trường hợp chúng ta vâng phục một người thì số người mà Dòng chúng ta quy tụ được để làm việc trong vườn nho của Chúa với lòng nhiệt thành, chân thật sẽ bị giảm, mà mùa gặt thì nhiều và những thợ gặt đích thật thì ít, vì theo quy luật của sự yếu đuối và dòn mỏng của con người, phần đông lo tìm lợi ích riêng và ý riêng mình hơn là những lợi ích của Đức Giê-su Ki-tô và sự từ bỏ mình hoàn toàn”. Người khác lại nói điều khác nữa, rồi người thứ tư, thứ năm và cứ như thế, chúng tôi lần lượt trình bày chi tiết những vấn nạn gặp thấy *chống lại sự vâng phục.*

Một thời gian rất ngắn sau đó, vào một ngày khác, chúng tôi thảo luận về *quan điểm ngược lại, bằng cách đưa ra tất cả những lợi ích của sự vâng phục như mỗi người thấy được nhờ cầu nguyện và suy gẫm. Mỗi người lần lượt trình bày kết quả sự suy nghĩ của mình, khi thì bằng cách đặt ra một giả thuyết không thể thực hiện được để dẫn tới điều mình muốn nói, khi thì bằng cách khẳng định trực tiếp. Chẳng hạn có người đưa tới sự phi lý và sự không thể làm được bằng cách sau đây: “Giả thử nhóm chúng ta được trao phó một công việc tông đồ mà không có sự trợ giúp của ách vâng phục, thì chẳng ai sẽ thực sự chịu trách nhiệm cả, mỗi người sẽ đẩy gánh nặng cho người khác như chúng ta đã có kinh nghiệm nhiều lần về việc ấy.*

Cũng vậy, giả thử không có quyền bính ở trong nhóm chúng ta, thì nhóm không thể duy trì hay tồn tại lâu dài; điều ấy đi ngược với ý hướng ban đầu của chúng ta là duy trì đoàn chúng ta mãi mãi, vì không gì có thể duy trì nhóm hơn là sự vâng phục.

Sự vâng phục cần thiết, nhất là đối với chúng ta là những người khấn sống khó nghèo vĩnh viễn và chúng ta liên lý chìm ngập trong những công việc thiêng liêng và thế tục ít thuận lợi cho việc duy trì đoàn chúng ta. Một người khác tiến hành theo khăng định, anh nói: “Vâng phục là mẹ của mọi hành động và mọi nhân đức anh hùng bền bỉ. Do thực sự sống theo vâng phục thì hoàn toàn sẵn sàng thi hành mọi mệnh lệnh được đề ra cho mình, dù mệnh lệnh ấy có khó khăn hoặc phải làm trò cười trước mắt thiên hạ khiến cho mình bối rối; chẳng hạn như người ta bắt tôi phải đi ra phố và những nơi công cộng mình trần hay mặc những thứ áo quần kỳ cục. Dù chưa bao giờ có một mệnh lệnh như thế được ban ra, nhưng khi người ta sẵn sàng thi hành mệnh lệnh ấy, từ bỏ mọi phán đoán riêng và ý muốn riêng, thì người ta sẽ luôn luôn ở trong một tình trạng anh hùng, bao giờ cũng có công hơn”. Hoặc người khác nói: “Không gì bề gãy tính kiêu ngạo và tự phụ hơn là sự tuân phục. Người kiêu ngạo hết sức yêu mến việc theo phán đoán riêng và ý muốn riêng của mình, không chịu nhường ai. Người ấy bước đi trên những con đường tìm sự cao sang hào nhoáng vượt sức mình. Sự vâng phục chiến đấu theo hướng ngược hẳn lại, bởi vì bao giờ cũng nghe theo phán đoán không phải của mình và theo ý muốn của một người khác. Người vâng phục thì vâng phục mọi người và gắn bó với sự khiêm nhường là kẻ thù của sự kiêu ngạo”.

8. Vậy sau nhiều ngày bàn luận theo nhiều hướng về rất nhiều điểm liên quan đến cách giải quyết vấn đề, cân nhắc và xem xét những lý do *ngghiêm túc nhất và mạnh mẽ nhất trong khi chúng tôi vẫn giữ thói quen chăm lo cầu nguyện, suy gẫm và suy xét; cuối cùng nhờ Chúa ban ơn* giúp sức, chúng tôi đã đạt được kết luận không phải là theo đa số phiếu, nhưng là sự nhất trí tuyệt đối: Chúng tôi vâng phục một người trong anh em, đó là điều rất đáng chọn và rất cần thiết cho chúng tôi. Như vậy, những ước muốn ban đầu của chúng tôi là hoàn thành ý Chúa trong mọi sự, sẽ được thực hiện tốt hơn và chính xác hơn; đồng thời cũng bảo đảm hơn cho việc duy trì Đoàn. Và sau hết, chúng tôi có thể lo liệu khôn khéo hơn cho từng chi tiết của việc thường ngày về những mặt thiêng liêng cũng như thế tục.

9. Trong khi tuân thủ cùng một cách thức bàn luận và tiến hành đối với tất cả những vấn đề khác và bao giờ cũng xét đến hai quan điểm đối ngược, chúng tôi đã lưu lại trên các vấn đề này và các vấn đề khác gần ba tháng trời, từ giữa mùa Chay cho đến lễ thánh Gio-an Tẩy Giả. Hôm ấy mọi sự đã kết thúc dứt khoát trong niềm vui và sự hòa hợp hoàn toàn của tâm hồn anh em. Đi trước sự bàn định dứt khoát này không thiếu những buổi canh thức, những giờ cầu nguyện và những nỗi mệt nhọc tinh thần cũng như thể xác.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

CHIẾC ÁO BÀ BA



Sống ở vùng nhiệt đới, thời tiết nóng quanh năm, việc chọn lựa loại vải và kiểu cách quần áo được chú ý sao cho mát và dễ dàng sử dụng. Tôi thích nhìn hình ảnh các cha cổ đơn sơ trong các bộ quần áo mộc mạc giản dị của người Việt. Tôi mong muốn từ lâu có một hai bộ quần áo như vậy để mặc trong nhà cho tiện lợi. Khi cơ hội đến, tôi đã xin may hai bộ để tiện thay đổi.

Bộ quần áo tôi có rất đơn sơ, may bằng loại vải thường, theo kiểu "áo bà Ba" mà chúng ta thấy các ông miền Tây Nam Bộ

thường dùng, cả hai đều màu nâu, màu tối một chút cho dễ mặc và dễ giặt.

Tôi thường mặc trong phòng riêng, đôi khi có việc ra khỏi phòng tôi cũng mặc một chút vì không tiện cứ thay đổi mãi, hơn nữa bộ quần áo này người ta vẫn dùng để mặc ra cả ngoài đường, thậm chí tham dự các buổi hội làng cũng như thăm viếng bà con quen biết, trừ khi vào lễ nghi người ta sẽ phải khoác thêm chiếc áo dài the nữa cho trang trọng.

Ở đây phải nói thật lòng, tôi rất ngưỡng mộ cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông thường xuất hiện trong các buổi lễ cấp quốc gia với bộ trang phục áo dài khăn đóng trịnh trọng, đơn sơ và đậm đà tinh tự quê hương.

Nhưng không bắt ngờ lắm vì tôi đã dự đoán, một số anh em cười cợt khi thấy tôi mặc bộ quần áo này đi trong Tu Viện, một vài người Giáo Dân tỏ vẻ ngạc nhiên rồi nói: "Cha giống ông sư quá !" Một số người khác lại bảo: "Cha giống nông dân".

Có lần một cha người ngoại quốc đến thăm chúng tôi, ngài hỏi tôi về bộ y phục tôi đang mặc, tôi giải thích với ngài rằng đây là bộ quần áo của người dân miền Nam, bộ quần áo của người dân bình thường, nó giản dị vì nó dễ may, dễ mặc, mát mẻ, thích hợp với khí hậu nhiệt đới.

Y phục phản ánh văn hóa vùng miền, người ta tích lũy kinh nghiệm ứng phó với khí hậu và cuộc sống để tìm ra cách thức ăn mặc thích hợp, đồng thời chau chuốt thổi hồn vào để nâng lên hàng nghệ thuật, không phải một sớm một chiều mà hình thành ngay kiểu cách đặc trưng của y phục, nhưng lần hồi trải qua nhiều năm tháng và được sự đồng thuận của xã hội.

Dĩ nhiên khi người ta không còn sống trong vùng khí hậu cũ, hoặc không còn gắn bó với sinh hoạt cũ, người ta có thể đổi thay y phục cho thích hợp với cuộc sống mới. Khi không còn gắn bó với ruộng đồng, người ta có thể tìm một loại trang phục khác cho cuộc sống, tuy nhiên chắc phải nhiều đời mới gột được... vết phèn nơi gót chân !

Điều tôi muốn suy nghĩ là tại sao "ông sư", "thầy chùa" lại có thể và quen thuộc với bộ quần áo của nông dân người Việt, còn "ông cha" lại xa lạ và gây ngạc nhiên khi khoác lên người bộ y phục giản đơn gần gũi của nông dân ?



Điều tôi vẫn tự hỏi tại sao một số các Nữ Tu Viện, lại bỏ chiếc áo dài của người Việt mà các chị vẫn mặc thuở ban đầu mới lập Dòng, để khoác lên mình bộ váy áo của người phương Tây?

"Chiếc áo không làm nên thầy tu", tôi không nghĩ cứ phải mặc kiểu áo của người Việt mới là Việt, ngày nay chẳng còn ai mặc áo dài tứ thân đi ngoài đường, có chăng chỉ còn trên sân khấu lễ hội, càng vớ vẩn hơn khi mặc áo dài tứ thân chạy xe tay ga ! Như thế chỉ là hoài cổ, nệ cổ, nhưng cái hồn nhẹ nhàng, kín đáo, thướt tha, gợi cảm, của chiếc áo dài chính là hồn Việt. Cái trang trọng, nền nã, đĩnh đạc của bộ áo dài the khăn đóng chính là hồn Việt.

Cùng một suy tư đó tôi nghĩ về những ngôi Nhà Thờ của chúng ta, tuy rằng hình ảnh ngôi Nhà Thờ theo kiểu phương tây đã đi sâu vào nhận thức, và là một nét văn hóa rất chuyên biệt của đạo Công Giáo tại Việt Nam, nhưng tôi vẫn tự hỏi tại sao khi đạo Phật vào Việt Nam, đạo chỉ mang Phật pháp thôi, còn lại thì dùng chính ngôi nhà của người Việt để thờ Phật ? Minh có thể dùng ngôi nhà của người Việt để thờ phượng Chúa được chứ ? Có gì là không được ? Tại sao mình có thể dùng tiếng

Việt để thờ phượng Chúa mà không thể dùng ngôi nhà Việt để thờ phượng Chúa ?

Cũng giống như y phục, ngôi nhà Việt là một quá trình tích lũy kinh nghiệm và thích ứng với khí hậu nhiệt đới gió mùa, thậm chí từng chi tiết trong ngôi nhà Việt thể hiện tâm lý và văn hóa người Việt. Các nhà tính toán kết cấu công trình chỉ ra rằng, cấu tạo khớp ở chân đế cột nhà của người Việt là kết cấu ứng phó với gió bão vùng nhiệt đới. Các nhà khí động học chỉ ra rằng, mái đao góc nhà là nơi thoát khí nóng cho ngôi nhà, hiên và chái nhà là nơi làm giảm hơi nóng mùa hè trước khi vào nhà, và là nơi hâm ấm gió lạnh quanh nhà vào mùa đông.

Khi được tiếp xúc với Giáo Sư Trần Văn Khê, ông tỏ bày muốn biết về Thánh Ca Việt Nam, tôi gửi ông một số sách nhạc và một số đĩa hát, một thời gian ngắn sau, ông cho tôi biết, ông rất ngạc nhiên về sự hội nhập văn hóa của Thánh Ca Việt, ông đánh giá cao một số tác phẩm của một số tác giả, ông ngâm nga một số bài gần như thuộc lòng và nói với tôi rằng, ông thỏa mãn vì đã đặt được chân vào một vùng miền mà xưa nay ông nợ nhân gian, vùng miền ấy đầy chất Việt.

Cầu xin cho chúng ta có thể diễn tả niềm tin của chúng ta bằng chính “ngôn ngữ” Việt, có vậy chúng ta mới có thể nói Tin Mừng bằng “tiếng Việt” với người Việt.

Lm. VĨNH SANG, DCCT, 9.11.2013

VỀ MỤC LỤC

Ý niệm « sống lại » trong Thánh-Kinh Cựu Ước và trong tư tưởng Do-thái vào thời đầu Tây lịch kỷ nguyên.(tiếp theo kỳ trước)

Ngoài trường hợp đạo giáo bị bách hại

Ngoài trường hợp đạo giáo bị bách hại ra, thì cái cảnh kẻ ác được thịnh vượng mà người lành phải bần cùng, ai cũng thấy là nó đi ngược lại niềm tin có thưởng phạt ở đời này, như đã dạy trong sách Đệ Nhị Luật. Vì thế nó gây ra khủng hoảng tinh thần cho những người tin Chúa nhưng còn ở trình độ sách Đệ Nhị Luật. Đó là vấn đề được đặt ra ngay trước khi dân Chúa mất nước và bị đem đi đày, và còn đặt ra sau này khi phái Pha-ri-siêu bị phái Xa-đốc đàn áp. Nếu bảo rằng thưởng phạt hay là báo ân báo oán, đều là ở đời này cả, thì chẳng lẽ ta lại kết luận rằng những người đàn áp dĩ nhiên phải là công chính, còn kẻ bị đàn áp thì tất nhiên là có tội ?

Vấn đề được đề cập trong Sách Hê-nóc, từ chương 94 cho đến chương 104, được biên soạn vào quãng từ năm 95 đến 78 trước TLKN, nghĩa là ngay sau khi phái Pha-ri-siêu bị tàn sát dưới triều vua Alexandre Jannée. Tác giả đi vào cuộc tranh luận và lên tiếng nói với hai hạng người. Với những người công chính đã bị giết, tác giả nói : « Nay các người công chính, đã vị nghĩa mà tử vong, các người đừng sợ, hãy tin cẩn (...) Hãy trông vào những kẻ đã tự cho mình là công chính, mà xem họ đã bị hủy diệt như thế nào. Cho tới lúc chết, họ không hề được ai cứu. Họ đã mai một đi, như thể là chưa bao giờ có họ. Linh hồn của họ buồn phiền mà xuống địa ngục »[1]. Rồi tác giả cho những người công chính biết chắc rằng tinh thần của họ sẽ sống hạnh phúc mà không bao giờ chết nữa. Còn với những người có tội ác đã chết đi sau khi hưởng một đời thịnh đạt, thì tác giả nói : « Các người phải biết rằng tinh thần các người sẽ bị điệu xuống địa ngục, sẽ phải buồn phiền, phải ở trong nơi tối tăm, ở trong cạm bẫy và giữa ngọn lửa cháy bùng bùng. Rồi còn phải bị lên án trong cuộc phán xét muôn dân. Các người thật là khốn nạn, các người sẽ không bao giờ được yên ». Đối với những người công chính hiện đang sống trong hoàn cảnh thua thiệt, thì tác giả bảo họ là phải hi vọng, vì chắc chắn là họ sẽ được thắng lợi trong cuộc phán xét muôn dân, sẽ được lên trời và sáng láng như các vì tinh tú, còn những kẻ có tội bây giờ thì sau này sẽ bị phạt.

Xem lại Sách Đa-ni-en, chương 12, thì ta thấy rõ lý do cuộc phán xét muôn dân và vì sao người công chính sẽ được đề cao. Nhưng có điều đáng chú ý là ở đây không có nói gì đến việc thân xác người ta sẽ sống lại, mà chỉ nói đến tinh thần người ta hoặc là sẽ xuống địa ngục, hoặc là sẽ lên trời ; lại cũng không nói gì đến những người có tội sẽ sống lại hay không.

Về việc sống lại theo như Sách Hê-nốc, Nickelsburg đưa ra hai nhận xét sau đây : « Một là nếu Đức Chúa cho những người công chính được hồi phục, thì không phải là vì họ đã vì Chúa mà chịu khổ sở oan uổng, nhưng chỉ là vì họ đã chịu khổ sở oan uổng, thế thôi. Hai là sự sống lại không phải là để đền bù cho cái chết oan uổng, nhưng là để trả lời cho câu hỏi về những người phải đau khổ và bị đàn áp, cho dù chưa đến nỗi phải chết ».

Nói tóm lại, chính vì cái cảnh người công chính phải đau khổ và bị đàn áp, nó quả là chướng tai gai mắt, cho nên người ta thấy là không còn có thể cứ bám víu vào quan niệm của Sách Đệ Nhị Luật cho rằng chỉ có thưởng phạt ở đời này mà thôi, và cũng vì thế nó mở ra cho ta cái viễn tượng là sẽ phải có cuộc phán xét muôn dân và sẽ có sống lại trong thế giới bên kia. Còn nếu ta không thấy Sách Hê-nốc nói gì đến việc thân xác sẽ sống lại, thì phải chăng đó là vì do ảnh hưởng của một luồng tư tưởng Hi-lạp ? Hay là vì lẽ rằng thân xác người công chính không bị hủy hoại như trong trường hợp những người vị nghĩa vong thân, cho nên không cần phải đền bù gì cho thân xác họ ?

Cho tới đây ta mới chỉ xét đến sự sống lại trong mấy trường hợp đặc biệt của những người bị bắt bớ, bị đàn áp. Cho nên những giải pháp đưa ra chỉ là những câu trả lời cho mấy trường hợp riêng rẽ như thế, chứ chưa phải là những giải pháp có tính cách phổ thông, chung cho mọi trường hợp. Muốn đi tới một giải pháp chung, thì cần phải đặt vấn đề ở bên ngoài trường hợp những người bị bắt bớ và bị đàn áp. Trong cách lập vấn như thế, Nickelsburg nghiên cứu năm bản văn đã được soạn thảo trong thời gian giữa Cựu Ước và Tân Ước, đó là : Thánh vịnh của vua Sa-lô-môn (viết vào khoảng từ năm 69 đến 47 trước TLKN), Chương thứ XXII trong Sách Hê-nốc (vào khoảng năm 170 trước TLKN), Chương thứ VII trong Sách Esdras, quyển thứ IV (vào khoảng cuối thế kỷ I sau TLKN), Lời dạy của bà cốt. (Oracles sibyllins, khoảng từ năm 80 đến 50 trước TLKN), và Chương thứ XX trong sách Chức thư của tổ phụ Ben-gia-minh (thế kỷ I trước TLKN).

Tác giả kết luận như sau : « Theo như những bản văn nghiên cứu trong chương sách này thì việc sống lại vẫn còn được đặt ra trong khung cảnh cuộc phán xét muôn dân. Tuy vậy việc sống lại và cuộc phán xét đã có một vai trò quan hệ hơn là trong các bản văn về trước. Những người công chính sẽ được trọng thưởng vì họ đã tuân theo đạo giáo (Torah), cho dù họ đã được thưởng ở đời này rồi. Còn những người có tội thì họ sẽ bị kết án vì họ độc ác, chứ không phải vì họ đã hành hạ người công chính ; họ sẽ bị phạt ở đời sau vô cùng, cho dù ở đời này họ đã bị phạt rồi »[1]. Đó là quan niệm chung của mấy bản văn đó, tuy nhiên cũng có một vài bản văn gợi ra ý kiến rằng những người công chính sẽ được sống vô cùng. Riêng sách Thánh vịnh của vua Sa-lô-môn thì có nói rằng những người có tội ác thì xuống địa ngục sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Một vài đoạn văn khác thì có nói đến việc mọi người sẽ sống lại và sẽ có phán xét muôn dân.

Xem như thế, ta thấy là ít lâu trước khi đạo Chúa Giê-su ra đời thì trong tư tưởng Do-thái đã xuất hiện quan niệm mọi người sẽ sống lại và sẽ có phán xét muôn dân.

Sau cùng thì đề cập đến lập trường của giáo phái Cum-ran. Nickelsburg đã đưa ra nhận xét chung sau đây : « Các cuộn sách của giáo phái Cum-ran đã được in ra cho tới nay có một điểm đáng chú ý : ta không thấy có đoạn văn nào có thể giải thích một cách chắc chắn như là có ý nói đến việc sống lại hay là về tính bất tử »[1]. Chính vì thế mà tư tưởng của giáo phái ấy đã được giải thích ra theo nhiều phương hướng khác nhau.

Đọc các thánh-vịnh dùng trong giáo phái, ta thấy có nói đến việc đạo giáo bị bắt bớ, nhưng người ta chỉ tạ ân Đức Chúa vì mình được thoát. Có thể thôi. Như thế có nghĩa là : « Vì lẽ cuộc bắt bớ tín hữu không đưa đến chỗ chết, và vì người ta cũng không phải sợ như thế, cho nên không thấy cần phải nói đến việc sống lại hay là nói đến các việc sau khi chết. Nếu không có bệnh thì cũng không cần thuốc ».

Cũng nên nói thêm là tư tưởng thần học của phái Cum-ran, khi bàn về cuộc sống muôn đời thì có một cách đặt vấn đề đặc biệt. Ít khi họ nói đến cái chết của thân xác. Đó là vì khi dùng những từ ngữ « cuộc sống », « cái chết », thì họ hiểu đó là hai ngã đường trong vận mệnh cuối cùng của người ta, sau khi thân xác chết đi. Họ cho rằng ngay từ đời sống hiện tại, con người ta đã bắt đầu đi theo một trong hai ngã đường đó rồi. Ai sống trong giao ước của Đức Chúa thì ngay từ bây giờ đã được sống muôn đời rồi. Ta gọi đó là cánh-chung-luận đã thực hiện (eschatologie réalisée). Những người trong giáo phái tất nhiên là sẽ được sống muôn đời một cách hoàn toàn, vì ngay từ bây giờ họ đã sống với các thiên sứ, đã được đưa lên tận trời và được sáng chói lợi như các vì tinh tú. Vì thế nếu không có gì cách biệt giữa cuộc sống muôn đời trong lúc này và trong lúc sau, thì cái chết của thân xác không có gì là quan trọng cả, không có gì đáng chú ý[1].

Cái lối nhìn như thế về cuộc sống và cái chết sẽ đưa các thánh giáo phụ trong đạo Chúa Giê-su đến chỗ phân biệt cái chết ra làm ba hạng.

Kết luận

Xem như thế thì ta thấy là trong tư tưởng Do-thái thời Cựu Ước và thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước đã có khá nhiều quan niệm khác nhau về sự « sống lại », khác nhau đến nỗi nhiều khi không dung hòa được với nhau. Đặt những quan niệm đó vào những thời đại và những trường hợp khác nhau, đó là một cách tương đối hóa, đồng thời cũng là một phương pháp để nhận ra tính cách thống nhất của chúng.

Tính cách thống nhất này bắt nguồn từ khi người ta nghiệm ra rằng đạo giáo hay là Lề Luật của Chúa là nguồn đem lại sức sống. Ta đọc trong sách Đệ Nhị Luật : « Hãy để tâm vào tất cả những lời mà hôm nay tôi cảnh cáo anh em, hãy truyền những lời đó cho con cái anh em, để chúng lo đem ra thực hành tất cả những lời của Luật này. Thật vậy, đó không phải là một lời trống rỗng đối với anh em, mà đó là sự sống của anh em (...)» (Đnl 32, 46-47).

Nhưng sự sống là cái gì ? Cái gì là sự sống mà Thiên Chúa đã hứa cho ? Xin trả lời : thánh sử, lịch sử của dân Chúa, chính là lịch sử các chặng đường đã đi để dần dần tìm ra sự sống ấy là gì.

Đọc tiếp câu 47 trong sách Đnl, chương 32, ta tìm ra **chặng đường thứ nhất** : « (...) và nhờ lời ấy, anh em sẽ được sống trên đất mà anh em sắp qua sông Gio-đan để chiếm hữu ». Như thế có nghĩa là : sống tức là thân xác khỏe mạnh lâu dài trên một miền đất phì nhiêu, mà không phải sợ các dân tộc khác đe dọa, sống tức là có con cháu đầy đàn và có một quốc gia riêng cho mình. Chính vì đã nghe theo lời Chúa gọi và hứa cho như thế, cho nên các tổ phụ người Do-thái đã dám bỏ quê nhà ra đi, rồi lại bỏ đi ra khỏi đất Ai-cập là nơi họ đã phải làm nô lệ.

Ở chặng đường này người ta nghiệm thấy rằng hề giữ Luật của Chúa thì cá nhân cũng như quốc gia được phồn thịnh. Như thế dần dần nảy ra ý kiến là thưởng phạt gì cũng là ở đời này cả, và Thiên Chúa cũng dần dần chuyển thành một đồng minh hữu ích, thậm chí thành ra

như là một dụng cụ, một phương tiện phụng sự cho con người ! Đó là cái nguy lớn : tôn giáo thành ra một phương tiện, người ta theo Chúa đâu có phải là vì Chúa, nhưng là vì mình, vì có lợi cho mình mà thôi. Đó là điều ông tổ học thuyết vô thần thế kỷ XIX, là Feuerbach, đã nêu ra. Đó cũng là câu hỏi mà qui Xa-tan đã đặt ra cho Đức Chúa, khi nói về ông Gióp[1].

Chặng đường thứ hai : *Biến cố nước mất nhà tan, rồi vua cũng như dân bị đưa đi lưu đầy* (thế kỷ VI trước TLKN), đó là khủng hoảng lớn cho niềm tin Thiên Chúa trước đây : phải chăng Thiên Chúa bội tín hay là bất lực ? Nếu thực như thế thì giao ước với Thiên Chúa mà làm gì ?

Nhưng có khủng hoảng như thế niềm tin Thiên Chúa mới có thể chín chắn hơn và chuyển hướng ra khỏi niềm tin vụ lợi. Không phải ai cũng chuyển hướng được như thế. Có một số đông đã bỏ đạo. Còn một số nhỏ vẫn giữ được niềm tin Thiên Chúa, mặc dầu hoàn cảnh éo le. Niềm tin của số còn lại là do người ta xác định được ra rằng : 1) Thiên Chúa không phải là một phương tiện mà người ta sử dụng tùy tiện ; 2) Sự sống không phải chỉ là hạn hẹp vào cái thân xác này mà thôi, mà còn có cái gì khác nữa, còn có cái gì ở đâu nữa.

Nhưng cái khác đó là gì và ở đâu ? Câu hỏi ta đặt ra ở đây cũng chính là câu hỏi đã đặt ra trong những bản văn ta vừa trình bày trước đây.

Như đã nói, trong trường hợp đạo giáo bị bắt bớ, người tín hữu thấy là cần phải có gì đền bù cho những cái mà người công chính đã bị mất đi vì trung thành với Chúa : nếu đã bị hạ thấp, bị lăng nhục, thì sẽ được tôn trọng, được nâng cao lên và sáng chói như sao trên trời ; nếu thân xác đã bị tra tấn, bị xẻo cắt hay bị giết, thì thân xác sẽ được sống lại. Phải chăng đó chỉ là một mơ ước rất tự nhiên, do cái ý chí muốn sống của muôn loài ? Chắc là thế. Nhưng cái mơ ước đó không phải là không có nền tảng vì nó căn cứ vào lời Thiên Chúa hứa cho sự sống, và người ta nhận biết Chúa có quyền lực trong việc giải phóng cho dân tộc khỏi làm nô lệ vua Ai-cập, trong việc tạo thiên lập địa, đồng thời Ngài giữ lời hứa. Trong niềm tin đó, những người vị nghĩa vong thân tin chắc rằng Thiên Chúa sẽ cho họ được sống lại vinh quang, và những kẻ đàn áp họ sẽ bị trừng trị.

Còn ngoài trường hợp đó ra thì cái cảnh người công chính bị đàn áp và kẻ độc ác được thịnh vượng cũng làm cho người ta suy nghĩ và đi tới một kết luận tương tự, nhưng lại có phần phổ thông hơn, vì nó chung cho mọi trường hợp. Người ta suy luận rằng sau khi chết thì sẽ có phán xét muôn dân, và ai nấy sẽ được thưởng phạt tùy theo con đường mình đã chọn.

Như thế quan niệm chung là : chết không phải là hết, vì lẽ Thiên Chúa có quyền lực và giữ lời hứa.

Tuy vậy vẫn còn một vài vấn đề chưa được giải quyết, ví dụ như : Khi sống lại thì chỉ có linh hồn (hay tinh thần) mà thôi, hay là cũng có thân xác nữa ? Những kẻ dữ có sống lại để bị phạt muôn đời vô cùng, hay là sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn ? « Sống lại » có phải là lại sống như cũ, lại tiếp tục cái đời sống như bây giờ, hay là – như giáo phái Cum-ran đã nhận định – sẽ có một cuộc sống ở một mức độ siêu việt, cao sang, nghĩa là mới hẳn, khác hẳn cuộc sống bây giờ ? Để nói về cuộc sống mới này, người ta không có sẵn từ ngữ nào thích hợp, cho nên quen dùng những biểu tượng như : được tôn vinh, được nâng cao lên tận trời, được sáng chói lợi như các vì sao. Ngoài ra vẫn còn có những người Do-thái, như phái Xa-đốc, cứ giữ lại truyền thống cũ, họ tin căn vào quyền lực của Thiên Chúa, vào lời Chúa đã hứa, nhưng họ không tin là sẽ có « sống lại », vì đó là điều không thấy Thánh-Kinh dạy một cách rõ ràng.

Chặng đường thứ ba : Chính trong trong lúc tư tưởng Do-thái chia ra năm bè bầy mỗi, không đồng ý với nhau về vận mệnh con người, về quan niệm « sống lại », thì đạo của Đức Giê-su xuất hiện, đem lại tin vui, tin mừng, đã được đón nhận và ghi lại trong sách Phúc Âm.

Quan niệm « sống lại » mà trước đây trong cộng đồng dân Chúa, người ta suy luận, mơ ước và hi vọng theo nhiều phương hướng, thì từ nay đã có một số chứng nhân, đã chứng kiến đời sống, giảng thuyết, hành vi, cuộc tử nạn và sự « sống lại » của Đức Giê-su. Họ thấy những sự kiện ấy là hợp với truyền thống dân Chúa vẫn giữ được niềm tin Thiên Chúa trung tín và có quyền lực. Từ nay họ trở thành chứng nhân, có can đảm chứng thực những điều mắt thấy tai nghe đã đưa họ đến một quan niệm mới về Thiên Chúa. Và đây là chặng đường cuối cùng trong việc tìm hiểu Thiên Chúa và vận mệnh con người. Từ đây bắt đầu một kỷ nguyên mới. Vấn đề thật là mênh mông, bao trùm 20 thế kỷ lịch sử đạo Chúa Giê-su, không thể trình bày trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này được.

Lambersart, 11/06/2005

VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ ĐỨC TIN - VẤN ĐỀ 16:

Tôn giáo chỉ là thuốc phiện ru ngủ quần chúng, là sự gian dối, mỉa dân và mê tín dị đoan. Ai theo đạo là người ngu.

Tôn giáo dạy nhiều điều khó hiểu, vô lý và không thể chấp nhận được. Chẳng hạn: Một Thiên Chúa mà lại có Ba Ngôi, Chúa Giêsu hiện diện thực sự trong tấm bánh nhỏ, Đức Mẹ sinh con mà vẫn còn đồng trinh... Tóm lại là những điều huyền hoặc và không đáng tin !

GIẢI ĐÁP :

KARL MARX, một triết gia người Đức thuộc thế kỷ thứ 19 (1818-1883), đã rất bất mãn khi chứng kiến cảnh bất công của giai cấp tư bản Âu Châu bóc lột sức lao động của giới thợ thuyền thời bấy giờ. Ông quyết định phải làm một cuộc cách mạng để giành lại quyền làm chủ cho giai cấp công nhân, chấm dứt cảnh “người bóc lột người”. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh giai cấp ấy, K. Marx cũng thấy một trở ngại lớn lao từ phía tôn giáo. Theo K. Marx: những giáo lý của tôn giáo dạy về cách ứng xử từ bi bác ái, nhẫn nại tha thứ, vâng phục quyền bính... sẽ làm nhụt nhuệ khí đấu tranh của giai cấp công nhân. Do đó, ông chủ trương: muốn tiêu diệt chế độ phong kiến thối nát bất công thì trước hết phải tiêu diệt tôn giáo. Từ đó, ông mở ra một chiến dịch tuyên truyền chống tôn giáo, coi tôn giáo như thuốc phiện ru ngủ quần chúng, là sự gian dối, mỉa dân và mê tín dị đoan. Ông phi bác các màu nhiệm của tôn giáo vì khó hiểu vô lý và không thể tin được ...

Vậy sự thật thế nào ? Tôn giáo có phải là thuốc phiện ru ngủ quần chúng, là sự gian dối mỉa dân và mê tín dị đoan hay không ? Những màu nhiệm của tôn giáo có đáng tin hay không ?

1) Tôn giáo phải chăng là thuốc phiện ru ngủ quần chúng ? :

-Lập luận để chống đối tôn giáo của K. Marx không dựa trên cơ sở lý luận vững chắc, mà chỉ là một phương thế đấu tranh, giúp cuộc cách mạng của giai cấp công nhân thành công mà thôi. Chính thái độ của một số giáo phẩm thời đó không dấn thân vào trần thế, không chú trọng tới việc cải thiện xã hội theo tinh thần Tin Mừng ... là nguyên nhân khiến K. Marx lên án Giáo Hội, coi tôn giáo là thuốc phiện mê hoặc quần chúng. Tổng giám mục Helder Camara đã lý giải về vấn đề này như sau: “Nếu Marx đã thấy chung quanh mình một **Giáo Hội nhập**

thể và tiếp tục công trình nhập thể của Chúa Ki-tô. Nếu ông đã sống với những **giáo dân biết sống giới răn yêu thương bằng lời nói và hành động** như Chúa mời gọi. Nếu ông đã sống vào thời Công Đồng Va-ti-ca-nô II, theo đó **giáo lý về những thực tại trần gian được chính thức công nhận**, thì chắc ông đã **không coi tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng và đã không lên án Giáo Hội là phản động mê hoặc dân đen**” (Révolution dans la paix, Tr. 31).

-**Thực vậy đức tin chân chính không phải là thuốc phiện ru ngủ quần chúng**, mà trái lại, chính nhờ tin có Thiên Chúa là Đấng tạo thành trời đất, là Đấng công minh vô cùng, thưởng kẻ lành trên thiên đàng và phạt kẻ dữ xuống hỏa ngục sau khi chết... mà **người tín hữu sẽ cố gắng sống lương thiện** ngay ở đời này, sẽ **thương yêu giúp đỡ và quên mình phục vụ tha nhân**, nhất là phục vụ những kẻ nghèo hèn bất hạnh và bị bỏ rơi... Họ làm những việc ấy không do ai ép buộc, nhưng **hoàn toàn tự giác tự nguyện** ... Cũng chính vì có đức tin mà người tín hữu nhìn thấy Chúa Giê-su hiện thân trong những người nghèo, để **phục vụ họ như phục vụ chính Chúa** (x. Mt 25,40). Cũng vì có đức tin mà rất nhiều người đã chọn nếp sống tu trì khổ hạnh, để **dành trọn thời giờ sức lực phục vụ cho người bất hạnh** trong các trại mồ côi, dưỡng lão, trại cùi... **Như vậy thì tôn giáo ru ngủ quần chúng ở chỗ nào ?**

2) Đức Tin phải chăng đồng nghĩa với mê tín ? :

- **Mê tín là tin cách mù quáng và vô lý:** Còn đức tin là tin có cơ sở và hữu lý. Thực vậy, một viên chức điều tra vụ án, phải dựa vào các bằng chứng tìm thấy ở hiện trường rồi tìm hiểu suy luận mới hy vọng tìm ra thủ phạm giấu mặt. Cũng vậy, người tín hữu cũng **áp dụng nguyên tắc nhân quả:** dựa vào các bằng chứng xác thực, để tin có Thiên Chúa sáng tạo trời đất muôn vật và an bài cho chúng tồn tại và ngày càng tiến hóa tốt hơn. **Tin như thế đâu phải mê tín**, nhưng chứng tỏ là người **khôn ngoan biết suy nghĩ sáng suốt.**

- **Trái lại những ai cố chấp khi bị tai nhắm mắt** trước thực tế hiển nhiên, tiên thiên phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa mới là **người mê tín thực sự.** Mê tín vì **tin theo một lý thuyết không hợp lý** chút nào !

3) Về những màu nhiệm trong tôn giáo: phải chăng các chân lý màu nhiệm đức tin đều **khó hiểu và khó chấp nhận**, là sự **đối trá nhằm lừa gạt** những người nhẹ dạ dễ tin ?

- **Phải thừa nhận rằng: trong tôn giáo có những màu nhiệm đức tin:** Đây là những chân lý do Thiên Chúa vì tình yêu thương đã mặc khải cho loài người để họ tin theo hầu được hưởng ơn cứu độ của Ngài. Tác giả thư gửi tín hữu Do Thái đã viết như sau: “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta **qua các ngôn sứ.** Nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta **qua Thánh Tử.** Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài” (Dt 1,1-2). **Đức Giê-su Ki-tô chính là Thánh Tử của Thiên Chúa**, từ trời đến dạy loài người con đường lên trời. Người cũng mặc khải các điều màu nhiệm vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta mà phải chờ khi Thần Khí Sự Thật đến, chúng ta mới lãnh hội được, như Đức Giê-su đã nói với các môn đệ trước cuộc khổ nạn như sau: “Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em, nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí Sự Thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn (Ga 16,12-13a). Một số màu nhiệm chúng ta khó lãnh hội được như: Một Chúa Ba Ngôi, màu nhiệm biến thể trong bí tích Thánh Thể, màu nhiệm Đức Mẹ đồng trinh sinh con...(xem phụ chú).

- **Tuy nhiên, cũng như một em nhỏ trình độ tiểu học** sẽ đánh giá các định lý toán học, công thức lý hóa của bậc trung học đại học là những màu nhiệm khó hiểu. Nhưng không vì thế mà các định lý công thức ấy không có giá trị. Về sau, khi học lên cao em bé ấy sẽ có thể lãnh hội được những điều khó hiểu bây giờ. Cũng vậy, những điều màu nhiệm trong giáo lý Công giáo tuy **vượt quá tầm hiểu biết của con người** chúng ta, nhưng lại **đáng tin** vì do

chính Thiên Chúa đã mặc khải để ban ơn cứu độ cho loài người. Khi được Thánh Thần tác động, chắc chắn chúng ta sẽ lĩnh hội được những màu nhiệm ấy.

- Sở dĩ những màu nhiệm đức tin **có giá trị và đáng tin** vì những lý do như sau:

+Khác với những chân lý khoa học không mấy bền vững: Hôm qua được mọi người công nhận, đến nay có thể lại bị phủ nhận nếu có những khám phá khác có cơ sở hơn thay thế... Còn các chân lý đức tin do Thiên Chúa mặc khải sẽ **luôn có giá trị bền vững muôn đời**.

+Hơn nữa, Thiên Chúa là Đấng **chân thật vô cùng nên sẽ không bao giờ lừa dối** chúng ta. Do đó, các chân lý đức tin mặc khải, tuy vượt quá tầm hiểu biết của con người, **vẫn đáng tin và có giá trị cứu độ** cho những ai biết tin nhận và sống theo các màu nhiệm ấy.

+Đàng khác, chính nhờ có những màu nhiệm này, mà Thiên Chúa giáo được **các triết gia đánh giá là một tôn giáo bắt nguồn từ trời**, chứ không phải chỉ là sản phẩm của con người. SÁC-LO' NI-CÔN (Charles Nicolle) đã phát biểu như sau: "May mắn thay trong Thiên Chúa giáo có những điều màu nhiệm, nếu không thì tôi sẽ hoài nghi tôn giáo ấy là do trí óc loài người tạo ra. Chính màu nhiệm đã làm cho tôi vững tâm vì màu nhiệm chính là dấu hiệu của Thiên Chúa".

TÓM LẠI: Do quan niệm sai lạc về tôn giáo: tưởng rằng tôn giáo chỉ gồm các vị chức sắc **không sống theo tinh thần khiêm nhường phục vụ** của Tin Mừng, hoặc đánh giá thấp về tôn giáo: coi tôn giáo chỉ là một **mớ lý thuyết mang tính giáo điều**, là **phương cách để các người làm việc tôn giáo lợi dụng** trục lợi từ các tín hữu mê tín... Hoặc do chỉ nhìn tôn giáo ở **dạng thấp kém, bệnh hoạn, mê tín... cản trở con đường cách mạng của mình**, nên K. Marx đã có thái độ quyết liệt đối với tôn giáo. Nhưng tất cả những điều Marx đã kích về tôn giáo đều không chính xác. Tôn giáo chân chính hay Thiên Chúa giáo không phải là thuốc phiện ru ngủ quần chúng nhưng là **động lực giúp các tín hữu quên mình phục vụ** tha nhân. Đức Tin tôn giáo gồm những điều hợp lý chứ **không phải là sự mê tín cần phải dẹp bỏ**; Những màu nhiệm đức tin là những **chân lý mặc khải có cơ sở chắc chắn** chứ không phải là những điều huyền hoặc mê tín... Từ đó chúng ta có thể quả quyết như sau: **Những lời đã kích tôn giáo của Karl Marx thực sự không phương hại đến Thiên Chúa giáo**, là một **tôn giáo chân chính và có giá trị mang lại hạnh phúc** cho con người.

PHÚT HỒI TÂM:

- **Lời Chúa:** Đức Giê-su nói: "Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em, nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí Sự Thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn (Ga 16,12-13a).

- **Lời Cầu:**

LẠY CHÚA GIÊSU. Xin cho con biết nhìn thấy Chúa đang bị bỏ rơi trong những con người bất hạnh, nhờ đó con sẽ năng đến viếng thăm và quảng đại chia sẻ cơm áo gạo tiền cho họ... tận tình giúp họ vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Lạy Chúa, xin sai Thánh Thần đến đổi mới tâm can con và động viên giúp con chu toan được sứ vụ làm chứng cho Chúa và đưa được nhiều người về làm con Chúa trong Hội Thánh Công giáo.- AMEN.

LM ĐAN VINH - HHTM.

PHỤ CHÚ:

I. VỀ MÀU NHIỆM MỘT CHÚA BA NGÔI

Với trí khôn tự nhiên, loài người chúng ta chỉ nhận biết có Đấng Tạo Hóa là Đấng tạo thành vũ trụ vạn vật thiên nhiên và an bài mọi sự trật tự và ngày càng tiến hóa nên hoàn thiện hơn. Tuy nhiên chính nhờ Lời Chúa mặc khải mà loài người chúng ta mới biết về màu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi. Vậy mặc khải nói gì về màu nhiệm này? Vai trò của mỗi Ngôi thể nào trong công

trình sáng tạo vũ trụ vạn vật và ban ơn cứu độ loài người? Các nhà thần học đã dùng những hình ảnh nào để diễn tả về mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi hầu giúp chúng ta lãnh hội được phần nào về mầu nhiệm quan trọng này? Cuối cùng các tín hữu chúng ta phải sống mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi như thế nào?

1) MÀU NHIỆM MỘT CHÚA BA NGÔI TRONG THÁNH KINH:

1-Cựu Ước nhấn mạnh về một đức tin độc thần: Chỉ một Đức Chúa là Thiên Chúa độc nhất hiện hữu và là Đấng ban ơn cứu độ. Trong Cựu Ước, Thiên Chúa chưa mặc khải về mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi. Điều răn trọng nhất trong mười điều răn được Đức Chúa ban cho Ít-ra-en qua ông Mô-sê như sau: “Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta” (Xh 20,3). Ngôn sứ I-sai-a cũng tuyên sấm lời Thiên Chúa: “Trước Ta, chẳng có thần nào khác được hình thành. Và sau Ta cũng vậy. Chính Ta đây là Đức Chúa. Ngoài Ta ra, chẳng có ai cứu độ” (Is 43,10-11).

2-Tân Ước mặc khải về mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi:

+Tin Mừng Mát-thêu thuật lại câu chuyện Đức Giê-su chịu phép Rửa của Gio-an Tẩy Giả, trong đó bắt đầu đề cập đến mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi như sau: “Khi Đức Giê-su chịu phép rửa xong, thì các tầng trời mở ra. Người thầy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống như chim bồ câu ngự trên Người. Và kìa, có tiếng từ trời phán rằng: “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người” (Mt 3,16). Tiếng phán từ trời là lời của Chúa Cha (Ngôi I), Đức Giê-su đang đứng dưới lòng sông là Chúa Con (Ngôi II) và chim bồ câu ngự trên Người là biểu tượng Chúa Thánh Thần (Ngôi III).

+Thánh Lu-ca trong Công vụ Tông đồ đã thuật lại bài giảng của Tông đồ Phê-rô nói về mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi: “Thiên Chúa Cha (Ngôi I) đã ra tay uy quyền nâng Người lên (Ngôi II), trao cho Người (Ngôi II) Thánh Thần (Ngôi III) đã hứa, để Người (Ngôi II) đổ xuống. Đó là điều anh em đang thấy đang nghe” (Cv 2,33).

+Tin Mừng Gio-an nhiều lần đề cập đến mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi như sau: “Thầy (Ngôi II) sẽ xin Chúa Cha (Ngôi I), và Người (Ngôi I) sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác (Ngôi III), đến ở với anh em luôn mãi (Ga 14,16)...

+Thánh Phao-lô diễn tả về Mầu Nhiệm Một Chúa Ba Ngôi trong lời chào như sau: “Nguyện xin ân sủng Đức Giê-su Ki-tô (Ngôi II), tình yêu của Chúa Cha (Ngôi I) và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần (Ngôi III) ở cùng tất cả anh chị em” (2 Cr 13,13)...

2) NỘI DUNG MÀU NHIỆM MỘT CHÚA BA NGÔI:

1-Chỉ có Một Thiên Chúa và “Thiên Chúa là Tình Yêu” (1 Ga 4,7), nhưng Người lại có Ba Ngôi: Ngôi thứ Nhất là Cha, Ngôi thứ Hai là Con, Ngôi thứ Ba là Thánh Thần. Vì Ba Ngôi cùng chung một bản tính và cùng một quyền năng, nên trong Ba Ngôi, không Ngôi nào lớn hơn.

2-Về vai trò của Ba Ngôi:

+Chúa Cha sáng tạo: Khi sáng tạo vũ trụ vạn vật và loài người. Thiên Chúa xuất hiện là Ngôi thứ Nhất như một người Cha. Người dùng Lời quyền năng (Ngôi Hai) làm cho vạn vật từ không xuất hiện (x. St 1,3), và tiếp tục quan phòng gìn giữ để các tạo vật ấy tồn tại, phát triển và tiến hóa ngày một hoàn thiện hơn. Người cứu độ loài người bằng việc sai Con Một (Ngôi II) nhập thể cứu chuộc và ban Thánh Thần (Ngôi III) tiếp tục chương trình cứu độ loài người qua Hội Thánh.

+Chúa Con cứu chuộc: Khi tới Giờ đã định, Chúa Cha (Ngôi I) sai Con Một là Chúa Con (Ngôi II) xuống thế làm người là Đức Giê-su Ki-tô (x. Ga 3,16). Người thi hành sứ vụ Thiên Sai bằng việc đi khắp nơi công bố Tin mừng Nước Trời, làm nhiều phép lạ cứu nhân độ thế, và cuối cùng tình nguyện chịu chết trên thập giá để đền tội thay cho loài người và sống lại để ban ơn cứu độ loài người. Đức Giê-su chính là “Đấng Thiên Sai, Con Thiên Chúa hằng sống” (x. Mt 16,16), là “Con rất yêu dấu luôn làm hài lòng Cha” (Mc 1,11). Người là phản ảnh về huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa (x. Dt 1,3). Ai thấy Người là thấy Chúa Cha (x. Ga 14,9).

+Chúa Thánh Thần thánh hóa: Thánh Thần tuôn đổ thần khí ân sủng xuống trên các Tông đồ và các môn đệ trong lễ Ngũ tuần, ban ơn soi sáng giúp lương dân gia nhập Nước Trời là Hội thánh, tiếp tục trợ giúp Hội thánh chu toàn ba sứ vụ của Chúa Giê-su: Một là làm ngôn sứ rao giảng Tin mừng; Hai là làm tư tế thánh hóa loài người nhờ cử hành các phép bí tích do Chúa Giê-su thiết lập; Ba là làm vương đế phục vụ đoàn chiên được trao... Đáng ấy là Chúa Ngôi Ba, là Chúa Thánh Thần, Thánh Linh hay Thần Khí.

3) MỘT SỐ CÁCH DIỄN TẢ MÀU NHIỆM BA NGÔI KHI DẠY GIÁO LÝ:

Một Chúa Ba Ngôi là chân lý đức tin do Đức Giê-su Con Thiên Chúa làm người đã dạy, nhưng lại khó hiểu đối với trí khôn hữu hạn của loài người. Nhằm giúp các tín hữu hiểu biết phần nào về màu nhiệm này, các nhà thần học đã cố gắng diễn giải bằng các hình ảnh có trong thực tế đời thường dù chỉ là bất toàn như sau:

1-Thánh Pa-trick dùng hình ảnh **lá cây “Tam điệp thảo”**: tuy chỉ có một lá, nhưng do ba lá nhỏ dính liền với nhau.

2-Thánh I-nha-xi-ô dùng hình ảnh **một hợp âm** trên dòng nhạc, gồm ba nốt nhạc chồng lên nhau.

3-Ngoài ra, chúng ta có thể diễn tả màu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi bằng mấy hình ảnh đời thường như:

+Nước tuy chỉ là vật chất nhưng có thể xuất hiện dưới ba dạng là: Thể hơi, thể đặc và thể lỏng;

+Hình tam giác đều tuy chỉ là một hình, nhưng có ba góc và ba cạnh bằng nhau.

+Một người đàn ông trong gia đình tuy chỉ là một người nhưng có 3 vai trò: là “cha” đối với con cái, là “con” đối với bố đẻ, là “chồng” đối với vợ.

+Một cây viết chì tượng trưng một Thiên Chúa. Phần thân cây viết có ba mặt đều nhau, mỗi mặt tượng trưng cho một Ngôi vị Thiên Chúa.

4) SỐNG HIỆP THÔNG VÀ YÊU THƯƠNG NOI GƯƠNG CHÚA BA NGÔI:

1-Hiệp thông bằng việc năng tuyên xưng đức tin Một Chúa Ba Ngôi: Mỗi lần làm dấu thánh giá và đọc kinh Sáng Danh, người tín hữu tuyên xưng đức tin vào màu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa.

2-Hiệp thông bằng việc năng cầu nguyện với Chúa Ba Ngôi: Người tín hữu cần năng cầu nguyện với Thiên Chúa qua kính Lạy Cha như Chúa Giê-su đã dạy (x Mt 6,9-13). Năng thưa chuyện với từng Ngôi là: Chúa Cha, Chúa Giê-su và Chúa Thánh Thần, ít nhất 5 lần mỗi ngày: buổi sáng khi vừa thức giấc, trước ba bữa ăn và trước lúc nghỉ đêm.

3-Nội dung những lời cầu nguyện với Thiên Chúa: có thể quy về 5 điều chính sau:

+Một là **ngợi khen chúc tụng** Chúa Cha

+Hai là **tri ân cảm tạ** Cha về những ơn lành hồn xác.

+Ba là **sám hối xin lỗi** Cha vì những sai phạm thiếu sót.

+Bốn là **phó thác xin vâng ý** Cha về mọi điều may rủi xảy đến.

+Năm là **khiêm tốn cầu xin** Cha ban ơn lành hồn xác cho mình cũng như tha nhân.

4-Sống yêu thương tha nhân noi gương Gia Đình Ba Ngôi Thiên Chúa: Người ta thường ví Chúa Ba Ngôi giống như một gia đình với ba Ngôi vị là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Ba Ngôi yêu thương nhau làm khuôn mẫu cho các thành viên trong gia đình tín hữu, và tình yêu vị tha mở rộng đến hết mọi người không trừ ai. Thánh Gio-an trong thư thứ nhất đã viết: “Thiên Chúa là Tình Yêu. Ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1 Ga 4,16b). “Nếu ai nói: Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối: Vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy. Đây là điều răn mà chúng ta đã nhận được từ Người: Ai yêu mến Thiên Chúa thì cũng yêu thương anh em mình” (1 Ga 4,20-21).

II. MÀU NHIỆM THÁNH THỂ:

Đây cũng thực là một điều khó hiểu đối với tầm hiểu biết có giới hạn của con người: một tấm bánh và một chén rượu nho sau lời truyền phép “Này là mình Thầy”, “Này là chén Máu

Thầy...” của linh mục chủ tế trong thánh lễ, sẽ không còn là bánh rọu nữa, mà đã thực sự biến đổi trở thành Thịt Máu Chúa Giê-su. Vậy Đức Giê-su thiết lập bí tích Thánh Thể để làm gì ? Và đâu là bằng chứng cho thấy Người hiện diện thực sự trong hình bánh rọu ?

1.Mục đích lập phép Thánh Thể:

Phép Thánh Thể chính là một bằng chứng của tình yêu vô biên của Đức Giê-su. Khi yêu ai, người ta thích ở gần người ấy, muốn được nghe những lời tâm sự của người mình yêu, muốn kết hiệp nên một với người yêu và muốn cho người yêu tất cả những gì mình có. Đức Giê-su cũng yêu thương các môn đệ tới tột cùng (Ga 15,12-13), nên đã chứng tỏ tình yêu bằng việc thiết lập bí tích Thánh Thể nhằm mục đích như sau:

a)Để có thể ở gần các tín hữu: Đức Giê-su đã nói: “Và đây Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20).

b)Để nghe những lời tâm sự và an ủi nâng đỡ những ai chạy đến với Người: Chúa phán: “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi. Tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái và gánh tôi nhẹ nhàng” (Mt 11,28-30)

c)Trao ban chính thân mình Người làm của ăn nuôi sống linh hồn tín hữu: “Trong đêm bị nộp, Chúa Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng tạ ơn, rồi bẻ ra và nói: “Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em. Anh em hãy làm như Thầy vừa làm để tưởng nhớ đến Thầy” (1Cr 23-24). “Đây là bánh bởi trời xuống, ai ăn bánh này sẽ không phải chết... nhưng sẽ được sống đời đời. và bánh tôi sẽ ban chính là Thịt tôi để cho thế gian được sống.” (Ga 6,51).

2.Những bằng chứng Đức Tin về phép Thánh Thể:

Đây thuộc lãnh vực đức tin nên không thể chứng minh được bằng khoa học. Chúng ta tin không phải vì xem thấy, sờ nếm thấy, nhưng vì biết Chúa là Đấng toàn năng và chính Chúa đã phán dạy như vậy trong Tin Mừng.

a)Chúa dọn lòng người ta trước: Đức Giê-su biết việc Người sắp thiết lập bí tích Thánh Thể, để biến bánh rọu trở nên Mình Máu Thánh của Người, đối với loài người là điều không thể và rất khó chấp nhận, nên Người chỉ đề cập đến và thiết lập bí tích này sau khi đã làm nhiều phép lạ như: cho kẻ què được đi (x. Mt 9,6-8), kẻ câm nói được (x. Mt 9,32-33), kẻ mù được thấy (x. Mt 9,27-30), người chết sống lại (x. Ga 11,38-46)... Tất cả những phép lạ ấy chỉ chuẩn bị người ta để đón nhận một phép lạ khác lớn lao hơn mà người ta không nghĩ đến. Đó là việc Người sẽ thiết lập bí tích Thánh Thể trong bữa tiệc Vượt Qua sau này.

b)Chúa tiên báo trước việc Ngài sẽ làm: Một hôm sau khi làm phép lạ nhân bánh ra nhiều nuôi 5000 người ăn no tại một khu rừng vắng, Đức Giê-su bắt đầu hé mở về việc sẽ lập bí tích này như sau: “Tôi là bánh trường sinh. Tổ tiên các ông đã ăn man-na trong sa mạc, nhưng đã chết. Còn bánh này là bánh từ trời xuống, để ai ăn bánh thì khỏi phải chết. Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống” (Ga 6,48-51).

Đức Giê-su vừa nói như vậy thì đã có nhiều người tỏ vẻ phản đối, cho rằng lời đó chướng tai khó nghe. Có môn đệ còn bỏ Người mà đi. Thấy vậy Đức Giê-su không những không cải chính mà còn hỏi các Tông đồ: “Điều đó anh em lấy làm chướng, không chấp nhận được ư ?” Nếu không có ý định lập bí tích Thánh Thể, mà chỉ có ý nói theo nghĩa tượng trưng, khi thấy môn đệ hiểu sai ý mình và bỏ đi, thì Người đã phải cải chính. Nhưng ở đây, không những không cải chính mà Người còn nhấn mạnh hơn về bí tích Thánh Thể mà Người sắp thiết lập. Cuối cùng Tin Mừng cho biết: “nhiều môn đệ rút lui, không còn đi với Người nữa” (Ga 6,66).

c)Chúa lập thực sự: vào ngày Thứ Năm Tuần Thánh khi Đức Giê-su biết sắp tới giờ Người phải xa lìa các môn đệ, Người đã thương yêu họ đến tột cùng, nên Người đã thực hiện ý định đã tiên báo trước đó là thiết lập bí tích Thánh Thể để ở với họ luôn mãi. Tin Mừng Mát-

thêu thuật lại việc thiết lập bí tích Thánh Thể như sau: "Cũng đang bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho môn đệ và nói: "Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy. Rồi Người cầm lấy chén dâng lời tạ ơn, trao cho môn đệ và nói: "Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy., Máu giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội" (Mt 26,26–28).

Để việc này được tiếp tục cử hành cách vững bền sau này, Đức Giê-su truyền cho các Tông đồ: "Anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy" (Lc 22,19). Từ đó, các Tông đồ và các đấng kế vị đã thi hành lệnh cử hành Thánh Thể cho tới khi Chúa lại đến.

TÓM LẠI: Đây là một mẫu nhiệm đức tin, một sự thật vượt quá giới hạn của giác quan con người. Tuy khó hiểu, nhưng lại hợp lý, vì Chúa là Đấng toàn năng và chân thật vô cùng. Người đã có thể biến nước lã thành rượu nho tại tiệc cưới Ca-na (x. Ga 2,1-11) và đã nhân năm chiếc bánh và hai con cá để nuôi năm ngàn người ăn no (x. Ga 6,11)... thì Người cũng làm được cho bánh rượu trở nên Thịt Máu của Người sau lời truyền phép trong thánh lễ, và truyền Hội thánh cử hành vào ngày Thứ Nhất hằng tuần để tưởng nhớ mẫu nhiệm Tử Nạn và Phục Sinh của Người (Lc 22,19).

III. MẪU NHIỆM ĐỨC MẸ SINH CON MÀ CÒN ĐỒNG TRINH:

Theo thường tình, đứa con trong bụng mẹ là kết quả của tình yêu giao hợp vợ chồng. Nhưng nơi Thiên Chúa, Ngài muốn làm một công việc phi thường là dùng quyền năng để làm cho Đức Ma-ri-a sinh con mà còn đồng trinh như lời ngôn sứ I-sai-a tuyên sấm: "Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh một con trai, đặt tên là Em-ma-nu-en" (Is 7,14). Khi truyền tin cho Trinh Nữ Ma-ri-a, sứ thần Gáp-ri-en còn nói về việc thụ thai cách đặc biệt như sau: "Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà. Vì thế Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ là thánh, sẽ được gọi là Con Thiên Chúa" (Lc 1,35).

1) Những bằng chứng về sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a

Về sự thụ thai đồng trinh của Đức Mẹ, công đồng La-tê-ra-nô đã khẳng định như sau : "Đức Ma-ri-a sinh nở chẳng như nhớp, thân mình vốn tinh tuyền, và sau khi sinh nở vẫn đồng trinh trọn đời". Đức Giáo Hoàng Phao-lô IV cũng nói: "Đức Mẹ vốn luôn tinh trong tuyền vẹn, nghĩa là đồng trinh trước, đang và sau khi sinh". Vậy đâu là bằng chứng ?

a) Bằng chứng về phía Đức Mẹ :

+Đức Ma-ri-a không sống theo thói trưng diện của người đời, trái lại Người luôn sống trầm lặng, ưa thích yên tĩnh, một mình ở nơi thư phòng vắng vẻ hầu để dâng kết hợp với Chúa (x. Lc 1,28). Người có thói quen chiêm niệm về các biến cố xảy ra như Tin Mừng đã ghi nhận: "Còn Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy và suy đi nghĩ lại trong lòng" (Lc 2,19).

+Ngoài ra, Ma-ri-a còn chứng tỏ quý trọng nhân đức trong sạch qua thái độ "bối rối" khi thấy sự hiện diện đột ngột của Thiên sứ dưới hình dạng một nam nhân trong thư phòng của mình. Sự bối rối đó là dấu chứng tích cực về một tâm hồn có lòng yêu quý đức trinh khiết.

b) Bằng chứng về phía Thiên Chúa :

Tin Mừng thuật lại việc Đức Ma-ri-a đã thụ thai hài nhi Giê-su cách lạ lùng do quyền năng của Chúa Thánh Thần: Việc Chúa Cứu Thế giáng sinh xảy ra như sau: "Bà Ma-ri-a Mẹ Người đã thành hôn với ông Giu-se. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần" (Mt 1,18;x. Lc 1,26-38). Thiên Chúa là Đấng toàn năng, đã có thể sáng tạo mọi sự từ hư không, thì cũng có thể bảo toàn sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a khi sinh con như lời sứ thần đã nói: "Vì đối với Thiên Chúa không có gì là không thể làm được" (Lc 1,37).

Nhưng có người thắc mắc: Tại sao Thiên Chúa lại làm công việc ngược đời: cho Đức Ma-ri-a thụ thai mà còn đồng trinh làm chi ?

Các nhà thần học công giáo đã lên tiếng như sau:

+Để chứng tỏ Đấng Cứu Thế có hai bản tính: bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại. Là con Thiên Chúa toàn năng, nên Người không phải theo cách đầu thai thông thường như loài thụ tạo.

+Để Ngôi Hai Thiên Chúa thỏa mãn sự quý trọng đức trong sạch của Đức Ma-ri-a (Lc 1,34).

+Để bản tính nhân loại của Đức Giê-su khỏi mắc tội tổ tông truyền, vì Người không đầu thai giống như người phạm, không bị lệ thuộc theo dòng máu tội lỗi của con cháu A-đam E-và như bao người khác.

2) Một số nghi vấn về sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a:

a) Nếu Đức Ma-ri-a đã sinh con thì sao còn có thể đồng trinh được?

Bình thường, theo khoa học thì người nữ không thể vừa sinh con lại vừa đồng trinh được. Nhưng trong trường hợp của Đức Ma-ri-a **do chịu thai và sinh con cách đặc biệt nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần** nên ngài vẫn còn đồng trinh sau khi sinh con, như lời sứ thần đã giải thích với Ma-ri-a: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà. Vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ là thánh, sẽ được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc 1,35). Chính vì sinh con cách đặc biệt, nên Ma-ri-a sinh con mà không cần phải có bà đỡ, và ngay sau đó đã tự mình bọc con trong khăn vải rồi đặt nằm trong máng cỏ (x. Lc 2,7).

b) Dựa vào Tin Mừng, một số người cho rằng: sau khi sinh Chúa Giêsu, Đức Ma-ri-a đã ăn ở với ông Giu-se nên đã sinh ra nhiều người con khác như sau: “Khi tỉnh giấc, Ông Giu-se làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà, **cho đến khi bà sinh một con trai**, và ông đặt tên cho con trẻ là Giê-su” (Mt 1,24-25). - “Bà sinh **con trai đầu lòng**, lấy vải bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ” (Lc 2,7). - “Ông không phải là con bác thợ mộc sao? Mẹ của ông không phải là bà Ma-ri-a; **anh em của ông không phải là các ông Gia-cô-bê, Giô-xép, Si-mon và Giu-đa sao ? Và chị em của ông** không phải đều là bà con lối xóm với chúng ta sao ? Vậy bởi đâu ông ta được như thế ?” (Mt 13,55-56).

-“**Cho đến khi**”: Thoạt mới nghe, người ta có cảm tưởng Đức Ma-ri-a đã không giữ đức đồng trinh nữa, sau khi sinh hài nhi Giê-su. Nhưng nếu xét kỹ, thì mấy chữ “cho đến khi” ở đây chỉ diễn tả một sự việc đang xảy ra, chứ không đặt ra giới hạn nào cả. Thánh Mát-thêu mô tả sự việc xảy ra như sau: Sau khi được sứ thần hiện ra trong giấc mơ và giải thích về thai nhi do Ma-ri-a đang cưu mang là do quyền năng Thánh Thần. Rồi sứ thần truyền cho Giu-se làm ba điều: **Một là** tiến hành làm lễ cưới để đón vợ về nhà. **Hai là** cho biết Ma-ri-a đã được thánh hiến cho Thiên Chúa qua việc thụ thai bởi quyền năng Thánh Thần. **Ba là** Giu-se sẽ làm cha của hài nhi khi đặt tên cho con trẻ là Giê-su. Sau khi thức dậy, Giu-se đã thi hành đúng ba lệnh truyền ấy: Ông tổ chức lễ cưới để đón Ma-ri-a về nhà mình (Điều 1), Ông không ăn ở với bà như các đôi vợ chồng khác (Điều 2). **Cho đến khi Ma-ri-a sinh con trai đầu lòng thì Giu-se đặt tên cho con trẻ là Giê-su** (Điều 3). Tin Mừng không viết : **cho đến khi Ma-ri-a sinh con trai thì Giu-se lại ăn ở với Ma-ri-a** như có người lầm tưởng.

-“**Con trai đầu lòng**”: Tiếng “con đầu lòng” theo ý nghĩa của La ngữ: Primogenitus nghĩa là “được sinh ra trước hết”. Đức Giê-su được gọi là Con Đầu Lòng không phải vì Đức Ma-ri-a Mẹ Người sẽ sinh thêm nhiều người con khác nữa. Ở đây, sử dĩ Lu-ca nhắc đến “con đầu lòng” vì muốn chuẩn bị sẽ tường thuật tiếp việc dâng con trong Đền Thờ theo Luật Mô-sê ấn định như sau: “Mọi **con trai đầu lòng** phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa” (Lc 2,23). Đàng khác: có “con đầu lòng” không nhất thiết phải có đứa con thứ hai, thứ ba. Chẳng hạn: bà X mới sinh một cậu con trai, một bà bạn hỏi: “Đứa này là con thứ mấy của chị ?” – Bà ta trả lời: “Nó là con đầu lòng của tôi đấy”. Rõ ràng bà X chưa có đứa con thứ hai mà cũng nói đứa con đó là con “đầu lòng” của mình. Vậy tiếng “**đầu lòng**” ở đây chỉ có nghĩa là “**đầu tiên**”, chứ không hàm ý sẽ còn nhiều người con khác nữa.

-“**Anh em**” **Chúa Giê-su**: Có nhiều thứ anh em như anh em cùng lý tưởng, anh em họ hàng bà con... chứ không nhất thiết phải là anh em ruột thịt. Về các anh em Đức Giê-su được

nói tới trong Tin Mừng Mát-thêu cũng chỉ là những anh em họ hàng, giống như “anh em con chú con bác” theo tục lệ người Việt Nam chúng ta.

Theo Tin Mừng thì về họ nội, Đức Giê-su có 4 anh em là các ông: Gia-cô-bê, Giô-xép, Simon và Giu-đa (tất cả là anh con ông bác). Còn bên họ ngoại thì Tin Mừng cho biết Đức Giê-su có anh họ là ông Gio-an Bao-ti-xi-ta (x. Lc 1,36.59-63).

Đàng khác, chúng ta đừng quên Tin Mừng đã đề cao nhân đức của thánh Giu-se: “Ông Giu-se chồng bà là **người công chính**” (Mt 1,19). Công chính nghĩa là **luôn tuân phục thánh ý Thiên Chúa, ăn ở theo đường lối của Ngài**. Vậy một khi biết Ma-ri-a đã được Thiên Chúa chọn làm mẹ Đấng Cứu thế, đã thuộc trọn về Thiên Chúa như một nữ tu khẩn trọn, thì **chẳng lẽ Giu-se lại không tôn trọng điều ấy**. Và nếu thực sự Đức Ma-ri-a còn có mấy người con khác ngoài Đức Giê-su, thì tại sao **khi sắp chết trên thập giá, Đức Giê-su lại trối Mẹ của Người cho môn đệ Gio-an để phụng dưỡng thay mình** như Tin Mừng viết: “Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình (Ga 19,26) ?

TÓM LẠI: Với những bằng chứng rõ ràng trong Thánh Kinh, những người có đức tin đều chấp nhận sự thật này là **Đức Ma-ri-a đã được Thiên Chúa toàn năng ban cho đặc ân: Sinh con mà vẫn bảo toàn được đức khiết tịnh: “Đồng trinh trước khi, đang khi và sau khi sinh con”**.

LM ĐAN VINH -HHTM

VỀ MỤC LỤC

TRUYỀN GIÁO NGÀY NAY: LÀM SAO TIN CHÚA MÀ VẪN KHÔNG MẤT LÒNG MẾN ĐỨC PHẬT?

Reeng... reeng... reeng...!!! “Alô! Tôi là... xin nghe!” “Ồ, chào cậu, mình là Bản đây. Chiều mai rảnh không, mời ông bạn đi ăn cơm với gia đình mình nhé. Có chuyện rất cần bạn chia sẻ tâm tình”. Tôi coi lịch và thấy không có gì cản trở, nên nhận lời. “Mai mình sẽ đến vào lúc 18h nha”.

Đó là một cú điện thoại của một người bạn thân gọi đến từ Đồng Nai. Vợ chồng anh chị ở ngoài bắc, nhưng vào trong nam lập nghiệp làm ăn.

Đúng hẹn, tôi đến nhà anh bạn lúc 18h ngày hôm sau. Gặp tôi, vợ chồng anh bạn đón đả, tay bắt mặt mừng, mời tôi vào nhà uống nước. Sự thân thiện của anh chị vốn là bản chất đã có từ lâu. Tôi thấy quý anh chị và các cháu vì tính hồn nhiên, chân thành của họ. Ngồi một chút, anh nói với tôi:

“Bản có vợ chồng thành bạn cũng thân lắm, nhưng chỉ tội hơi buồn vì vợ nó là đạo Công Giáo, còn chồng lại theo đạo Phật. Ngày chúng nó lấy nhau làm phép chuẩn thôi^[1]. Khi ấy, hai bên ai cũng đồng ý, nhưng khi có con rồi, các cháu cũng chuẩn bị đến tuổi đi học, nên 2 vợ chồng thấy lo. Lo là vì sau này không biết giáo dục các cháu theo tôn giáo nào! dựa vào giáo lý Đức Phật hay Chúa Giêsu để định hướng cho chúng nó, nên mỗi khi đụng đến vấn đề này, là vợ chồng cãi nhau. Mình là bạn thân với chúng nó, Bản thấy thế, nên cũng buồn. Lát nữa mình có mời vợ chồng nó đi ăn cùng, thấy thuận tiện, muốn thầy chia sẻ với vợ chồng nó một chút để làm sao cho chúng nó dung hòa, nếu không Bản nghi đở vỡ lắm!”.

Nhìn đồng hồ, tôi thấy 19h rồi, và thế là tôi cùng vợ chồng anh Bản chạy đến nơi chúng tôi sẽ ăn tối cùng nhau.

Vừa mới dựng xe xong, quay sang thì thấy vợ chồng anh đó cũng tới. Chúng tôi vào bàn ăn, và công việc đầu tiên là phần làm quen. Anh Bản lần lượt giới thiệu tôi với mọi người và ngược lại. Qua giới thiệu, chúng tôi tỏ vẻ thân thiện với nhau ngay từ giây phút ban đầu.

Sau đó, chúng tôi cùng nhau ăn cơm, và đến khoảng giữa bữa, vợ của anh bạn, chị Tuyết, chị là người Công Giáo, lấy anh Bình là người Phật Giáo. Vì biết tôi là thầy tu, nên chị chủ động gọi chuyện: “*Thưa thầy, con rất muốn chồng con phải theo đạo Công Giáo! Nhưng anh không chịu và ngược lại, anh cũng bắt con theo Phật Giáo! Thầy nghĩ sao và cho chúng con lời khuyên*”. Tôi hỏi lại chị: “*Tại sao chị yêu cầu anh phải theo đạo Chúa?*”. Chị trả lời: “*Tại vì gia đình con theo Chúa từ nhiều đời nay rồi, với lại con thấy Chúa tốt lành quá, bỏ Ngài, con thấy có tội... và nhất là con sợ mất linh hồn lắm thầy ạ!*”. Tôi quay sang hỏi anh: “*Anh Bình! Anh có muốn theo Chúa không?*”. Anh trả lời: “*Con làm sao theo được! Nhà con sùng Phật nhất làng đó! Bác bên bố và cậu bên mẹ là Hòa Thượng trụ trì những chùa lớn ở ngoài bắc. Còn em trai của con là sư thầy, đang trụ trì một chùa bên quận 8, gia đình con như thế, làm sao con có thể bỏ Đức Phật để đi theo Chúa được*”. Nghe đến đây, tôi đáp lời: “*Anh ạ, tôi không bảo anh bỏ Đức Phật và đi theo Chúa đâu, chị đây cũng vậy thôi, nhưng có khi chị diễn tả hơi chân thành và đơn sơ, nên anh hiểu chưa đúng đấy thôi*”. Lúc đó, anh hỏi lại tôi: “*Vậy theo thầy, con phải hiểu và làm thế nào?*”. Tôi nói: “*Trước tiên, tôi thấy Đức Phật là một đáng rất đáng kính. Ngài đã dám chấp nhận từ bỏ con đường giàu sang nhưng lựa chốn triều đình, và đã nhất quyết bỏ lại tất cả khi đã giác ngộ ra chân lý ‘đời là bể khổ’ và ngài đã tìm ra con đường để giải thoát. Con đường ấy được thể hiện trong triết lý ‘Tứ diệu đế’, ‘Thập nhị nhân duyên’ và ‘Bát chính đạo’. Qua đó, ngài cũng mời gọi mọi người đi theo con đường mà ngài đã tìm ra để đạt được hạnh phúc. Đức Phật thật tốt. Tuy nhiên, khi được học trò hỏi: ‘Thưa thầy, Chân Lý ở đâu?’ Ngài đã không tự nhận mình là Chân Lý, nhưng âm thầm chỉ tay lên Trời. Như vậy, ta hiểu, Đức Phật không tự coi mình là Chân Lý, mà Ngài đã chỉ lên Trời, Chân Lý ở trên đó! Ngài đóng vai trò là người dẫn đường để đưa người ta đến gần Ông Trời, gặp được Ông Trời và được ở với Ông Trời là Chân Lý tuyệt đối. Vì thế, với người Công Giáo, chúng tôi rất mến Đức Phật, bởi vì ngài cũng như chúng tôi là tin Ông Trời, Thượng Đế, Đấng Tạo Hóa. Tuy có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng những tước hiệu đó, bên chúng tôi gọi Ngài qua một tên chung là Thiên Chúa”. Nghe đến đây anh tỏ vẻ đắc trí. Nhưng anh hỏi tiếp: “*Bây giờ làm thế nào để con theo Chúa mà không bỏ Đức Phật? Bởi vì con thương và thấy tội Đức Phật quá. Con cũng thấy có một số người khi đã tin theo một tôn giáo khác, thì ngay lập tức, họ quay lưng lại với Đức Phật! Thậm chí, họ coi Đức Phật rất tầm thường, nếu không muốn nói là báng bổ ngài. Nếu mà thầy bắt con cũng như họ là con nhất quyết không theo đạo Chúa đâu!*” Tôi bảo anh: “*Anh theo Chúa thì đúng rồi, bởi vì Chúa là Đấng dựng nên trời đất, muôn vật, muôn loài, trong đó có loài người và cũng có cả Đức Phật luôn. Anh theo Chúa thì được cả Chúa và cũng có luôn Đức Phật. Nhưng anh phải hiểu là Chúa thì chúng ta tôn thờ Ngài, bởi vì nhờ Ngài, thì mọi sự mới hiện hữu trên trần gian này. Còn Đức Phật thì chúng ta tôn kính ngài như các bậc hiền nhân, như các thánh bên Công Giáo! Được chứ?*”. Đến đây, tôi nhận thấy anh Bình tỏ vẻ hài lòng và thuận theo cách giải thích của tôi và có thiện cảm với đạo Công Giáo. Tôi nói thêm: “*Nếu anh theo đạo Chúa, mà anh quay lưng với Đức Phật thì không thể được*”.*

Đến đây, tôi nhớ lại trong buổi học về môn đối thoại liên tôn, cha giáo nói: “*Anh em khi đến chùa, mình vẫn có thể thắp hương vái Đức Phật để tỏ lòng tôn kính ngài, vì điều này không ảnh hưởng gì đến niềm tin của ta, nhưng lại còn thể hiện nét đẹp rất nhân văn. Tuy nhiên, nếu vì hành vi thắp hương của ta cho Đức Phật mà gây hiểu lầm nơi những người chung quanh và ta ngầm hiểu là họ nghĩ đây là hành vi tôn thờ Đức Phật thì không nên, vì chúng ta được phép tôn kính ngài chứ thờ là thờ một Thiên Chúa mà thôi*”.

Rồi trong đầu tôi cũng hiện lên câu chuyện của cha Piô Ngô Phúc Hậu, một nhà truyền giáo nổi tiếng và rất thành công tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Khi ấy, ngài cũng gặp phải trường hợp gần giống như vậy, đó là một bà cụ xin theo đạo Công Giáo, bà theo đạo Chúa vì thấy ông cha nói về Chúa hay quá, nhưng khi Rửa Tội xong, bà cứ buồn và thấy thương Đức Phật! Lúc đó bà hỏi cha Piô: “*Cha ơi, tôi theo đạo Phật từ nhỏ. Tôi thương Đức Phật quá. Bây giờ tôi theo*

Chúa, cha cho tôi giữ bàn thờ Đức Phật nha!” Cha Hậu đang trầm ngâm, thấy vậy, bà tiếp lời: “Đức Phật tốt lắm ông cha ạ. Tôi thương ngài lắm”. Sau đó cha Hậu đánh liều bảo bà: “Bà cứ thương Đức Phật đi. Tôi cũng thương ngài nữa, nhưng mà Chúa thì ở trong lòng kiếng, chỗ quan trọng, còn Đức Phật là hiền nhân thì ở ở kế bên Chúa, thấp hơn Chúa, bà chịu không?”. Bà vui mừng và sẵn sàng đón nhận đề nghị của Cha Hậu. Hôm sau, cha Hậu lên trình Đức Cha về sự việc này, Đức Cha nói: “Được lắm! Cha có sáng kiến hay”^[2]. Cứ thế, dần dần người dân Miền Tây theo đạo Công Giáo khá đông, và ngày nay, họ sống hài hòa giữa các tôn giáo với nhau trong lối hiểu, trong cách nói, và trong việc tham gia những công ích chung^[3].

Thực vậy, Đức Kitô đã chết cho mọi người. Vì thế, “...ta phải tin chắc rằng Chúa Thánh Thần hằng ban cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm Vượt Qua theo một cách thức mà chỉ duy một mình Thiên Chúa biết” (Gs 22e). Thần Khí sẽ đưa tất cả về với Đức Kitô, vì thế, mọi người đều có khả năng hướng về Đức Kitô^[4]. Quả thật, các đạo dẫn đến Đường là Đức Kitô, qua “luật ghi khắc trong lương tâm” (x. Rm 2, 15) cần phải được mọi người tôn trọng.

Mong thay ngày nay, với người Công Giáo, chúng ta cần có cái nhìn đối thoại hơn với Đạo Phật cũng như với các tôn giáo khác, cần hiểu đạo Phật và giáo lý của ngài, ta sẽ dễ dàng có một cái bắt tay thân thiện để cùng nhau thăng tiến đời sống tâm linh cho con người.

Tinh thần này cũng được Hội Đồng Giám Mục Việt Nam định hướng qua thư chung 2003, trong đó có đoạn viết: “Thăm viếng thân hữu các thành viên tôn giáo bạn. Việc thăm viếng các thành viên tôn giáo bạn và nhất là thăm viếng các gia đình cũng như cá nhân ngoài công giáo là trình bày Phúc Âm một cách cụ thể. Thăm viếng để chúc mừng khi vui, an ủi khi buồn, nâng đỡ khi gặp hoạn nạn là những trang Phúc Âm sống động giúp anh chị em ngoài công giáo nhận rõ chân dung Chúa Giêsu Cứu Thế và hiểu biết đạo Chúa một cách chính xác hơn. Trao đổi với người ngoài công giáo về một đề tài chung. Từ đó, chúng ta nhận ra trong thời đại ngày nay, việc đối thoại có ý nghĩa rất quan trọng, sẽ dẫn đến thông cảm, hiểu biết và tôn trọng nhau hơn”^[5].

Có được cái nhìn như thế, thì còn đâu trong tâm tưởng một thái độ kỳ thị, coi thường và quay lưng lại với nhau nữa.

Thật mong thay!

Sài gòn, kỷ niệm lễ các thánh tử đạo Việt Nam, 17-11-2013

Nguyễn Ngọc Phú Đa

^[1] “PHÉP CHUẨN” là phép của giáo quyền chuẩn chước để được thành hôn với nhau, giữa một người đã chịu phép Rửa Tội và một người chưa được Rửa Tội. Tháo cởi luật trong một trường hợp riêng biệt.

^[2] Xc. Lm. Piô Ngô Phúc hậu, Nhật Ký Truyền Giáo, “Đức Phật Mến Yêu” truy cập ngày 14 tháng 11 năm 2013, trên: <http://nguoisamarinhanhau.com/diendan/cac-bai-viet-cong-giao/nhat-ky-truyen-giao-duc-phat-men-yeu/>

^[3] Xc. ĐGM Stêphanô Tri Bửu Thiên khai mạc Hội ngộ Liên tôn 2013, truy cập ngày 14 tháng 11 năm 2013, trên: <http://tgpsaigon.net/video/20131105/23754>

^[4] Một số nhà thần học nói về một yếu tố hiện sinh siêu nhiên (supematural existential), là một “yếu tố thuộc về Đức Kitô” (christic existential).

^[5] Thư chung HHGM VN 2003, số 11

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : CHÂN LÝ

236. Yêu đến thế

...hay sự phân biệt...

Một người đàn ông đang làm luận án tiến sĩ triết. Vợ anh nhận ra rằng, anh thật cần cù nghiên cứu ngay vào ngày mà cô nói với anh: “Tại sao anh yêu em đến thế?”.

Thật nhanh, anh ta đáp, “Khi em nói ‘đến thế’, phải chăng em đề cập đến cường độ, chiều sâu, năng diễn, tính chất hay trường độ?”.

Xé lẻ từng cánh hoa, sẽ không ai hiểu được vẻ đẹp của đóa hồng.

﷽

237. Năm mươi năm mươi

... cũng không được tìm thấy chung chung trong thống kê...

Nasruddin bị bắt, bị dẫn tới tòa án với cáo buộc trộn thịt ngựa vào món chả gà mà ông phục vụ tại nhà hàng của mình.

Trước khi tuyên án, thẩm phán muốn biết tỷ lệ hai thứ thịt ông trộn. Nasruddin thề, “Thưa ngài, năm mươi - năm mươi”.

Sau phiên tòa, một người bạn hỏi chính xác “năm mươi - năm mươi” nghĩa là gì. Nasruddin trả lời, “Một con ngựa, một con gà”.

﷽

238. 2% kết hôn với 100%

Một nhóm thợ đốn gỗ gồm một trăm người đàn ông làm việc trong rừng sáu tháng với hai phụ nữ nấu ăn giặt giũ cho họ. Sau thời gian đó, hai người đàn ông kết hôn với hai người phụ nữ.

Điều mà tờ báo địa phương mô tả là hai phần trăm đàn ông kết hôn với một trăm phần trăm phụ nữ.

﷽

239. Vợ và chuột

...trong lý luận...

Một người đàn ông vạm vỡ đang chuẩn bị rời quán rượu lúc mười giờ.

“Sao sớm thế?”, bồi bàn hỏi.

“Vì vợ”.

“Thế anh cũng sợ vợ à! Anh là đàn ông hay chuột thế?”.

“Tôi chắc chắn một điều - tôi không là chuột. Vì vợ tôi sợ chuột”.

﷽

240. Vĩ đại nhất

Ngày kia, một giáo sư triết học ở Paris tuyên bố mình là người đàn ông vĩ đại nhất thế giới và tiếp đó chứng minh cho các sinh viên theo cách thức sau:

“Nước nào vĩ đại nhất trên thế giới?”.

“Dĩ nhiên, đó là nước Pháp”, tất cả tuyên bố.

“Thành phố nào lớn nhất nước Pháp?”.

“Dĩ nhiên là Paris”.

“Và không phải nơi vĩ đại nhất và thánh thiêng nhất ở Paris là đại học sao? Và ai có thể nghi ngờ khoa vĩ đại nhất và cao quý nhất ở bất kỳ đại học nào là khoa triết học? Các bạn hãy nói cho tôi nghe ai đứng đầu phân khoa triết?”

“Thầy”, họ đồng thanh đáp.

241. Chân kia cũng chùng đó tuổi

BÁC SĨ: “Chân ông đau là do tuổi già”.

BỆNH NHÂN: “Đừng cho tôi là thằng ngốc! Cái chân kia cũng chùng đó tuổi”.

ک

VỀ MỤC LỤC

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC – Bài 2 – Tinh Tâm Đại Chủng Viện Huế 28/10/213

Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.

(Sáng 29/10/2013)

Thưa anh em,

Tất cả mọi sự đều có tiến trình của nó, và phải tiệm tiến đi như thế trong trật tự, đi sai nhịp là sẽ bị đảo lộn, rối tung lên và có nguy cơ thất bại. Ơn gọi cũng thế, không thể đòi hỏi anh em năm Tu Đức phải giống được như anh em sắp ra trường, cũng như không thể chấp nhận anh em Thần Tư mà cũng dẫm chân tại chỗ như khi mới vào Chủng viện. Vì thế, việc nói về tiến trình sống ơn gọi này hữu ích không phải chỉ riêng cho các anh em mới bắt đầu, mà cả những anh em lớp lớn, và thậm chí cả những người đã chịu chức linh mục vẫn còn cần thiết để sống tốt và thành công trong đời sống và sứ vụ ơn gọi của mình cho đến cùng.

Tôi xin giới thiệu khái quát cả tiến trình Năm Bước để anh em dễ nắm bắt, rồi sau đó chúng ta sẽ trở lại từng bước chi tiết hơn:

Bước thứ nhất: CHÚA GỌI. Chúa gọi trực tiếp từ trong sâu thẳm cõi lòng hay gián tiếp qua người nọ kẻ kia, hoặc Chúa phối hợp cả hai cách để nói lên kế hoạch yêu thương quan phòng của Chúa cho mỗi người. Ứng sinh trong giai đoạn quan trọng này cần có người đồng hành cùng tìm kiếm và phân định ý Chúa, như Thầy Cả Hêli đã dặn cậu bé Samuel: “*Nếu con còn nghe Người gọi, con hãy nói ‘Lạy Chúa, xin hãy phán, vì tôi tớ Chúa đang lắng tai nghe’*” (1 Sm 3,9).

Bước thứ hai: TA ĐÁP LẠI. Ứng sinh quảng đại đáp lại lời mời gọi của Chúa, với cả hai yếu tố Thích và Hợp: **THÍCH** là yếu tố chủ quan và tình cảm có thể theo phong trào, nhất thời và hay thay đổi, **HỢP** là yếu tố khách quan kiên định đòi hỏi khả năng và phẩm chất để được bền lâu cho đến cùng. Tự mình đánh giá mình, ứng sinh có thể bị ảo tưởng và sai lầm, nên cần có người đào tạo kinh nghiệm hướng dẫn để khỏi chọn lựa sai kế hoạch của Chúa. Thích làm linh mục mà không hợp là không được; được mọi người đánh giá là hợp mà đương sự không thích thì cũng chịu thua.

Bước thứ ba: CAM KẾT THEO CHÍNH CHÚA KITÔ TOÀN THỂ. Ứng sinh cam kết đi theo chính Chúa Kitô, và là Chúa Kitô toàn thể, nghĩa là Chúa Kitô vinh hiển của núi Taborê cũng như Chúa Kitô khổ nạn của đồi Golgotha, chứ không phải theo ai hay gì khác, dù gặp vui hay buồn, sướng hay khổ. Nếu gặp được Bè Trên và anh em thông cảm nâng đỡ thì con đường vác thập giá đi theo Chúa được nhẹ nhàng hơn, còn nếu gặp phải người thiếu thông cảm hay không thấu hiểu, thậm chí hiểu lầm, thì con đường thập giá theo Chúa có nặng nề hơn, nhưng vẫn quyết tâm đi tới, không hề bỏ cuộc, bởi vì nếu cố tìm Chúa Giêsu mà không có thánh giá thì sẽ có nguy cơ gặp phải thánh giá mà không có Chúa Giêsu.

Bước thứ tư: DẦN DẦN BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CUỘC SỐNG ĐÚNG VỚI LÝ TƯỞNG. Ứng sinh phải dần dần biến đổi và điều chỉnh cuộc sống mình cho phù hợp với đời sống tu trì nói chung, và nhất là phù hợp với đặc sủng và linh đạo riêng biệt mình muốn dẫn thân vào. Ở đây là linh đạo linh mục giáo phận mà tôi đã cố gắng trình bày trong cuốn sách *Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước* mà Chứng viện đã biểu tặng mỗi anh em. Ứng sinh cần ý thức rõ nhiều động lực đang có mặt nơi mình, đồng thời cũng thấy được sự xung khắc giữa các động lực ấy và giải quyết chúng. Động lực nào phù hợp với đời tu sẽ được vun trồng thăng tiến. Động lực nào không phù hợp với đời tu thì phải loại bỏ hay biến đổi. Đây cũng là một bước rất quan trọng cần phải xét đến *ý ngay lành* và *các động lực thúc đẩy ý hướng*.

Bước thứ năm: KIÊN TRÌ TRUNG THÀNH CHU TOÀN BỔN PHẬN ĐẮNG BẠC. Ứng sinh kiên trì chu toàn bổn phận tự nhiên cũng như thiêng liêng của mình, không những trong thời gian đào tạo khởi đầu ở Chứng viện, mà cả trong suốt cuộc đời thi hành sứ vụ sau này sẽ được giao phó, cho dù hoàn cảnh cuộc sống có thể nào đi nữa. Những người không kiên trì trong bổn phận thường dễ vấp ngã và bỏ cuộc.

Sống tiến trình ơn gọi năm bước này là một công trình hợp tác của mọi thành phần Giáo Hội với ơn Chúa. Nhưng việc đầu tiên phải làm là cầu nguyện, vì việc theo đuổi ơn gọi là điều Chúa muốn chứ không phải con người muốn mà thành. Chính Chúa Giêsu đã cầu nguyện suốt đêm cùng Chúa Cha trước khi chọn 12 tông đồ từ giữa các môn đệ: *“Trong những ngày ấy, Đức Giê-su đi ra núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Đến sáng, Người kêu các môn đệ lại, chọn lấy mười hai ông và gọi là Tông Đồ”*^[11]. Và cũng chính Chúa Giêsu dạy phải cầu nguyện cho có thêm thợ gặt, như thánh Luca viết: *“Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về”*^[12]; còn thánh Matthêu thì nói chi tiết hơn: *“Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ lầm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt. Bấy giờ, Người nói với môn đệ rằng: Lúa chín đầy đồng, mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về”*^[13]. Giáo Hội cầu nguyện, Giáo phận cầu nguyện, giáo xứ cầu nguyện, gia đình cầu nguyện, những người thân quen cầu nguyện, nhất là chính ứng sinh cầu nguyện để mình được Chúa thương chọn gọi: *“Dạ, con đây, xin sai con đi”*^[14].

Việc thứ hai là phải vun trồng và bảo vệ ơn gọi: phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ơn gọi được triển nở, phải cất đi hay tránh xa những môi trường, những mối quan hệ gây hại cho ơn gọi, nhất là các tương quan với người khác phái trong thế giới tục hóa và hưởng thụ hôm nay.

Giờ chúng ta đi vào chi tiết

1. BƯỚC THỨ NHẤT: CHÚA GỌI

Chúa gọi trực tiếp từ trong sâu thẳm cõi lòng hay gián tiếp qua người nọ kẻ kia, hoặc Chúa phối hợp cả hai cách để nói lên kế hoạch yêu thương quan phòng của Chúa cho mỗi người, với từng bối cảnh cụ thể của cuộc sống mỗi người. Ứng sinh trong giai đoạn quan trọng này cần có người đồng hành cùng tìm kiếm và phân định ý Chúa.

Chúng ta thử ngắm nhìn một số ơn gọi điển hình trong Thánh Kinh. Trước hết là câu chuyện **Ơn gọi của cậu bé Samuel**. Chắc anh em đã nhiều lần đọc đoạn sách này: *“Cậu bé Sa-mu-en phụng sự Đức Chúa, có ông Ê-li trông nom. Thời ấy, lời Đức Chúa thì hiếm và thị kiến cũng không hay xảy ra. Một ngày kia, ông Ê-li đang ngủ ở chỗ ông, mắt ông đã bắt đầu mờ, ông không còn thấy nữa. Đền của Thiên Chúa chưa tắt và Sa-mu-en đang ngủ trong đền thờ Đức Chúa, nơi có đặt Hòm Bia Thiên Chúa. Đức Chúa gọi Sa-mu-en. Cậu thưa: “Dạ, con đây!” Rồi chạy lại với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Ông bảo: “Thầy không gọi con đâu. Con về ngủ đi.” Cậu bèn đi ngủ. Đức Chúa lại gọi Sa-mu-en lần nữa. Sa-mu-en dậy, đến với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Ông bảo: “Thầy không gọi con đâu, con ạ. Con về ngủ đi.” Bấy giờ Sa-mu-en chưa biết Đức Chúa, và lời Đức Chúa chưa được mặc khải*

cho cậu. Đức Chúa lại gọi Sa-mu-en lần thứ ba. Cậu dậy, đến với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Bấy giờ ông Ê-li hiểu là Đức Chúa gọi cậu bé. Ông nói với Sa-mu-en: “Con về ngủ đi, và hễ có ai gọi con thì con thưa: ‘Lạy Chúa, xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe.’” Sa-mu-en về ngủ ở chỗ của mình. Đức Chúa đến, đứng đó và gọi như những lần trước: “Sa-mu-en! Sa-mu-en!” Sa-mu-en thưa: “Xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe”^[5]. Ai đã giúp anh em nhận ra lời mời gọi của Chúa?

Câu chuyện thứ hai là **Tiến trình Ơn gọi của Đức Mẹ**^[6]: Thiên Chúa đi bước trước sai sứ thần vào nhà trinh nữ và nói: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.” Thoạt đầu Đức Mẹ băn khoăn: Nghe lời ấy, bà rất bối rối, và tự hỏi lời chào như vậy có ý nghĩa gì. Sứ thần liền giải thích: “Maria, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận.” Đức Mẹ phản bác lại vì trái với quyết ý và kế hoạch của Mẹ cho cuộc đời mình, cũng như Mẹ nghĩ theo cách tự nhiên của con người: “Việc ấy làm sao xảy ra được, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!” Sứ thần lại giải thích: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa.” Sứ thần còn nêu bằng chứng thuyết phục: “Kìa bà Êlisabét, người họ hàng với bà, tuy già rồi, mà cũng đang cưu mang một người con trai: bà ấy vẫn bị mang tiếng là hiếm hoi, mà nay đã có thai được sáu tháng. Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.” Bấy giờ Đức Mẹ từ bỏ ý muốn và kế hoạch riêng của Mẹ để chấp nhận ý muốn và kế hoạch của Chúa: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.” Chúng ta thấy Thiên Chúa không hành động nghịch lại tự do của con người, mà Ngài cần đến sự ưng thuận tự do của tạo vật của Ngài: Cả trời và đất, cả thiên đàng và trần thế, cả chính Thiên Chúa đều chờ đợi lời đáp trả của Mẹ Maria. Mẹ trở nên mẫu gương cho chúng ta trước lời mời gọi của Chúa. Mẹ có ý muốn và kế hoạch cho cuộc đời của Mẹ. Nhưng một khi thiên sứ giải thích và thuyết phục, Mẹ nhận ra ý muốn và kế hoạch của Chúa trên cuộc đời Mẹ thì Mẹ liền mau mắn lụy phục ý muốn và kế hoạch của Mẹ cho ý muốn và kế hoạch của Chúa. Ai trong chúng ta cũng có ý muốn và kế hoạch riêng cho đời mình, liệu ý muốn và kế hoạch đó có phù hợp với ý muốn và kế hoạch của Chúa cho mình không; và nếu không thì chúng ta có dám lụy phục ý muốn và kế hoạch của mình cho ý muốn và kế hoạch của Chúa không, vì chúng ta chỉ thực sự triển nở và hạnh phúc trong ý muốn và kế hoạch của Chúa cho mình?

Câu chuyện thứ ba là Ơn gọi của bốn Tông đồ đầu tiên: “Một hôm, Đức Giê-su đang đứng ở bờ hồ Ghen-nê-xa-rét, dân chúng chen lấn nhau đến gần Người để nghe lời Thiên Chúa. Người thấy hai chiếc thuyền đậu dọc bờ hồ, còn những người đánh cá thì đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới. Đức Giê-su xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Si-môn, và Người xin ông chèo thuyền ra xa bờ một chút. Rồi Người ngồi xuống, và từ trên thuyền Người giảng dạy đám đông. Giảng xong, Người bảo ông Si-môn: “Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá.” Ông Si-môn đáp: “Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng vâng lời Thầy, tôi sẽ thả lưới.” Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. Họ làm hiệu cho các bạn chài trên chiếc thuyền kia đến giúp. Những người này tới, và họ đã đổ lên được hai thuyền đầy cá, đến gần chìm. Thấy vậy, ông Si-môn sấp mặt dưới chân Đức Giê-su và nói: “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi!” Quả vậy, thấy mẻ cá vừa bắt được, ông Si-môn và tất cả những người có mặt ở đó với ông đều kinh ngạc. Cả hai người con ông Dé-bê-đê, là Gia-cô-bê và Gio-an, bạn chài với ông Si-môn, cũng kinh ngạc như vậy. Bấy giờ Đức Giê-su bảo ông Si-môn: “Đừng sợ, từ nay anh sẽ là người thu phục người ta.” Thế là họ đưa thuyền vào bờ, rồi bỏ hết mọi sự mà theo Người”^[7].

Là những người đánh cá chuyên nghiệp mà suốt cả đêm các ông không bắt được con cá nào, dù là thời gian thuận tiện cho việc đánh bắt, vì ban đêm các phiêu sinh vật nổi lên mặt nước và cá theo đó mà tìm thức ăn. Ấy thế mà khi có Chúa Giê-su ở cùng trên thuyền và vâng lời Ngài, dù Ngài không từng trải nghề cá, các ông được một mẻ cá lạ lùng. Và chính mẻ cá lạ

lòng này đã thúc đẩy các tông đồ mau mắn theo Chúa. ĐTC Phanxicô khuyến khích giới trẻ: *“Hãy tin tưởng vào Chúa Giêsu. Chúa luôn luôn ở với chúng ta. Người ở bên bờ của cuộc đời, Người đến gần những thất bại của chúng ta, những yếu đuối của chúng ta, những tội lỗi của chúng ta, để biến đổi chúng”*^[8].

Lời mời gọi của Chúa thật đa dạng và phong phú, đến như bất ngờ và dường như không thể. Chúng ta có thể kể đến lời mời gọi Matthêu bên bàn thu thuế^[9], Mai-đệ-liên gái điếm^[10] hay Phaolô bắt đạo^[11] và bao nhiêu kỳ tích ơn gọi của các thánh, cùng những người mà chúng ta có thể biết được... Nhìn vào câu chuyện đời với những biến cố nổi bật của chính mỗi người chúng ta, thành công hoặc thất bại, thánh thiện hoặc tội lỗi, các nhà đào tạo, nhất là vị linh hướng, có thể giúp chúng ta đọc được dấu chỉ lời mời gọi của Chúa, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp bởi ai đó gợi ý thúc đẩy. Có thể là cha mẹ, cha xứ, thầy xứ, bạn bè... giống như Gioan Tẩy Giả giới thiệu Chúa Giêsu cho hai môn đệ mình, hoặc như Anrê dẫn em mình là Simon, Philipphê dẫn Nathanael đến với Chúa Giêsu... Hôm nay, Chúa vẫn luôn tiếp tục gọi và đổi mới lời mời gọi của Ngài qua từng biến cố cuộc đời của chúng ta.

Những ngày tĩnh tâm năm này là cơ hội thuận tiện để mỗi người chúng ta đọc lại lịch sử ơn gọi của mình, và nghiêm túc bắt đầu việc lượng sức mình để quyết định dứt khoát ơn gọi của mình, càng sớm càng tốt, ích lợi vừa cho bản thân vừa cho Giáo Hội. Dù đã ở trong Chứng viện một thời gian, lâu mau tùy người, chúng ta cũng vẫn đang tìm hiểu ơn gọi mỗi ngày cho chín chắn hơn, bằng việc kiểm tra chính mình và các ân ban của mình xem có phù hợp với đời sống và sứ vụ linh mục giáo phận không. Chúng ta phải phân định và đánh giá các ân huệ ấy xem có ăn khớp với kế hoạch chung và nhu cầu của Giáo Hội hay không. Dĩ nhiên phải có hòa điệu trong việc sống các ân ban đa dạng ấy mới sống ơn gọi một cách vui tươi hạnh phúc được.

Bên cạnh đó, những người có trách nhiệm đào tạo cũng tìm hiểu và đánh giá để đón nhận và thăng tiến chúng ta, như Chúa Giêsu đã thẩm định ông Nathanael là *“người đích thực, lòng dạ không có gì gian dối”* và đã tiếp nhận ông vào hàng ngũ tông đồ của Chúa^[12]. Các ngài cũng xem tính tình, khả năng, lòng đạo đức, ý hướng và động lực của chúng ta có phù hợp với ơn gọi linh mục không. Trong thư gửi người công giáo Á Nhĩ Lan về những tổn thương đau đớn do nạn lạm dụng tình dục của hàng giáo sĩ, ĐTC Biển Đức XVI qui kết là *“do các thủ tục thiếu sót trong việc ấn định ra tư cách xứng đáng của các ứng viên chức linh mục và cuộc sống tu trì; thiếu sót trong việc đào tạo nhân bản, luân lý, tri thức và thiêng liêng trong các chủng viện và tập viện.”*^[13] Tuy nhiên, cơ hội vẫn chưa đóng lại và họ được mời gọi khẩn trương hơn trong việc học hỏi, trao đổi và linh hướng để quyết định thật sự lật sang trang đời mới trước khi quá muộn, vì tội thì tha lỗi thì sửa, mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai. Người chưa phạm lỗi gì chưa chắc đã “bảo đảm” hơn người có lỗi mà đã sửa được và dứt khoát không tái phạm: tiên cũng có khi đọa, thánh cũng có khi làm, huống chi là con người mỏng dòn hèn yếu như chúng ta!

Việc phân định ơn gọi này không thể thiếu, dù bước đầu có thể rất may mắn như cậu bé Ba Tây dịp ĐTC Phanxicô đến chủ sự Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới lần thứ 28, sau khi vượt qua rào cản nhảy lên xe ĐGH, thì thắm với ngài: *“Tâu Đức Thánh Cha, con muốn trở thành một linh mục của Chúa Kitô”*. Đức Thánh Cha Phanxicô trả lời: *“Cha sẽ cầu nguyện cho con, nhưng cha xin con cũng cầu nguyện cho cha”*, Ngài cảm động rơi nước mắt và ôm cậu: *“Từ hôm nay, ơn gọi của con được thiết lập”*^[14]. “Được thiết lập” hôm nay không có nghĩa là được bảo đảm mãi về sau, nhưng phải gìn giữ và phát triển tích cực hơn lên mỗi ngày mới được.

Trong những giờ suy niệm cá nhân trước Thánh Thể, chúng ta hãy tạ ơn Chúa vì đã kêu gọi chúng ta, đồng thời xin cho chúng ta được kiên trì cộng tác với ơn Chúa, dù chúng ta không tốt hơn và nhiều khả năng hơn nhiều anh em đồng tuổi khác, để tỏ rõ tình thương vô điều kiện và quyền tự do chọn gọi của Chúa, như Ngài đã nói: *“Không phải các con chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con”*. ĐTC Biển Đức XVI khích lệ hơn 6.000 chủng sinh, những người ao ước trở nên linh mục của Chúa Kitô để phục vụ Giáo Hội và con người, đến từ khắp nơi trên

thế giới trong thánh lễ ngày 20/8/2011: “Các con đã nghe theo tiếng gọi của Chúa Kitô, và được cái nhìn đầy yêu thương của Ngài lôi cuốn. Các con hãy hướng mắt lên Ngài: qua việc Nhập thể, Ngài mang lại cho thế giới mạc khải sau cùng về Thiên Chúa, và nhờ sự Phục sinh, Ngài đã trung thành thực thi lời hứa. Hãy tạ ơn Chúa vì dấu chỉ yêu mến đánh dấu mỗi người trong các con”^[15]. Còn ĐTC Phanxicô trong cuộc gặp các chủng sinh và tập sinh hôm 6/7/2013 nhắc nhở: “Trở thành linh mục, tu sĩ hay nữ tu, không phải là một lựa chọn chúng ta thực hiện hoàn toàn bằng bản thân mình. Tôi không tin tưởng một chủng sinh, hay một tập sinh nói với tôi ‘Con đã chọn con đường này’. Tôi không thích nói như vậy! Điều đó không đúng. Câu trả lời của chúng ta được kích hoạt bởi một lời mời gọi tình yêu. Đó là một cái gì bạn cảm thấy bên trong. Cái gì đó làm chúng ta không yên. Và bạn đáp trả lại ‘Vâng.’ Xin Mẹ Maria luôn đồng hành nâng đỡ chúng ta. Và xin mời anh em lắng nghe cùng hội nhập vào bài hát “Tình Chúa Chọn Con” để kết thúc.

[1] Lc 6, 12-13. [2] Lc 10, 2. [3] Mt 9,36-38. [4] Is 6, 8. [5] 1 Sm 3, 1-10. [6] Lc 1, 26-38. [7] Lc 5,1-11.

[8] Trích bài giảng trong chuyến Viếng Thăm Mục Vụ Cagliari Chủ Nhật 22/9/2013.

[9] Mt 9,9. [10] Ga 8, 2-11. [11] Cv 9, 1-18. [12] Ga 1,35-50.

[13] Thư ĐTC Biển Đức XVI gửi Người Công giáo Ái Nhĩ Lan, Vatican ngày 20/3/2010.

[14] Đó là cậu Nathan de Brito ở Rio de Janeiro trong bộ áo của đội bóng quốc gia Brazil, được Phóng viên CNA thuật lại.

[15] Xem bài dịch của Cha Tiến in trong website Xuân Bích
<http://xuanbichvietnam.wordpress.com/2011/08/20/duc-thanh-cha-voi-chung-sinh/>

VỀ MỤC LỤC

MẬT ONG

Trước khi nói về giá trị dinh dưỡng và công dụng trị bệnh của Mật Ong, xin cập nhật một vài tin tức đáng để ý.

Trước hết là vào ngày 6 tháng 9, 2013 vừa qua, Cơ Quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ FDA đã công bố kết quả nghiên cứu trên 1300 mẫu gạo rice và tái xác định rằng lượng thạch tín arsenic trong gạo chưa tới mức độ có thể gây rủi ro tức thì cho sức khỏe người tiêu thụ gạo. Cơ quan sẽ tiếp tục nghiên cứu và xin bà con cứ tiếp tục ăn cơm. Vì “cơm cà” là “gia bản” của người Việt mình.

Thứ đến là trang web y học www.bsnguyenyduc.com của chúng tôi đã phục hoạt sau khi bị hacker viếng thăm. Và chúng tôi cũng mới đưa thêm lên youtube mấy video sức khỏe về bệnh Ung thư vú, bệnh Trĩ. Xin mời bà con khi nào rảnh rỗi vô coi.

Bây giờ xin nói về Honey.

Nhiều người cho rằng mật ong là một trong nhiều chất dinh dưỡng quý giá nhất mà thiên nhiên đã nhờ những con ong cần cù sản xuất, ban tặng cho con người. Để tỏ lòng trân trọng,

họ còn gọi mật ong bằng những cái tên văn vẻ như “*bách hoa tinh*”, “*bách hoa cao*”, “*phong đường*”, “*phong mật*”...

Mật ong đã là món ăn ưa thích của con người từ thuở xa xưa. Hơn bốn ngàn năm về trước, dân Ai Cập và Ấn Độ đã nuôi ong để lấy mật, nhưng phải đợi tới cả ngàn năm sau, người nuôi ong mới biết được là để có mật, ong phải hút chất ngọt từ nhụy hoa.

Mật ong là thực phẩm ngọt chính của con người cho tới thế kỷ thứ 15, khi đường trắng được tinh chế. Tuy vậy, ngày nay mật vẫn còn rất phổ thông vì nó làm tăng hương vị thực phẩm, làm dịu ngọt món ăn, nước uống và cũng để trị bệnh nữa.

Ong làm mật.

Mật ong được làm từ nước ngọt nhụy hoa với 20% nước và 80% đường glucose, fructose.

Ở Bắc Mỹ, đa số mật hoa là từ cỏ ba lá (clover), berry bushes, cây dại hoa vàng (dandelion).

Ong dùng lưỡi dài như một cái ống để hút mật hoa vào bao tử riêng biệt. Ong có hai bao tử: một để chứa và tiêu hóa thực phẩm và một bao tử chỉ để chứa mật hoa. Trong bao tử này, mật hoa được các điều tố chế biến thành mật ong.

Vào mỗi sáng sớm, một vài chú ong “trình sát” bay lượn trong phạm vi vài cây số để kiếm hoa. Chúng sẽ hút thử một số mật nhụy mang về cho các ong khác giám định phẩm chất. Khi đã quyết định mật hoa nào tốt thì cả bầy ong sẽ kéo nhau tới hút mật hoa. Việc hút nhụy không làm hại tới hoa, mà trong khi hút lấy nhụy thì ong cũng giúp hoa thụ phấn.

Để có được một bao tử đầy mật (khoảng 70mg), ong phải hút nhụy từ vài trăm đến cả vài ngàn bông hoa. Cho nên, muốn có nửa lít mật cần tới nước ngọt của cả triệu bông hoa.

Khi về đến tổ, một nhóm ong thợ khác hút lại mật hoa này, biến chế, rồi rải rộng trong những ngăn của tổ, dùng cánh để quạt cho bay hơi nước. Sau đó mật ong được tồn trữ trong khuôn gắn kín bằng sáp, để làm lương thực suốt năm. Một năm bầy ong ăn hết từ 50 tới 100 kg mật.

Các loại mật ong.

Mật ong là một chất lỏng, hơi sền sệt, từ không màu tới màu hổ phách vàng nâu hoặc nâu sậm như mật mía, tùy theo loại mật hoa. Phẩm chất của mật cũng thay đổi tùy theo địa phương, loại hoa mà ong hút phấn và nhụy.

Mật ong thường được thu hoạch vào mùa Xuân và mùa Hạ, buổi sáng hoặc trưa khi ong bay đi ăn xa.

Từ tổ ong, mật được lấy ra bằng máy ly tâm, diệt trùng bằng hơi nóng và hơi lạnh, lọc vẫn cặn rồi vô chai. Để tăng thêm số lượng, người làm mật có thể pha thêm đường trắng hoặc nước ngọt của bắp vào mật trước khi tung ra thị trường.

Mật ong có thể được cất giữ ở nơi khô ráo trong nhà mà không cần để trong tủ lạnh. Để lâu, mật có thể đổi sang màu đậm nhưng vẫn không hư vì trong mật có một loại kháng sinh thiên nhiên có thể tiêu diệt các ký sinh làm hư mật. Nhưng sau khi pha loãng với nước thì mật sẽ mau lên men và mau hư như trái cây hoặc rau đậu.

Khi giữ nơi nhiệt độ lạnh, mật có thể kết tinh. Chỉ cần để trong lò vi ba hay trong nồi nước ấm độ vài phút là mật ong lỏng trở lại.

Sữa Ong Chúa (Royal Jelly).

Đây là một chất lỏng đặc sánh, màu trắng như sữa, do những hạch đặc biệt ở cuống họng ong thợ tiết ra.

Vì thấy rằng ong Chúa nuôi bằng mật này sống lâu hơn và cơ thể to hơn cho nên Royal Jelly đã được nhiều người ưa chuộng và giá tiền rất đắt. Nhiều người tin rằng sữa ong chúa có thể “cải lão hoàn đồng”, làm hết các vết da nhăn trên mặt, nuôi dưỡng da, thuốc bổ tăng cường sức khỏe, giúp đời sống tình dục tốt. Các nhà sản xuất còn quảng cáo là sữa ong chúa chữa được các bệnh đau gan, phong thấp khớp, thiếu máu, loét bao tử...

Phân tích cho thấy sữa ong chúa cũng chỉ có thành phần hóa chất như mật ong thường mà thôi.

Giá trị dinh dưỡng

Ngoại trừ trái cây và rau đậu, mật ong là nguồn thiên nhiên quan trọng cung cấp cho con người những chất ngọt dễ tiêu.

Trong mật ong, đường chiếm tỷ lệ 80%; còn lại 20% là nước và các chất khác. Hai thứ đường chính là glucose và fructose. Ngoài đường ngọt, mật ong còn chứa khoáng chất, sinh tố B, C, các chất amino acid, một ít chất đạm, vài loại men và mấy hợp chất thơm.

Mật ong thường được ăn nguyên chất với bánh mì. Cũng có thể pha mật ong với bơ hay margarin rồi phết lên bánh mì. Mật ong có thể ăn với trái cây, khoai...

Khi nấu, một vài chất dinh dưỡng trong mật bị nhiệt tiêu hủy, nên cần giữ nhiệt độ vừa phải và chỉ cho mật ong vào nồi khi món ăn đã gần chín.

Bỏ lò, mật ong thấm với các gia vị khác vào thực phẩm nên ít bị thay đổi.

Mật ong có nhiều mùi vị khác nhau, vì đôi khi ong bay xa cả trăm cây số để hút nhụy hoa của nhiều thảo mộc khắp nơi trên trái đất. Dù mùi vị có khác nhau, mật ong không mau hư, có thể cất giữ ở ngoài tủ lạnh.

Công dụng trị bệnh

Sách tham khảo The Edinburgh New Dispensatory xuất bản năm 1811 có ghi: “ Từ xưa, mật ong đã được dùng như một loại thuốc rất tốt để làm long đờm, làm mềm dịu các mụn nhọt, để rửa các vết lở loét trên da”.

Tại Úc châu và Tân Tây Lan, mật ong được phép bán như một dược phẩm để trị bệnh.

Mật ong đã và đang được dùng để chữa bệnh theo kinh nghiệm dân gian hoặc các nhà nghiên cứu trong những trường hợp sau:

- Mật ong bồi bổ , tăng cường sinh lực, rất tốt cho người bị bệnh đang hồi phục.
- Mật ong làm bớt căng thẳng, làm thư giãn thể xác và tâm hồn.

-Trước khi đi ngủ, uống mật ong khiến giấc ngủ ngon hơn. Theo một nghiên cứu của Viện Công Nghệ Massachusetts (Massachusetts Institute of Technology-MIT), chất ngọt của mật làm não tiết ra nhiều serotonin mà serotonin lại làm dịu hoạt động của não, khiến ta ngủ dễ dàng.

-Mật làm sự tiêu hóa được dễ dàng nhờ chất đường dễ tiêu glucose và fructose

-Mật ong làm giảm ho vì thông đờm, rất tốt cho người bị suyễn, viêm cuống phổi, ho gà.

-Mật có phần hoa nên đã được dùng để làm cơ thể quen dần với phần hoa, tránh dị ứng theo mùa, nhất là vào mùa xuân. Đây cũng là nguyên tắc được áp dụng để làm người dị ứng với phần hoa trở nên quen đi bằng cách tiêm một lượng rất nhỏ phần hoa vào cơ thể.

-Mật ong rất tốt để làm bớt đau cuống họng, làm sạch răng miệng, làm mau lành lở miệng, lở mép nhờ có chất hydrogene peroxide.

-Mật ong làm mau lành các vết thương ngoài da, có tính cách khử trùng và là hàng rào tốt để cản sự xâm nhập của vi trùng vào các vết thương.

-Các nghiên cứu ở Ấn độ cho thấy bệnh nhân bị phỏng mà được bôi bằng mật thì da mau lành hơn là chữa với thuốc trị phỏng silver sulfadiazine.

Tổ chức Y Tế Thế Giới khuyên người đi du lịch mắc bệnh tiêu chảy uống nhiều nước cam có pha mật ong, một chút muối và một chút baking soda để bù lại số nước và khoáng chất mất đi.

E. Haffeejee and A. Moosa phổ biến kết quả nghiên cứu trên British Medical Journal năm 1985 cũng đồng ý rằng mật ong có thể rút ngắn thời gian bị bệnh tiêu chảy ở trẻ em.

-Mật ong rất tốt cho da: Thoa trên da, mật ong làm da mịn, mềm hơn vì mật giữ độ ẩm cho da. Mật làm bệnh trứng cá mau lành; bôi lên tóc, mật làm tóc bóng mượt và mềm.

-Mật ong có một lượng khá cao chất chống oxy hóa tốt tương đương như sinh tố C, nên có thể làm chậm sự lão hóa và giảm nguy cơ ung thư.

Cơ quan Kiểm Soát Bệnh Tật Hoa Kỳ lưu ý là không nên cho trẻ em dưới một tuổi dùng mật ong vì cơ thể các em chưa đủ sức chống lại loại vi khuẩn gây bệnh trứng độc thực phẩm (clostridium botulinum), đôi khi có lẫn trong mật.

Kết luận

Những con ong nhỏ bé nhưng với khả năng tinh xảo do thiên nhiên ban cho đã tốn nhiều công sức để tạo ra món thực phẩm ngon lành, bổ dưỡng và quý giá để cho con người tận hưởng.

Nhưng dù tốt, mật ong cũng không phải là loại thực phẩm có thể thay thế cho tất cả các thực phẩm khác. Hơn nữa, nếu lạm dụng mật ong quá mức thì chắc chắn cũng sẽ có những phản ứng bất lợi cho cơ thể. Vì thế, cho dù sẵn có mật ong để dùng, chúng ta cũng nên hạn chế ở một mức độ vừa phải thì hợp lý hơn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 12 đến 16

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 12: CÁC THÁNH TỬ ĐẠO NGƯỜI VIỆT XẾP THEO DÒNG HỌ

Ở bài chia sẻ 05, chúng tôi đã nêu gợi ý chủ yếu cho việc truyền giáo qua con đường dòng họ. Theo đó, mỗi dòng họ trong giáo xứ có thể tổ chức một ngày truyền thống cho dòng họ mình. Nếu trong dòng họ có những vị thánh, có thể lấy ngày lễ kính của một vị làm ngày truyền thống. Nếu thiếu vị thánh đồng tộc, có thể chọn bất cứ vị thánh nào tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài làm bản mạng.

Trong danh sách các thánh người Việt dưới đây,

- 69 vị thuộc 17 dòng họ: Bùi (2), Đặng (1), Đinh (3), Đỗ (3), Đoàn (3), Hà (2), Hồ (1), Hoàng/Huỳnh (1), Lê (7), Nguyễn (24), Phạm (5), Phan (3), Tạ (1), Tống (1), Trần (4), Trương (2), Vũ/Võ (6);

- 29 vị không rõ dòng họ.

Tên thánh	Họ và	Tên	Thành phần	Lễ kính
Nicôlas	Bùi Đức	<u>Thế</u>	Binh sĩ	12.06
Đaminh	Bùi Văn	<u>Uy</u>	Thầy giảng TOP	19.12
Giuse	Đặng Đình	<u>Viên</u>	Linh Mục	21.08
Đaminh	Đinh	<u>Đạt</u>	Binh sĩ	18.07
Gioan B.	Đinh Văn	<u>Thanh</u>	Thầy giảng	28.04
Tôma	Đinh Viết	<u>Du</u>	Linh Mục OP	26.11
Vinh Sơn	Đỗ	<u>Yên</u>	Linh Mục OP	30.06
Giacôbê	Đỗ Mai	<u>Năm</u>	Linh Mục	12.08
Phanxicô	Đỗ Văn	<u>Chiêu</u>	Thầy giảng	26.06
Phêrô	Đoàn Công	<u>Quý</u>	Linh Mục	31.07
Gioan	Đoàn Trinh	<u>Hoan</u>	Linh Mục	26.05
Phêrô	Đoàn Văn	<u>Vân</u>	Thầy giảng	25.05
Đaminh	Hà Trọng	<u>Mâu</u>	Linh Mục OP	05.11
Phanxicô X.	Hà Trọng	<u>Mâu</u>	Thầy giảng TOP	19.12
Micae	Hồ Đình	<u>Hy</u>	Quan Thái bực	22.05
Giuse	Hoàng Lương	<u>Cảnh</u>	Trùm họ TOP	05.09
Phêrô	Lê	<u>Tùy</u>	Linh Mục	11.10
Phaolô	Lê Bảo	<u>Tĩnh</u>	Linh Mục	06.04
Giuse	Lê Đăng	<u>Thi</u>	Cai đội	24.10

Anê	Lê Thị (Bà Đê)	<u>Thành</u>	Giáo dân	12.07
Matthêô	Lê Văn	<u>Gâm</u>	Thuong gia	11.05
Phaolô	Lê Văn	<u>Lộc</u>	Linh Mục	13.02
Emmanuel	Lê Văn	<u>Phung</u>	Trùm họ	31.07
Antôn	Nguyễn	<u>Đích</u>	Binh sĩ	12.08
Phaolô	Nguyễn	<u>Ngân</u>	Linh Mục	08.11
Phêrô	Nguyễn Bá	<u>Tuân</u>	Linh Mục	15.07
Giuse	Nguyễn Đình	<u>Nghi</u>	Linh Mục	08.11
Giuse	Nguyễn Đình	<u>Uyên</u>	Thầy giảng TOP	04.07
Giuse	Nguyễn Duy	<u>Khang</u>	Thầy giảng TOP	06.12
Antôn	Nguyễn Hữu	<u>Quỳnh</u>	Binh sĩ	10.07
Micae	Nguyễn Huy	<u>Mỹ</u>	Lý trưởng	12.08
Phêrô	Nguyễn Khắc	<u>Tự</u>	Thầy giảng.	10.07
Anrê	Nguyễn Kim	<u>Thông</u>	Trùm họ	15.07
Vinh Sơn	Nguyễn Thế	<u>Điểm</u>	Linh Mục	24.11
Tôma	Nguyễn Văn	<u>Đê</u>	Thợ may	19.12
Đaminh	Nguyễn Văn	<u>Hanh</u>	Linh Mục OP	01.08
Phêrô	Nguyễn Văn	<u>Hiếu</u>	Thầy giảng	28,04
Laurenô	Nguyễn Văn	<u>Hường</u>	Linh Mục	27.04
Giuse	Nguyễn Văn	<u>Lưu</u>	Trùm họ	02.05
Phêrô	Nguyễn Văn	<u>Lưu</u>	Linh Mục	07.04
Augustinô	Nguyễn Văn	<u>Mới</u>	Nông dân TOP	19.12
Phaolô	Nguyễn Văn	<u>Mỹ</u>	Thầy giảng	18.12
Matthêô	Nguyễn Văn	<u>Phung</u>	Binh sĩ	26.05
Emmanuel	Nguyễn Văn	<u>Triêu</u>	Linh Mục	17.09
Phêrô	Nguyễn Văn	<u>Tự</u>	Linh Mục OP	05.09
Stephanô	Nguyễn Văn	<u>Vinh</u>	Nông dân TOP	19.12
Đaminh	Nguyễn Văn	<u>Xuyên</u>	Linh Mục OP	26.11
Vinh-sơn	Phạm Hiếu	<u>Liên</u>	Linh Mục OP	07.11
Phaolô	Phạm Khắc	<u>Khoan</u>	Linh Mục	28.04
Đaminh	Phạm Trọng	<u>Khảm</u>	Quan án TOP	13.01
Giuse	Phạm Trọng	<u>Tả</u>	Chánh Tổng	13.01
Luca	Phạm Trọng	<u>Thìn</u>	Chánh Tổng	13.01
Simon	Phan Đức	<u>Hòa</u>	Y sĩ	12.12
Philiphê	Phan Văn	<u>Minh</u>	Linh Mục	03.07
Augustinô	Phan Viết	<u>Huy</u>	Binh sĩ	12.06
Martinô	Tạ Đức	<u>Thinh</u>	Linh Mục	08.11
Phaolô	Tổng Viết	<u>Bường</u>	Quan thị vệ	23.10
Anrê	Trần An	<u>Dũng Lạc</u>	Linh Mục	21.12
Tôma	Trần Văn	<u>Thiện</u>	Chủng sinh	21.09
Anrê	Trần Văn	<u>Trông</u>	Binh sĩ	28.11
Phanxicô	Trần Văn	<u>Trung</u>	Cai đội.	06.10
Phêrô	Trương Văn	<u>Đường</u>	Thầy giảng	18.12
Phêrô	Trương Văn	<u>Thì</u>	Linh Mục	21.12
Luca	Vũ Bá	<u>Loan</u>	Linh Mục	05.06
Phêrô	Vũ Đăng	<u>Khoa</u>	Linh Mục	24.11
Đaminh	Vũ Đình	<u>Tước</u>	Linh Mục OP	02.04
Phaolô	Vũ Văn	<u>Đồng</u>	Thủ bạ	03.06
Bênadô	Vũ Văn	<u>Duê</u>	Linh Mục	01.08
Phêrô	Vũ Văn	<u>Truật</u>	Thầy giảng.	18.12

Tên thánh	Họ và	Tên	Thành phần	Lễ kính
Anrê		<u>Tường</u>	Nông gia	16.06
Anrê		<u>Phú Yên</u>	Thầy Giảng	26.07
Đaminh		<u>Mao</u>	Nông gia	16.06
Đaminh		<u>Nguyễn</u>	Chánh trương	16.06
Đaminh		<u>Nhi</u>	Nông gia	16.06
Đaminh		<u>Trạch</u>	Linh Mục OP	18.09
Đaminh		<u>Cẩm</u>	Linh Mục TOP	11.03
Đaminh		<u>Ninh</u>	Nông dân	02.06
Đaminh		<u>Huyền</u>	Ngư phủ	05.06
Đaminh		<u>Toai</u>	Ngư phủ	05.06
Gioan		<u>Đạt</u>	Linh Mục	28.10
Gioan Baotixita		<u>Còn</u>	Lý trưởng	08.11
Giuse		<u>Tuân</u>	Linh Mục OP	30.04
Giuse		<u>Hiển</u>	Linh Mục	09.05
Giuse		<u>Túc</u>	Giáo dân	01.06
Giuse		<u>Tuấn</u>	Giáo dân	07.06
Laurenô		<u>Ngôn</u>	Nông dân	22.05
Martinô		<u>Tho</u>	Viên thuế	08.11
Phanxicô Xavie		<u>Cẩn</u>	Thầy giảng	20.11
Phaolô		<u>Hanh</u>	Giáo dân	28.05
Phêrô		<u>Đa</u>	Thư Mục	17.06
Phêrô		<u>Khanh</u>	Linh Mục	12.07
Phêrô		<u>Dũng</u>	Ngư phủ	06.06
Phêrô		<u>Thuấn</u>	Ngư phủ	06.06
Tôma		<u>Toán</u>	Thầy giảng TOP	27.06
Tôma		<u>Khuông</u>	Linh Mục TOP	30.01

Vinh-sơn		<u>Tương</u>	Chánh Tổng	16.06
Vinh-sơn		<u>Dương</u>	Giáo dân	06.06

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 13: ĐƯỜNG VỀ QUÊ HƯƠNG CÁC THÁNH

Hàng năm, tới ngày kỷ niệm các vị Tử đạo, tại quê hương của từng vị vẫn có lễ hội của Giáo xứ và Giáo phận. Theo hướng loan Tin mừng cho đồng tộc, ngoài thánh lễ, rước kiệu, nên có thêm những sinh hoạt dành cho người cùng dòng họ với vị Thánh. Với sinh hoạt này, ngày kính vị Tử đạo sẽ sớm thành lễ hội của Dòng họ và có khả năng lôi cuốn người đồng tộc, giáo cũng như lương. Tại những nơi ở xa quê hương vị Thánh, nếu bà con đồng tộc có điều kiện cũng nên xây dựng tượng đài hoặc đền thánh. Những nơi này cũng sẽ có thể thành những điểm hành hương cho Dòng họ.

Ngày về viếng đền thánh Phêrô Vũ Đăng Khoa tại giáo xứ Thuận Nghĩa, Nghệ An, đứng trước tượng ngài, tôi chợt có cái ao ước gặp gỡ hậu duệ của ngài đang sống quanh đó. Khi biên soạn quyển Về Với Cội Nguồn, tới phần các vị thánh đồng tộc, tôi nghĩ cần cung cấp cho độc giả những thông tin cần thiết để có thể thực hiện những cuộc hành hương lý thú, vừa về thăm quê hương các thánh vừa giao lưu gặp gỡ với hậu duệ các ngài. Rất may, tôi đã gặp được sự giúp đỡ nhiệt thành của ông bà Phanxicô Xaviê Phạm Vũ Hiệp, Hà Nội (sđt: 0949-084-494). Hai vị đã đích thân hành hương đến quê quán sáu vị thánh họ Vũ-Võ, kính viếng các đền thánh, chụp hình và đích thân liên lạc với hậu duệ các vị thánh để có được những số liệu chính xác và sống động. Tôi xin được ghi lại ở đây như một gợi ý. Ước mong rằng hậu duệ các vị thánh thuộc những dòng họ khác cũng cung cấp cho chúng tôi những thông tin tương tự để, khi có điều kiện, chúng tôi có thể phổ biến lại cho đồng tộc của các ngài ở khắp nơi.

ĐƯỜNG VỀ QUẦN PHƯƠNG – QUÊ HƯƠNG THÁNH BÊNADÔ VŨ VĂN DUỆ

Đền Thánh kính thánh tử vì đạo Bênadô Vũ Văn Duệ tọa lạc tại làng Quần Phương, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, thuộc giáo phận Bùi Chu, cách Hà nội khoảng 150 km. Yên Định là một thị trấn nhỏ, đẹp, rất gọn gàng, đặc biệt đường quê ngõ xóm rất sạch. Ở đây gần biển nên không khí ẩm áp, trong lành dễ chịu. Người dân sống chủ yếu nhờ nông nghiệp. Bánh nhãn là đặc sản địa phương rất ngon và thơm. Quần Phương là giáo xứ toàn tông công giáo. Nhà thờ chính xứ ở giữa thị trấn. Giáo xứ này là một trong ba giáo điểm (Quần Phương Đông Cường, Trà Lũ Phú Nhai và Ninh Cường) trên quê hương Việt Nam được đón nhận Tin Mừng sớm nhất, từ năm 1533. Đền Thánh Bênadô nằm sau nhà thờ xứ, cách khoảng

200m, trong một khuôn viên rộng ước khoảng 2000 mét vuông. Ngoài tượng đài Cha Thánh rất lớn dựng ở bên ngoài, bên trong ngôi nhà thờ rất cổ kính, khá bề thế đẹp, rất trang trọng và tôn nghiêm còn có bàn thờ Cha Thánh. Phía trước tượng đài và cũng là trước đền thờ Cha Thánh còn có một ngôi nhà 15m x 8m, cao chừng 5m, mái cong rất cổ, lợp ngói ta vừa được tu sửa, quét màu ghi sáng rất ấn tượng.

Chi tộc họ Vũ ở Quần Phương khá đông và hiện còn giữ được gia phả lập ngày 15-11-1785. Cha Thánh Bênadô là chi thứ hai, con cụ cố Vũ Hữu Quán. Trưởng tộc hậu duệ hiện nay của Cha Thánh là Ông Vũ Hữu Ninh, 70 tuổi (năm 2010 - sđt: 0350-377-5017). Ông cùng Ông Vũ Văn Đốc, 61 tuổi, trông nom đền Cha Thánh (sđt: 0350-377-5577; 0169-980-188).

Hằng năm, Giáo xứ Quần Phương và hậu duệ Cha Thánh tổ chức giỗ ngài vào ngày 1-8 dương lịch và giỗ chi tộc họ Vũ ở Đông Cường – Quần Anh vào ngày 15-11 âm lịch.

ĐƯỜNG VỀ LÊ XÁ – QUÊ HƯƠNG THÁNH PHAOLÔ VŨ VĂN ĐỒNG

Thánh tử vì đạo Phaolô Vũ Văn Đồng là người làng Lê Xá. Vị thánh này có người con trưởng làm linh mục tên là Dương nên thường gọi theo tên con là Thánh Dương..

Về mặt xã hội, Lê Xá xưa kia cùng với thôn Cao Xá và thôn Bạ Lễ thuộc xã Vực Đường. Vào thời Hậu Lê, để tiện bề cai trị, vua chia xã Vực Đường thành 3 xã có tên là: Lê Xá, Cao Xá và Bạ Lễ.

Về mặt tôn giáo, trước khi vua tách xã, Vực Đường là một họ đạo thuộc xứ Cao Xá (nên hiểu Cao Xá này là tên của một xứ đạo thuộc Hưng Yên, chứ không phải là thôn Cao Xá như mới nói ở trên). Giáo dân của họ đạo Vực Đường hầu hết sống ở thôn Lê Xá, nên sau khi tách xã, họ đạo Vực Đường nằm gọn trong xã Lê Xá, còn lại hai xã kia chủ yếu là người lương. Vì thế nói giáo họ đạo Vực Đường hay giáo họ Lê Xá cũng là một. Vào năm 1915, giáo xứ Cao Xá được tách ra thành hai giáo xứ: Cao Xá và Đan Chàng. Lúc đó, họ đạo Lê Xá (Vực Đường) thuộc vào xứ Đan Chàng. Năm 1947, họ đạo Lê Xá được nâng lên là giáo xứ Lê Xá, và kể từ đây tên gọi họ đạo Vực Đường biến mất.

Năm 1954, hầu như toàn bộ giáo xứ Lê Xá di cư vào Nam. Sau đó có những gia đình gốc Lê Xá từ các vùng xung quanh quay về lại. Theo niên giám 2004, hiện nay Lê Xá là một giáo xứ nhỏ, chỉ có 201 tín hữu, thuộc xã Vũ Xá, huyện Kim Động (xưa là huyện Ân Thi), tỉnh Hưng Yên, thuộc giáo phận Thái Bình – do cha xứ Ngọc Đồng quản nhiệm.

Đường về Lê Xá: Từ thành phố Phủ Lý, đi khoảng 10km về phía bắc sẽ tới thị trấn Đồng Văn, lên cầu vượt, vào đường đi Hưng Yên và đi khoảng 8 km tới cầu Yên Lệnh , qua cầu là ngã tư Yên Lệnh, rẽ trái , đi khoảng 7 km, qua cả TP Hưng Yên tới giữa trung tâm thị trấn huyện Kim Động gặp ngã ba cây xăng, rẽ phải (về xã Vũ Xá và Giáo xứ Lê Xá) đi khoảng 5 km, nhìn bên trái sẽ thấy nhà thờ Giáo xứ Lê Xá. Nếu đi xe buýt từ Hà Nội thì đón xe buýt số 209 (Giáp Bát - Hưng Yên).

Khuôn viên Nhà thờ Giáo xứ không rộng lắm. Nhà thờ trước kia lợp ngói. Cột, dầm và kèo đều được làm bằng gỗ tốt, chạm trổ công phu và mỹ thuật, nhưng qua bao biến cố lịch sử, và không được coi sóc nhiều nên đã xuống cấp trầm trọng và đã được tu sửa 2004, lợp tôn. Người chăm sóc nhà thờ hiện nay là ông Vũ Văn Cường, sđt: 0321-3826-452).

Di cư vào Nam, phần đông giáo dân Lê Xá đến định cư tại Lạc An, tỉnh Bình Dương, lập thành họ đạo Lê Xá thuộc giáo xứ Mỹ Vân (Lạc An), giáo phận Phú Cường. Trên đường từ Hồ Nai về Sài Gòn, đến giáo xứ Hà Nội, theo đường Phát Triển, đi 12 km sẽ đến nhà nguyện họ Lê Xá tại ấp 1, xã Lạc An, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Cuối nhà nguyện giáo họ có tượng đài Thánh Phaolô Vũ Văn Đồng. Hằng năm, lễ mừng trọng thể được tổ chức cả ngoài Bắc và trong Nam vào ngày 03-6, quy tụ bà con đồng hương khắp nơi về tham dự mừng kính vị tử đạo này.

Hậu duệ Thánh Phaolô Vũ Văn Đồng:

Ô. Tôma Vũ Đức Tín, hiện ở Xuyên Mộc, sđt: 0643-877-663; 01627-101-314.

Ô. Tôma Vũ Trọng Tế, ở giáo xứ Thánh Tâm, Hồ Nai, sđt: 0613-885-590.

Lm Tôma Vũ Khắc Minh, ở giáo phận Kontum, sđt: 01679-984-138, 059-3864-399.

ĐƯỜNG VỀ THUẬN NGHĨA – QUÊ HƯƠNG THÁNH PHÊRÔ VŨ ĐĂNG KHOA

Đền Thánh Khoa: Từ Hà Nội vào, qua khỏi km 405 gặp cầu Giát (thuộc thị trấn Cầu Giát), đi thêm khoảng 500 mét, gặp đường rẽ bê tông phía tây, ranh giới giữa khối phố 7 và khối phố 8, đó đường vào nhà thờ giáo xứ Thuận Nghĩa. Đền Thánh Khoa ở sát cạnh nhà thờ. Đền thờ Thánh Khoa hiện nay được xây cất năm 1992. Hai bên đền thờ là hai khu đất nhỏ, nơi lưu giữ hài cốt và chôn cất các linh mục đã phục vụ giáo xứ. Giữa cổng và Đền Thánh Khoa là những hàng ghế để bà con giáo dân kính viếng Ngài

Lễ giỗ ngày 24-11 hằng năm tại Thuận Nghĩa được tổ chức rất trọng thể, rước và diễu hành đi rất xa vài ba cây số. Tại miền Nam: lễ giỗ được luân phiên tổ chức tại các xứ có đông

người gốc Thuận Nghĩa; cứ mười năm một lần bà con xa xứ lại quy tụ về quê hương Thuận Nghĩa một lần (năm 2010 là lần thứ hai).

Ông Vũ Đình Hòa, hậu duệ Cha Thánh năm nay 54 tuổi, hiện đang chăm sóc đền Thánh Khoa. sđt: 038-3770318; 01655403308. Cũng có thể liên hệ với ông Vũ Văn Sâm, sđt: 01638-687-376.

Từ Thuận Nghĩa phát xuất rất đông linh mục và tu sĩ nam nữ. Trong hàng hậu duệ của Thánh Khoa có Lm Vũ Văn Trí, phó xứ Hiệp Đức, giáo phận Phan Thiết, sđt: 0933-163-556; cha Nguyễn Duy Lam ofm (họ ngoại), sđt: 0937-893-885.

ĐƯỜNG VỀ CHUÔN TRUNG VÀ BÚT QUAI – QUÊ HƯƠNG THÁNH LUCA VŨ BÁ LOAN

Thánh Luca Vũ Bá Loan sinh tại giáo họ Bút Quai, giáo xứ Bút Đông và an táng tại thôn Chuôn Trung xã Chuyên Mỹ – Phú Xuyên – Hà nội (Hà Tây cũ). Tại đây có Đền và Nhà Thờ kính ngài.

Từ Hà Nội theo Quốc lộ số 1 xuôi về phía nam, tới km 38 hoặc 40, (có ba lối) rẽ phải vào đường liên huyện, đi khoảng 6 km là tới đền Cha Thánh Luca.

Chuyên Mỹ là một xã nông nghiệp trù phú, nhộn nhịp vì có nghề làm đồ gỗ giả cổ, chạm khắc lâu đời, rất uy tín. Dân toàn tông công giáo, mộ đạo và rất tôn kính Thánh Luca Vũ Bá Loan. Kẻ Chuôn gồm ba thôn Thượng, Trung và Hạ cùng nằm ven sông Nhuệ. Trước khi Cha Luca chết, cả ba thôn đều đòi xin xác cha về an táng. Cha đồng ý để cho Chuôn Trung lo. Họ chờ xác Cha từ Cầu Giấy về trên sông Nhuệ phải đi qua Chuôn Thượng. Đoán biết giáo dân Chuôn Thượng sẽ giữ di hài cha lại để chôn, họ tổ chức đi hai thuyền. Con thuyền trống dong cờ mở mang áo quan nhưng bên trong không có di hài Cha Thánh đi trước, bị giữ lại ở Chuôn Thượng. Còn con thuyền nhỏ lặng lẽ đi sau đã đưa di hài Cha Luca về tới Chuôn Trung an toàn. Chuôn Trung ở giữa nên cả hai thôn Thượng và Hạ đều có thể đến mộ, không xa.

Đền và Nhà thờ kính thánh Luca Vũ Bá Loan ở Chuôn Trung rất đẹp. Bàn thờ bằng gỗ quý, được chạm trổ và gắn ngọc trai hồng, trang trọng và mỹ thuật. Sau nhà thờ, trên tháp cao có tượng vị thánh tử đạo nhìn về hướng ngôi Đền kính ngài. Đền được dựng giữa một hồ nước đường kính khoảng 60m, với cây cầu nổi xinh xắn. Đền xây hình lục giác, hai tầng mái cong, ở mỗi cạnh được mở bằng 04 cánh cửa gỗ. Tượng Thánh Luca Vũ Bá Loan được tạc bằng đá quý.

Sinh quán cha thánh Luca Vũ Bá Loan là thôn Bút Quai – Duy Tiên – Hà Nam (thuộc Giáo xứ Bút Đông), cách Chuôn Trung 20 km về phía tây nam. Ta trở lại Quốc lộ 1A, đi tiếp về phía nam, đến thị trấn Đồng Văn, lên cầu vượt, rẽ trái vào đường sang Hưng Yên, khoảng 4km đến chợ Lương (chợ mở bên vệ đường) qua cầu Lương, là Giáo họ Bút Quai, nhà thờ cách đó khoảng 800m.

Theo bà con ở Bút Quai, con cháu trực hệ Thánh Luca Vũ Bá Loan nay không còn ai ở làng, chỉ vài người bà con họ ngoại rất xa của Cha Thánh như vợ ông Trần Văn Chiến, người đang coi sóc Nhà Thờ và Đền Thánh ở đây. Ông đã 77 tuổi (2011 - sđt: 01696281890).

Bút Quai là một giáo họ nghèo. Đền Thờ Cha Thánh vừa được xây xong tháng 6-2010 do giáo dân tại đây, giáo dân Chuôn Trung, khách hành hương, và một số linh mục có liên hệ xa gần cùng góp sức xây dựng. Hàng năm, giáo họ Bút Quai cũng như giáo dân Chuôn Trung cùng làm lễ giỗ Thánh Luca Vũ Bá Loan vào ngày 5-6 dương lịch.

ĐƯỜNG VỀ TRUNG LAO – QUÊ HƯƠNG THÁNH ĐA MINH VŨ ĐÌNH TƯỚC

Từ Hà Nội muốn về Trung Lao, ta theo Quốc lộ 1, xuôi nam, qua Phủ Lý, tới Nam Định, đi vào trung tâm thành phố, lên cầu Đò Quan, và từ Cầu này đến thị trấn Cổ Lễ khoảng 20 km. Khi đến gần giữa thị trấn có một cây cầu nhỏ bên phải, rộng và dài chừng vài ba mét gọi là cầu Diên Biên. Qua cầu này, là vào phố Trung Đông – Trung Lao. Sau khoảng 1 km tới cây cầu thứ tư kể từ cầu Diên Biên, rẽ trái là đền Cha Thánh Đa Minh Vũ Đình Tưốc. Đứng ở trên cầu hay trên đường cũng nhìn thấy được rất rõ.

Trung Lao là một giáo xứ lớn, có trên 8000 tín hữu với 10 Họ Đạo và 18 Xóm Giáo (trong đó có xóm Tây Phong là nơi Thánh Tưốc Chào Đời và có xây Nhà Nguyễn kính Ngài). Nhà thờ xứ bằng gỗ, Bàn thờ sơn son thiếp vàng cổ nhất Địa phận Bùi Chu, khởi công xây dựng cách đây 123 năm (1888-2011) ngày nay vẫn còn trơ gan cùng tuế nguyệt. Ngày 1.1.2010 Đức Cha Giuse Hoàng Văn Tiệm đã về xứ đạo nâng Nhà thờ Lên Đền Thánh với Tưốc Hiệu Maria Mẹ Thiên Chúa. tại toà vàng trong Thánh Đường có Tượng Thánh Tưốc bằng gỗ quý to cao 2m50 được thực hiện cách nay cả 100 năm, Đế tượng có hộp đựng xương của Ngài. Ngoài ra trong khuôn viên khu vực nhà thờ còn có Đài Tưởng niệm với tượng Thánh Tưốc đúc bằng đồng, uy nghi đứng bên cạnh Nhà Truyền thống của Giáo Xứ. Tại Trung Lao có rất đông người họ Vũ, rất mộ đạo và cũng rất sùng kính các Thánh tử đạo, trong đó có Thánh Đa Minh Vũ Đình Tưốc. Người đang coi sóc đền Thánh Tưốc là ông Vũ Đình Hàm (sđt: 0165232176), Theo ông Hàm, ở Trung Lao hiện có hơn 200 người theo đuổi ơn gọi tại các chủng viện và dòng tu trên toàn quốc.

Hằng năm, bà con Trung Lao tổ chức lễ giỗ Cha Thánh Đa Minh vào ngày 19/6 dương lịch, tổ chức rất trang trọng. Khách hành hương và khách mời rất đông. Đây là ngày lễ đông vui nhất trong năm ở Trung Lao.

Trung Lao là một giáo xứ sầm uất, nhộn nhịp và trù phú. Đa số dân làm nông, một số người đóng đồ gỗ, khắc và chạm khắc tinh vi. Tại quê nhà cũng như khi đi làm ăn xa, giáo dân Trung Lao sống có tổ chức, đoàn kết, biết chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau.

Còn về dòng tộc của Cha Thánh Đa Minh tại Trung Lao hiện có các ông Vinh Sơn Vũ Đình Sơn và Vinh Sơn Vũ Đình Sản, sđt: 01697149155. Cha Giuse Vũ Thanh Cảnh - Chính xứ Nam Định. TP Nam Định, sđt: 090 326 3902.

Muốn tìm hiểu rõ hơn, xin mời vào trang Giới trẻ Đồng Hương Trung Lao: <http://gioitretrunglao.webnode.com> .

ĐƯỜNG VỀ HÀ THẠCH – QUÊ HƯƠNG THÁNH PHÊRÔ VŨ TRUẬT

Thầy giảng Phêrô Vũ Truật là vị Thánh tử đạo duy nhất của Giáo phận Hưng Hóa, quê tại giáo xứ Hà Thạch. Giáo phận Hưng hóa nằm phần lớn ở trung du, miền núi Bắc bộ đất đỏ. Giáo xứ Hà Thạch thuộc góc đông nam Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; sát đường tỉnh lộ 320, ven bờ sông Hồng. Hiện tại giáo xứ này có đền kính thánh Phêrô Vũ Truật. Tượng đài và đền thánh tọa lạc trên một khu đất rộng. Đền thánh được khởi công xây dựng ngày 18-12-1997, do linh mục Phêrô Phùng Văn Tôn, và được Đức Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng cắt băng khánh thành, dâng lễ làm phép đền và tượng, ngày 18-12-1998.

Hậu duệ của Thầy Thánh Phêrô Vũ Truật hiện còn hai chi. Chi gần nhất là Ô Giuse Vũ Hữu Dụng, sinh năm 1947 (sđt: 0121-3714-358). Ông là hậu duệ 6 đời của Thầy Thánh Truật. Còn 01 chi nữa ở cách Đền Thánh 6km, vì lý do kinh tế nên chi này đã bỏ họ Vũ sang họ Nguyễn nhưng vẫn tụ họp ngày giỗ Thầy Thánh Truật vào 18-12 hàng năm. Trước kia bà con ở đây còn giữ được ảnh chân dung Thánh Truật, có hai dòng chữ nhỏ chạy dọc hai bên. Hiện nay bà con đồng hương Hà Thạch, trong nước và hải ngoại, một số nơi còn giữ được di ảnh.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 14: PHONG TRÀO LIÊN KẾT DÒNG HỌ

Cuộc kỷ niệm 50 năm huấn thị Plane compertum est là dịp để người Công giáo Việt Nam hòa nhịp với trào lưu chung khắp nơi. Sau ngày đất nước thống nhất, biết bao người lặn lội tìm

lại tông tích người thân, bà con họ hàng và tìm lại gia phả. Đầu những năm 1990, nhiều ban liên lạc dòng họ ra đời và các cuộc gặp gỡ ngày càng nở rộ. Thoạt đầu là những nhóm liên lạc ở các thành phố lớn. Mấy năm sau những ban liên lạc địa phương đã nối kết với nhau thành ban liên lạc cả nước, rồi tiến đến thành lập Hội Đồng Dòng Họ cả nước. Ngày càng nhiều những đại hội toàn quốc của các dòng họ, có dòng họ còn phát hành cả thẻ hội viên...

Cùng lúc, trước tình cảnh việc học sa sút, nhiều gia tộc đã tổ chức việc khuyến học cho con em; nhiều từ đường được tôn tạo hoặc xây mới; nhiều tác phẩm nghiên cứu riêng về từng dòng họ được ấn hành. Những sự kiện từ dưới lên đã cộng hưởng với các ban liên lạc hoặc Hội đồng Dòng tộc từ trên xuống, tạo nên một luồng văn hóa lôi cuốn cả sự chú ý của tổ chức UNESCO.

Vào Google và gõ: "gia phả - dòng họ - nguồn cội", chỉ trong 6 trang, ta đã đọc thấy 18 trang web riêng của các dòng họ:

www.trinhoc.com ,

www.hovuvovietnam.com ,

www.donghoninh.wordpress.com ,

www.nguyendac.com ,

www.hophamlangnhuong.com ,

www.hodinhvietnam.com ,

www.hothaicamlo.info ,

www.hodangbinhnghe.com ,

www.hodovietnam.vn ,

www.hohoanghuynhvietnam.vn ,

www.hopham.org ,

www.mactoc.com ,

www.hokhuatvietnam.org ,

www.hothan.org, danggia.org ,

www.hotvietnam.org ,

www.dangtocvietnam.com ,

www.trandang.net

Ngoài những trang web riêng các dòng họ, có những trang web chuyên đề nghiên cứu về gia phả hoặc lo dịch vụ làm gia phả:

www.giaphavietnam.com

www.phahe.vn,

www.vanhoadongho.vn , ...

Ta có thể gõ tìm "nguồn gốc họ ..." và dễ dàng tìm được thông tin của cả những họ ít gặp như họ Trình, họ Lữ, họ Lại, họ Thân, họ Kiều...

Gỡ "ban liên lạc (các) dòng họ" hoặc "đại hội dòng họ...", ta còn khám phá ra rằng việc liên kết các họ tộc không dừng lại trên các phương tiện thông tin mà còn đi vào hoạt động thực tế khá rầm rộ.

Phong trào liên kết dòng họ phát triển hết sức nhanh. Mở trang mạng một dòng họ nào đó và bấm vào "kết nối" hoặc "liên kết", ta sẽ thấy mỗi dòng họ không phải chỉ có một website... Đọc thử một số thông tin, ta sẽ thấy chỉ dăm tháng sau đại hội dòng họ cấp tỉnh một nơi nào đó, các đại hội cấp thành phố, huyện và thị xã đã nối đuôi theo.

Phong trào có một ưu điểm là vượt trên ranh giới địa phương, không phân biệt lương giáo. Nếu người Công giáo biết quan tâm nhập cuộc thì đây là cơ hội rất tốt để hòa đồng với bà con cùng dòng họ.

Phong trào này thúc đẩy người ta tìm dựng lại gia phả, lập lại từ đường, tổ chức lại các ngày giỗ chung (ở miền Trung gọi là "tế hiệp"). Một số bà con ở thôn quê cảm thấy an tâm vì giờ đây đã có một chỗ dựa, đã được thuộc về một tổ chức sinh hoạt văn hóa, vừa mang tính huyết tộc, vừa mang tính tâm linh. Cũng có thể vì thế họ thấy không cần phải có một tôn giáo... Đây cũng là điểm đáng cho các giới chức Công giáo suy nghĩ khi theo đuổi ước mơ chia sẻ Tin mừng với đồng bào.

Số nhà thờ dòng họ tân tạo ngày càng nhiều ("nhà thờ" là một kiến trúc biệt lập, dành riêng cho việc thờ phụng, phân biệt với "từ đường" là gian thờ trong nhà vị trưởng tộc, thường có tính cách hạn hẹp trong vòng ba hay bốn đời). Trên địa bàn tỉnh Bình Định, từ đầu năm đến giữa tháng 10-2013, chỉ riêng dòng họ Võ đã có thêm ba nhà thờ mới, hai do bà con góp sức chung công, một do những người khá giả trong gia tộc... Cùng lúc, có những nhóm đồng tộc nghèo và ít người, không sao làm nổi nhà thờ riêng. Có lẽ chính cái nghèo ấy đang biến họ thành đối tượng của lòng thương xót Chúa: "Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước

Thiên Chúa là của anh em” (Lc 6,20). Chính Thiên Chúa là Cha nhân ái đang dành cho họ một mái nhà chung, nhà thờ hay từ đường trăm họ, nơi Ngài quy tụ dân nghèo của Ngài.

Trào lưu văn hóa tâm linh này còn song đôi với sự bùng phát những tin tưởng về phong thủy, dễ khiến người lương thêm khép lòng lại với Tin mừng. Ngược lại, nó cũng ôm theo cả những mâu thuẫn, khiến người ta lúng túng. Nếu người Công giáo biết dần thân nhập cuộc kịp thời thì đây lại có thể thành một cơ hội mới của Tin mừng, cơ hội để truyền giảng cho mọi người nhận ra chỉ có một Thiên Chúa là Cha Chung, là Nguồn Cội đích thật duy nhất.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 15: CƠ HỘI CHIA SẼ LÒNG TIN

Ngày truyền thống từng dòng tộc tại mỗi giáo xứ sẽ tạo cơ hội để tập thể đồng tộc Công giáo tìm hiểu lòng tin và mối chân tình của tập thể đồng tộc ngoài Công giáo đối với Tổ tiên, và cũng là cơ hội để chia sẻ lòng tin với họ. Những cố gắng cá nhân dễ rơi vào mỗi một, nhưng khi biến thành ý chí tập thể, sẽ trở nên bền bỉ lâu dài. Giữa một xã hội nhiều sức ép, việc từng người tiếp nhận đức tin lấm ngại ngừng, khi đức tin được những người thân cùng chia sẻ, sẽ đầy sức mạnh.

Nếu tại giáo xứ, dòng họ nào cũng cử hành một ngày truyền thống dòng họ mình, người Công giáo sẽ có nhiều cơ hội để gặp gỡ các đồng tộc ngoài Công giáo và giúp họ gần gũi với giáo lý Đạo Chúa. Đó cũng là cách thiết thực để đền ơn đáp nghĩa Tổ Tiên.

Thật vậy, tổ phụ các dòng họ tại Việt Nam, tổ phụ Abraham hay tổ phụ Giacóp của người Do Thái, hoặc bất cứ tổ phụ nhân loại nào khác cũng chỉ là những hình ảnh giúp con cháu hướng về nguồn cội cuối cùng là chính Thiên Chúa Tạo Hóa, là Cha chung tất cả mọi người.

Lòng tin của người Công giáo và của anh chị em lương dân nhiều điểm thoát nhìn có vẻ giống nhau nhưng thực ra vẫn khác biệt rất tinh vi. Ví dụ niềm tin rằng tổ tiên từ bao đời vẫn đang anh linh phù hộ cho con cháu. Người Công giáo hiểu sự phù hộ này theo nghĩa Tổ Tiên chuyển cầu cho con cháu trước Tòa Thiên Chúa. Mỗi ngày ta đón nhận biết bao ơn lành Thiên Chúa, từ cơm ăn, nước uống, khí thở, ánh sáng mặt trời cho đến sức khỏe, trí khôn, tình yêu và tự do; cả tiền bạc vật chất cũng là ơn lành của chính Thiên Chúa Tạo Hóa; Ngài ban tất cả cho ta làm phương tiện để đáp lại tình thương của Ngài mà sống cho nên người như Ngài muốn. Tổ tiên xưa ăn ngay ở lành là nhờ ơn Chúa và nay đang linh hiển hộ phù con cháu cũng là nhờ ơn Chúa. Thử nghĩ xem, mai kia chúng ta chết đi và một nọ cháu con ta thấp hương khẩn cầu chúng ta phù hộ, chúng ta sẽ lấy quyền phép nào và lấy từ kho tàng nào để trợ giúp chúng, nếu không phải là lúc ấy chính chúng ta sẽ chuyển cầu cho chúng trước mặt Cha trên trời để Ngài ban ơn phúc cho chúng? Người ta quên rằng chính Thiên Chúa Tạo Hóa đã xét xử

và thưởng phạt mọi thế hệ tổ tiên. Chỉ những tổ tiên nào đang được hưởng phúc với Thiên Chúa thì mới có khả năng chuyển cầu cho con cháu trước thánh nhan Ngài.

Do mê tín, người ta thêu dệt hình ảnh một thế giới vô hình theo mẫu thế giới hữu hình: mỗi dòng họ có châu quận riêng, chết rồi ai về châu quận nấy. Quyển Lịch Vạn Niên bên Tàu liệt kê 510 châu quận ở thế giới bên kia, chỉ gồm toàn những địa danh bên Tàu, vậy thì người Lào, người Campuchia, người Úc, người Phi, người Mỹ chết rồi đi đâu? Ngay cả người Tàu, chết rồi sẽ về châu quận của cha hay của mẹ? Rồi những người đã cải từ họ này sang họ khác, sẽ đi về đâu? Những chuyện ấy chẳng khác nào câu hỏi lảm cẩm của nhóm Sadốc xưa về chuyện dựng vợ gã chồng bên kia thế giới (x. Mt 22,23-33).

Quý dữ hết sức tinh quái. Xưa nó đã dám dùng lời Kinh Thánh để tìm cách dẫn dụ Chúa Giêsu rời xa ý muốn của Thiên Chúa Cha (x. Mt 4,6). Nay nó cũng dùng đủ các chiêu bài hết sức tốt lành để dẫn dụ người ta chối bỏ Thiên Chúa là Cha Chung. Trên đường làm công tác nối kết Dòng họ, tôi được biết không ít những chuyện đau buồn khá giống nhau. Có những nơi hầu hết bà con đồng tộc đều tập trung sum họp trong ngày tế hiệp nhưng riêng một nhóm nào đó, dù có liên hệ gia phả rất rõ và rất gần, vẫn không chịu về. Vì một lý do nào đó, ba bốn đời trước đây, người đứng đầu nhánh ấy đã tự tách ra, chẳng những không còn về tế hiệp mà còn lưu truyền cho con cháu những lý giải thiếu trung thực, đáng buồn, vẽ nên hình ảnh không đẹp về gốc tổ. Ở một chừng mực nào đó, khi chỉ quan tâm tới những bậc Tổ tiên mười đời trở lại đây mà lãng quên Nguồn Cội đích thật và đời đời, người ta cũng đang theo đuổi một sự chia cắt đáng buồn như thế.

Trực giác về sự "quy tiên" (chết là về với tổ tiên nguồn cội) sẽ rực sáng lên khi người ta nhận biết Đấng Tối Cao là cội nguồn cuối cùng, duy nhất và đích thực, đồng thời cũng là đích điểm cuối cùng mọi loài phải vươn tới. Mọi thế hệ tổ tiên đều đã, và mọi thế hệ con cháu đều sẽ trở về với nguồn cội cao nhất, từ đó loài người đã phát xuất ra (x. Ga 13,3). Chỉ một mình nguồn cội ấy, chỉ một mình Thiên Chúa Chí Thánh, mới đáng cho ta yêu kính hết dạ hết lòng và nhiệt thành phụng sự đến hy sinh mạng sống. Mọi thụ tạo, cá nhân cũng như tập thể, đều có thể khiến những kẻ dấn thân phụng sự nó bị vỡ mộng, chỉ một mình Thiên Chúa mới hoàn toàn trung tín, không để cho kẻ tin thờ Ngài phải thất vọng bao giờ.

Những hạn chế về gia phả sẽ giúp ta vượt khỏi tầm mức bé nhỏ cục bộ để vươn tới tình huynh đệ đại đồng... Những hạn chế trên đường về nguồn cội sẽ thức tỉnh ta hướng về cội nguồn cuối cùng và đích thật.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 16: NHỮNG CỘI NGUỒN ẢO

Tuần Thánh năm 2010, tôi được đi thăm huyện đảo Lý Sơn. Những bia mộ ở đây có một nét đặc biệt. Tất cả các mộ họ Võ dù thuộc nhánh nào cũng bắt đầu bằng ba chữ “Thái Nguyên Quận”. Họ Nguyễn là “Trần Lưu Quận”, họ Bùi là “Hà Đông Quận”, họ Trần là “Vĩnh Xuyên Quận”, họ Trương là “Thanh Hà Quận”, họ Dương là “Hoàng Nông Quận”, họ Lê là “Kinh Triệu Quận” và họ Phạm là “Cao Bình Quận”. Phần đông cư dân trên đảo cho rằng đó là tên những châu quận trên đất liền mà các dòng họ này phát xuất. Tôi rất ngạc nhiên vì một vài địa danh rất lạ, mới được nghe lần đầu, và vì không có thời nào trong lịch sử đất nước đã được trực tiếp chia thành quận thay vì tỉnh. Khi đến thăm chùa Từ Quang ở An Hải, tôi nêu câu hỏi và thầy Thích Hành Hỷ đã cho một câu trả lời khá thỏa đáng. Theo thầy, việc ghi châu quận như thế chỉ áp dụng cho người chết chứ không cho người sống. Tập tục này được ghi trong quyển Lịch Vạn Niên. Một phụ lục của quyển này liệt kê 510 dòng họ, mỗi dòng họ có kèm theo tên một châu quận và một số dòng họ có chung châu quận. Người ta hình dung địa lý cõi âm có nhiều châu quận khác nhau, khi sống người ta có thể trôi dạt bất cứ đâu trên trái đất, nhưng khi chết thì ai về châu quận nấy. Như thế, ba chữ “Thái Nguyên Quận” trên bia mộ người họ Võ không phải là địa chỉ xuất phát nhưng là địa chỉ đến.

Tôi đã có dịp đến thăm cụ Vũ Hiệp tại tư gia ở đường Lý Tự Trọng, quận I. Là một nhà nghiên cứu nổi tiếng về gia phả và các dòng họ Việt Nam. Theo cụ, gốc gác 510 dòng họ trước khi được xem như bản đồ địa lý cõi âm, thì đã là tư liệu địa lý nhân văn có thật tại Trung Quốc. Cụ cũng đồng thời lưu ý rằng việc gán ghép các dòng họ Việt Nam vào những nguồn gốc ấy của Trung Quốc là chuyện cần xét lại. Trước thời Bắc thuộc, tên gọi của người Việt giản dị như của đồng bào các sắc tộc ít người hiện nay, thường gồm một từ để chỉ nam hay nữ và một từ chỉ là tên gọi. Ngay cả nơi tên hai bà Trưng thì chữ Trưng không phải là tên một dòng họ (ngoài hai bà, ta không gặp một nhân vật nào khác có chữ Trưng đi trước tên gọi) mà chỉ là tên của làng Chung, một làng sống bằng nghề chưng kén, kéo tơ, dệt lụa. Kén nhất được gọi là kén Trắc, kén hạng hai được gọi là kén Nhì hay khén Nhị. Như thế, Trưng Trắc có nghĩa là cô Nhất ở làng Chung và Trưng Nhị là cô Nhị ở làng Chung.

Theo ông Vũ Hiệp, do nhu cầu quản lý nhân khẩu để đồ hộ, người Tàu đã bắt người Việt phải đi vào một hệ thống dòng họ. Do những điều kiện cụ thể từng nơi, từng thời điểm, người dân ở một khu vực nào đó được ghép vào một số dòng họ nhất định nào đó. Sự kiện này cũng đã xảy ra đối với một số cộng đồng sắc tộc ít người, chẳng hạn nơi thông tin sau đây trên trang Văn Hóa Học:

“Các dân tộc ở miền núi Quảng Ngãi vốn có tên mà không có họ, vì thế không có thuật ngữ riêng để chỉ dòng họ. Mỗi người có tên gọi riêng và kèm theo đó là một bổ ngữ chỉ giới tính...

Vào thời nhà Nguyễn và Pháp thuộc, để dễ theo dõi hộ tịch, hộ khẩu và sổ đình trong các làng nóc miền núi Quảng Ngãi, các dân tộc miền núi trong tỉnh đều được đặt họ Đinh (theo họ cha), tức có nghĩa là thằng, đũa (con trai), dần dần con gái cũng theo họ cha mà ghi trong hộ tịch, hộ khẩu, hoặc kê khai đi học là họ Đinh ⁽⁸⁾.

Năm 1969, khi Bác Hồ mất, hầu hết người Cor ở Trà Bồng đổi sang họ Hồ. Số đông người Hrê ở Ba Tơ lấy họ Phạm (họ của đồng chí Phạm Văn Đồng), phần lớn đồng bào người Hrê ở Sơn Hà, Minh Long, đồng bào Ca Dong ở Sơn Tây vẫn còn giữ họ Đinh.”

<http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-to-chuc-doi-song-tap-the/2284-guan-he-gia-dinh-lang-xom-cua-nguoi-quang-ngai.html>

Trường hợp họ Vũ Võ lúc đầu cũng thế. Bàn về ông Vũ Hồn (804-853), người được coi là thủy tổ họ Vũ-Võ tại Việt Nam, cụ Vũ Hiệp nêu một nhận xét lý thú rằng cả gia phả, tộc phả và thần phả đều không nói Vũ Hồn có một người con nào. Tác giả Tiến sĩ Vũ Huy Thuận, trong bài “Giới thiệu sách cổ văn hoá làng Mộ Trạch” (<http://hovuvovietnam.com/Gioi-thieu-sach-co-van-hoa-lang-Mo-Trach>) cũng có viết: “Ngọc phả làng Mộ Trạch kể lại rằng: Cụ Vũ Hồn (804-853) sau khi từ quan (843-844) đã đến nơi đây lập trang trại đặt tên là “Khả Mộ trang”... Khi cụ mất (853), dân Khả Mộ trang lập miếu thờ cụ như vị sáng lập thôn Khả Mộ (đến triều Trần 1226 được đổi tên là Mộ Trạch). Để tưởng nhớ công lao của cụ, dân trong làng đều mang họ của cụ. Họ Vũ. Cũng từ đó, Cụ không chỉ được thờ như vị thành hoàng làng, mà còn được coi là thủy tổ họ Vũ Mộ Trạch.”

Gần đây người ta phát hiện ra đền thờ hai nhân vật họ Vũ sống nhiều thế kỷ trước ông Vũ Hồn: đền thờ bà Vũ Thị Thục, nữ tướng của Hai Bà Trưng và đền thờ nhà giáo Vũ Thê Lang, được cho là của thời Hùng Vương. Dù vậy ông Vũ Hồn vẫn được đa số người họ Vũ-Võ ngày nay dành cho danh hiệu thủy tổ họ Vũ-Võ ở Việt Nam, và theo tôi, điều ấy chính đáng, bởi một lẽ duy nhất là đại chúng đương thời đã vì cảm mến ông mà cải sang họ Vũ-Võ, coi ông như tổ phụ.

Có những người gốc họ Võ nhưng nhiều thế hệ qua đã mang một họ khác. Lại cũng có những người mang họ Võ nhưng thật ra là từ một dòng họ khác cải sang. Việc khám phá ra chuyện cải họ có thể khiến nhiều người bị hụt hẫng. Khi hoàn thành bài viết về họ Võ tỉnh Phú Yên, trong đó có thông tin về một nhánh họ Võ ở xã Hòa Thắng trước kia là họ Lê, tôi gửi cho một người con gái nhánh này xem. Cô hồi âm cho tôi như sau:

“Chào bác ! Con đã đọc bài viết về họ Võ mà bác đã trải qua không ít công sức để truy tìm về cội nguồn của dòng họ Võ. Con thật sự bất ngờ về một sự thật mà lâu nay con thuộc thế hệ trẻ nên không biết được, đó là con thuộc về nguồn gốc họ Lê chứ không phải họ Võ. Điều này làm con có một chút ngậm ngùi.

Trong ý nghĩ của con lại đặt ra một dấu hỏi.

Quá khứ của lịch sử là một sự bí ẩn chưa có sự khẳng định nhất định. Ví như trước thời ông Cao tổ của con thuộc về dòng họ Lê, vậy các đời trước hơn nữa liệu các cụ cao tổ thuộc về họ gì ? và những biến đổi của nó như thế nào ? điều này làm con phân vân. Nhưng rồi con suy nghĩ rằng dù con mang dòng họ nào thì con vẫn biết ơn các cụ tổ đã sáng lập ra các dòng họ để con cháu ngày nay được mang tên dòng họ của các cụ lưu truyền lại. Và điều này đã làm con cảm thấy vui bác à, con mong rằng sau này con sẽ có nhiều cơ hội được hiểu về nguồn gốc đích thực của các cụ tổ mà hiện đang là một dấu hỏi rất lớn trong suy nghĩ của con bác ạ!

Cảm ơn bác nhiều lắm.

Con chúc bác có nhiều cơ duyên hơn nữa để tìm về cội nguồn nơi đích thực vẫn còn là một sự bí ẩn.

Chúc bác luôn sức khỏe và an lành.

Võ Thị Kim Đoan (số: 0988-234-828)

Nữ độc giả của tôi là một Phật tử ăn chay trường, nên sớm nhận ra ngay mọi sự đều vô thường và tương đối. Tôi muốn nói thêm với cô rằng, khi phải giấu họ Lê, ông Cao của cô đã chọn họ Võ chứ không phải một họ nào khác, hẳn là do ông cảm kích lòng tốt của một vài người họ Võ nào đó. Tương tự, nếu có người họ Võ nào đó phải thay tên đổi họ và đã chọn họ Lê chứ không phải họ khác, thì chắc hẳn vì ông thấy người họ Lê đáng mến. Nếu các vị tổ phụ nhân loại hướng lòng ta đến vị Cha Chung trên trời thì những thực tế về quan hệ họ hàng máu mủ dẫn ta đến cảm nghiệm anh em bốn biển một nhà. Điều thứ hai này bắt nguồn từ điều thứ nhất: Mọi người trên thế giới không thể là anh em với nhau nếu không có chung một người Cha.

Chúng ta đọc thấy trên nhiều bia mộ cụm từ sau đây: “Mộ thủy tổ họ...”, “Mộ cao tổ họ...”. Vị nằm ở đó được coi là “thủy tổ” nhưng người ta không biết tên, mặc dù có khi chỉ là người sống cuối thế kỷ XIX. Gia tộc phía nội tôi cũng nằm trong trường hợp này, vị tổ khuyết danh sống vào giữa thế kỷ XIX. Việc truy tìm thủy tổ một dòng họ quả là chuyện mịt mờ vô vọng nhưng cũng có cái hay là đánh thức nơi mọi người mỗi bận tâm đi tìm nguồn cội đích thực và cuối cùng của nhân loại là chính Thiên Chúa Tạo Hóa.

Hiểu như thế, ta sẽ tiến tới một thái độ trung dung về vấn đề gia phả. Một đằng, ta tâm đắc với lời Thánh Phaolô dạy ở đầu thư thứ nhất gửi cho Timôthê: “Đừng chú ý đến những chuyện hoang đường và những gia phả dài dòng; những cái đó chỉ gây ra tranh luận, chứ không đóng góp vào kế hoạch của Thiên Chúa mà đức tin cho chúng ta biết” (1Tm 1,4). Một đằng, vì ích lợi giáo dục, ta sẽ cổ võ đồng tộc và đồng đạo xây dựng lại bản gia phả giới hạn với những bậc Tổ Tiên hiện còn biết được, bởi lẽ đây là một công việc mang tính sư phạm, có tiềm năng đóng

góp vào sự phục hồi tấm “lòng lành”, cõi lòng hướng thiện cho thế hệ trẻ giữa dòng cuồng lưu của sự suy đồi đạo lý.

Trong bài tiếp sau về “tâm tư của người loan Tin mừng cho người cùng dòng họ”, tôi sẽ chia sẻ thêm về điều ấy.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặ San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sừ USA